ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương (nay là Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng) cấp lần đầu ngày 17/04/2007, cấp thay đổi lần thứ 22 ngày 10/08/2026)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ……/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ….. tháng …… năm 2026)

Bản cáo bạch này và các phụ lục của Bản cáo bạch sẽ được cung cấp tại:….. từ ngày:…..

Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Địa chỉ: Số 214, Đường Lê Thánh Tông, Phường Chí Linh, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0220 358 0414

Website: *http://www.songdacaocuong.vn*

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Bùi Thị Thanh Ngân

Chức vụ: Thư ký Công ty

Số điện thoại: 0220 358 0414

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG
DN: C=VN, S=HẢI DƯƠNG, L=Thành phố Chí Linh, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0800376530
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.10.27 21:16:13+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.0

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương (nay là Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng) cấp lần đầu ngày 17/04/2007, cấp thay đổi lần thứ 22 ngày 10/08/2026)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Giá chào bán: 12.500 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 6.000.000 cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 60.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 14, Tòa nhà Sudico, Đường Mễ Trì, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số điện thoại: 024 3868 9566/024 3868 9588 Fax: 024 3868 6248

Website: *http://www.kiemtoanava.vn/*

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Trụ sở chính: Tầng 17, Tòa tháp VCCI Tower, Số 9 Đào Duy Anh, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội

Số điện thoại: (84-24) 3728 0921 Fax: (84-24) 3728 0920

Website: *https://www.tvsi.com.vn/*

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 1

1. Tổ chức phát hành 1

2. Tổ chức tư vấn 1

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 1

1. Rủi ro về kinh tế 1

2. Rủi ro về luật pháp 6

3. Rủi ro đặc thù 6

4. Rủi ro về đợt chào bán 8

5. Rủi ro pha loãng 9

6. Rủi ro quản trị công ty 10

7. Rủi ro khác 11

III. CÁC KHÁI NIỆM 11

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 12

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành 12

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành 13

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành 15

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành 16

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 21

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 22

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại 26

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 26

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 27

10. Hoạt động kinh doanh 27

11. Chính sách đối với người lao động 56

12. Chính sách cổ tức 58

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất 59

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành 60

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán ...

.....60
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 61
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 61
1. Kết quả hoạt động kinh doanh 61
2. Tình hình tài chính 66
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành 82
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....84
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC/PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG 87
1. Thông tin về cổ đông sáng lập.....87
2. Thông tin về cổ đông lớn.....87
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.....90
3.1. Danh sách Hội đồng Quản Trị 90
3.2 Danh sách Ban Kiểm soát 99
3.3. Danh sách Ban Điều hành.....104
3.4. Kế toán trưởng - Trần Văn Hoan 108
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....109
1. Loại cổ phiếu.....109
2. Mệnh giá cổ phiếu 109
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán 109
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá 109
5. Giá chào bán dự kiến.....110
6. Phương pháp tính giá 110
7. Phương thức phân phối.....112
8. Đăng ký mua cổ phiếu 114
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu 115
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu 116
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu 116
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành116
13. Hủy bỏ đợt chào bán.....116

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài 116
15. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến cổ phiếu chào bán) 117
16. Thông tin về các cam kết 118
17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt 118
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 120
1. Mục đích chào bán 120
2. Phương án khả thi 120
3. Thông tin về tình hình triển khai dự án 120
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 120
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN 121
1. Các đối tác liên quan đến đợt chào bán ra công chúng 121
2. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán ra công chúng 122
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 122

DANH MỤC BẢNG, SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1. Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường 15
Sơ đồ 2. Sơ đồ cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường 16
Bảng 1. Danh sách công ty con 22
Bảng 2. Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ 23
Bảng 3. Cơ cấu cổ phiếu phổ thông tại ngày 16/09/2026 26
Bảng 4. Doanh thu thuần và lợi nhuận gộp riêng lẻ qua các năm 31
Bảng 5. Doanh thu thuần và lợi nhuận gộp hợp nhất qua các năm 33
Bảng 6. Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2024; 31/12/2025; 30/06/2026 và 30/09/2026 34
Bảng 7. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp theo thị trường 35
Bảng 8. Các hợp đồng lớn đã được ký kết và đã hoàn thành hoặc đang được thực hiện 38
Bảng 9. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty 41
Bảng 10. Tình hình lao động của Công ty 56
Bảng 11. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp nhất 61
Bảng 12. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh riêng lẻ 63
Bảng 13. Tình hình vốn điều lệ năm 2024 – Quý III/2026 66
Bảng 14. Tình hình vốn kinh doanh hợp nhất năm 2024 – 30/09/2026 67
Bảng 15. Tình hình vốn kinh doanh riêng lẻ năm 2024 – 30/09/2026 68
Bảng 16. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh hợp nhất năm 2024 – 30/09/2026 69
Bảng 17. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh riêng lẻ năm 2024 – 30/09/2026 70
Bảng 18. Tình hình công nợ hợp nhất 72
Bảng 19. Tình hình công nợ riêng lẻ 73
Bảng 20. Tình hình các khoản phải thu hợp nhất 73
Bảng 21. Tình hình các khoản phải thu riêng lẻ 74
Bảng 22. Các Khoản phải thu quá hạn tại 30/09/2026 75
Bảng 23. Tình hình các khoản phải trả hợp nhất 75
Bảng 24. Tình hình các khoản phải trả riêng lẻ 77
Bảng 25. Tình hình dư nợ vay của Công ty qua các năm 78
Bảng 26. Tình hình các khoản phải nộp Nhà nước 79
Bảng 27. Tình hình số dư các quỹ trích lập theo luật định 80
Bảng 28. Các chỉ tiêu tài chính năm 2024 – 2025 80
Bảng 29. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh 2026 84
Bảng 30. Danh sách cổ đông lớn SCL tại ngày 16/09/2026 87
Bảng 31. Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn 88
Bảng 32. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán 120

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Ông: Kiều Văn Mát	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Vũ Văn Chiến	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông: Trần Văn Hoan	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Bà: Bùi Thị Thanh Hiền Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 352/2024/UQ-TGĐ ngày 28/02/2024 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số IB0207/TVSI-SCL/2026 ngày 02 tháng 07 năm 2026 với Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

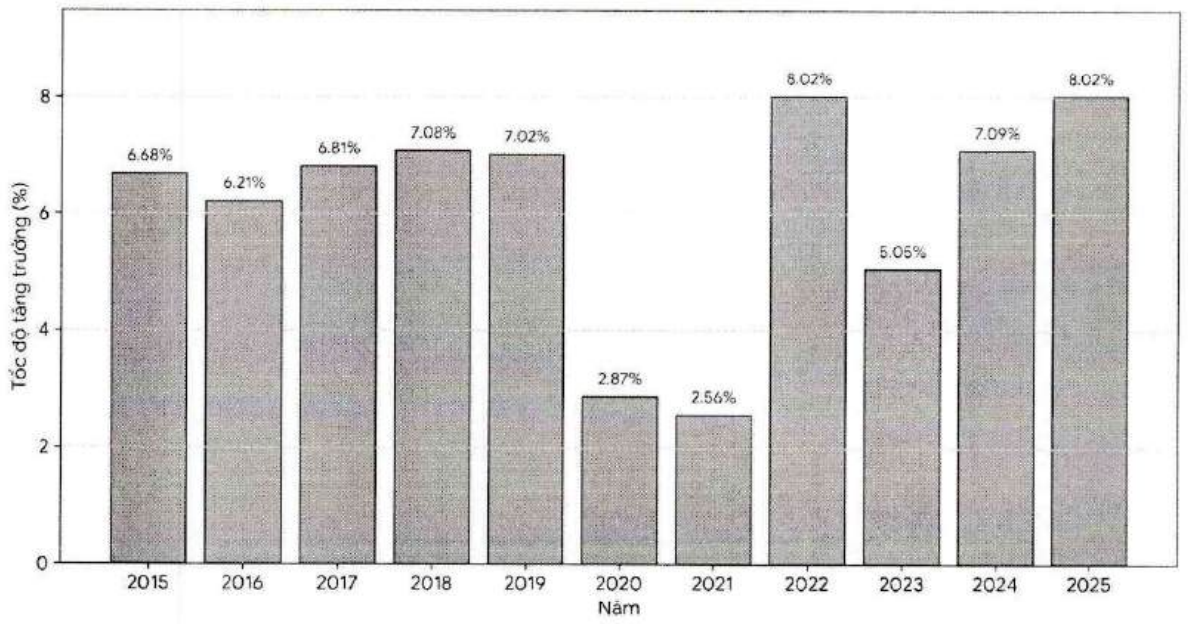
Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng và phát triển của doanh nghiệp. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô với các nhân tố cơ bản là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái… Sự biến động của các yếu tố này thường mang tính tác động hệ thống tới đa số các ngành nghề trong nền kinh tế. Phân tích môi trường vĩ mô nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành của doanh nghiệp.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều yếu tố bất định như xung đột địa chính trị, cạnh tranh chiến lược giữa các nền kinh tế lớn, xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng, biến động giá năng lượng, tỷ giá và lãi suất quốc tế. Những yếu tố này đã tác động đến chuỗi cung ứng toàn cầu, hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế, qua đó ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng của nhiều nền kinh tế, trong đó có Việt Nam.

Mặc dù chịu tác động từ những biến động của kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì đà tăng trưởng tích cực nhờ sự điều hành linh hoạt của Chính phủ, ổn định kinh tế vĩ mô và đẩy mạnh đầu tư công. Năm 2025, GDP tăng 8,02% so với năm trước, là mức tăng chỉ thấp hơn năm 2022 trong giai đoạn 2011–2025. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,33%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,33%, khu vực dịch vụ tăng 8,14%, tiếp tục khẳng định vai trò là những động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế. Quy mô nền kinh tế tiếp tục được mở rộng, tạo nền tảng thuận lợi cho hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm (2015 - 2025)
Nguồn: Tổng cục Thống kê (GSO)



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Bước sang năm 2026, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực. Theo số liệu của Cục Thống kê, GDP 9 tháng đầu năm 2026 ước tăng 9,01% so với cùng kỳ năm trước, trong đó riêng quý III/2026 tăng 9,95%. Xét theo khu vực kinh tế, trong 9 tháng đầu năm, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,02%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 11,21%, khu vực dịch vụ tăng 8,69%. Hoạt động sản xuất công nghiệp, đặc biệt là ngành chế biến, chế tạo, tiếp tục giữ vai trò động lực tăng trưởng chủ yếu, cùng với việc đẩy

mạnh đầu tư công, mở rộng hoạt động xuất khẩu và cải thiện nhu cầu tiêu dùng trong nước, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn phải đối mặt với những thách thức từ biến động chính sách thương mại quốc tế, áp lực lạm phát, biến động tỷ giá và giá nguyên liệu đầu vào, có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, môi trường thương mại quốc tế vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Việc Hoa Kỳ áp dụng chính sách thuế quan mới đối với hàng hóa nhập khẩu từ nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, cùng với xu hướng gia tăng các biện pháp phòng vệ thương mại tại nhiều thị trường xuất khẩu lớn có thể ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu, thu hút đầu tư và triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Đồng thời, những biến động của giá dầu thế giới, chi phí logistics và giá nguyên vật liệu cũng có thể làm gia tăng chi phí sản xuất của doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, chủ yếu là tro bay, vữa khô trộn sẵn, keo dán gạch đá, keo chít mạch, gạch bê tông khí chưng áp AAC, tấm panel ALC và các sản phẩm vật liệu xây dựng mới. Do đó, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp từ tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế, đặc biệt là sự phát triển của ngành công nghiệp, xây dựng và bất động sản. Khi nền kinh tế tăng trưởng tích cực, đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng và bất động sản được thúc đẩy sẽ góp phần gia tăng nhu cầu tiêu thụ vật liệu xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngược lại, nếu nền kinh tế tăng trưởng chậm lại, thị trường xây dựng và bất động sản suy giảm hoặc tiến độ giải ngân đầu tư công không đạt kỳ vọng thì nhu cầu tiêu thụ vật liệu xây dựng có thể giảm, ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Lạm phát

Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Khi mặt bằng giá cả gia tăng, chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, nhân công và vận chuyển đều có xu hướng tăng theo, làm gia tăng giá thành sản xuất, ảnh hưởng đến khả năng kiểm soát chi phí cũng như hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Năm 2025, lạm phát của Việt Nam tiếp tục được kiểm soát ở mức phù hợp, góp phần duy trì ổn định kinh tế vĩ mô và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2025 tăng 3,31% so với năm 2024, đạt mục tiêu kiểm soát lạm phát do Quốc hội và Chính phủ đề ra. Mức tăng CPI chủ yếu đến từ sự gia tăng của nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống, nhóm thuốc và dịch vụ y tế, nhóm giáo dục, cùng với nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình và nhóm hàng hóa, dịch vụ khác. Trong khi đó, giá nhóm giao thông giảm do giá xăng dầu trong nước giảm theo diễn biến giá nhiên liệu thế giới đã góp phần kiềm chế tốc độ tăng của CPI.

Chỉ số giá tiêu dùng Việt Nam qua các năm so với cùng kỳ năm trước (%)



Năm	2021	2022	2023	2024	2025	9T/2026
CPI bình quân (%)	1,84	3,15	3,25	3,63	3,31	4,52

Bước sang năm 2026, áp lực lạm phát có xu hướng gia tăng do biến động giá năng lượng và nguyên liệu trên thị trường thế giới, cùng với sự gia tăng chi phí sản xuất và giá một số hàng hóa, dịch vụ trong nước. Theo Cục Thống kê, CPI bình quân 9 tháng đầu năm 2026 tăng 4,52% so với cùng kỳ năm 2025; lạm phát cơ bản tăng 4,26%; CPI bình quân quý III/2026 tăng 4,80% so với cùng kỳ năm trước.

CPI 9 tháng đầu năm 2026 tăng chủ yếu do: (i) chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,72% do giá thực phẩm và dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng; (ii) chỉ số giá nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,68% do giá thuê nhà, điện sinh hoạt và vật liệu xây dựng tăng; (iii) chỉ số giá nhóm giao thông tăng 6,06% do giá xăng dầu trong nước biến động theo giá nhiên liệu thế giới; (iv) giá một số nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng do chi phí đầu vào và nhu cầu tiêu dùng gia tăng. Bên cạnh đó, việc điều hành linh hoạt giá xăng dầu, bảo đảm nguồn cung hàng hóa và triển khai các giải pháp ổn định thị trường đã góp phần hạn chế áp lực lạm phát. Tuy nhiên, diễn biến giá năng lượng và chi phí sản xuất tiếp tục đặt ra thách thức đối với công tác kiểm soát lạm phát trong những tháng cuối năm 2026.

Đối với CTCP Sông Đà Cao Cường (SCL), lạm phát có ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sản xuất, đặc biệt là chi phí điện năng, nhiên liệu, vận chuyển và một số nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất phụ gia khoáng cho ngành xi măng và vật liệu xây dựng. Trong trường hợp chi phí đầu vào tăng nhanh hơn khả năng điều chỉnh giá bán, biên lợi nhuận của Công ty có thể bị thu hẹp. Ngược lại, khi lạm phát được kiểm soát ở mức hợp lý sẽ góp phần ổn định chi phí sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh và nâng cao hiệu quả tài

chính của Công ty.

Rủi ro lãi suất

Lãi suất là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô có ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sử dụng vốn và hiệu quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp sử dụng vốn vay, sự biến động của lãi suất thị trường có thể làm gia tăng chi phí tài chính, ảnh hưởng đến lợi nhuận, dòng tiền và khả năng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2025, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ theo hướng chủ động và linh hoạt nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, đồng thời kiểm soát lạm phát và ổn định thị trường tiền tệ. Tuy nhiên, từ cuối năm 2025, trong bối cảnh nhu cầu tín dụng phục hồi, áp lực lạm phát gia tăng và cạnh tranh huy động vốn giữa các tổ chức tín dụng, mặt bằng lãi suất huy động tại nhiều ngân hàng thương mại có xu hướng tăng trở lại. Chi phí huy động vốn gia tăng đã tạo áp lực lên mặt bằng lãi suất cho vay, đặc biệt đối với các khoản vay trung và dài hạn, làm gia tăng chi phí sử dụng vốn của doanh nghiệp.

Bước sang 9 tháng đầu năm 2026, mặt bằng lãi suất tiếp tục chịu áp lực tăng trong bối cảnh nhu cầu vốn của nền kinh tế gia tăng, cùng với những biến động của thị trường tài chính quốc tế, tỷ giá và lạm phát. Theo Ngân hàng Nhà nước, đến ngày 20/9/2026, lãi suất tiền gửi bình quân của các giao dịch phát sinh mới đạt 6,38%/năm, tăng 1,15 điểm phần trăm so với cuối năm 2025. Trước diễn biến này, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành, đồng thời triển khai các giải pháp ổn định mặt bằng lãi suất huy động và cho vay nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhờ đó, tốc độ tăng lãi suất có dấu hiệu chậm lại, tuy nhiên mặt bằng lãi suất vẫn tiềm ẩn rủi ro biến động trước những diễn biến khó lường của kinh tế trong nước và quốc tế.

Đối với CTCP Sông Đà Cao Cường (SCL), biến động lãi suất là một trong những rủi ro tài chính cần được lưu ý. Khi lãi suất cho vay tăng, chi phí sử dụng vốn của Công ty có thể gia tăng, đặc biệt đối với các khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Điều này có thể làm giảm lợi nhuận, ảnh hưởng đến dòng tiền và hiệu quả sử dụng vốn. Ngược lại, nếu mặt bằng lãi suất được duy trì ổn định hoặc có xu hướng giảm, Công ty sẽ có điều kiện giảm chi phí tài chính, nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường năng lực cạnh tranh.

CTCP Sông Đà Cao Cường là một doanh nghiệp sản xuất, đồng thời đang tiến hành đầu tư xây dựng cơ bản nhiều hạng mục mới phục vụ mục tiêu mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Việc sử dụng đòn bẩy tài chính thông qua các công cụ nợ là tất yếu đối với Công ty, do đó, lãi suất có tác động lớn trực tiếp tới kết quả kinh doanh, lãi suất tăng quá cao hay biến động bất thường sẽ khiến các hoạt động của Công ty bị ảnh hưởng nặng nề, đồng thời tạo ra sự bị động khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh. Công ty chủ yếu vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - chi nhánh Bắc Hải Dương và Công ty cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ Cao Cường (Bên có liên quan), trong đó khoản vay với Công

ty cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ Cao Cường là khoản vay dài hạn lãi suất cố định. Do đó, khi lãi suất cho vay của BIDV có sự thay đổi tăng thì lợi nhuận của Công ty sẽ bị giảm.

2. Rủi ro về luật pháp

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các loại vật liệu xây dựng mới như tro bay; vữa khô trộn sẵn; keo dán gạch đá; keo chít mạch; gạch nhẹ chưng áp AAC; sản xuất thạch cao nhân tạo, đây là lĩnh vực nghiên cứu đặc thù tại Việt Nam. Do vậy, Công ty chịu sự điều chỉnh trực tiếp từ các văn bản pháp luật liên quan đến các tiêu chuẩn kỹ thuật về vật liệu xây dựng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành và các văn bản pháp luật liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường (Nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành. Để hạn chế rủi ro vi phạm, doanh nghiệp phải bám sát các chính sách và quy định của luật về lĩnh vực này.

Bên cạnh đó, Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường là công ty đại chúng có cổ phiếu đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM, do đó hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Trong quá trình hoàn thiện thể chế và chính sách, hệ thống pháp luật Việt Nam thường xuyên được rà soát, sửa đổi và bổ sung nhằm phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế. Sự thay đổi của các quy định pháp luật có thể làm phát sinh rủi ro tuân thủ, gia tăng chi phí thực hiện hoặc yêu cầu Công ty phải điều chỉnh quy trình quản trị, hoạt động sản xuất kinh doanh và công bố thông tin để đáp ứng các quy định hiện hành.

3. Rủi ro đặc thù

Hiện nay, Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng mới như tro bay, vữa khô trộn sẵn, keo dán gạch đá, keo chít mạch, gạch bê tông khí chưng áp (AAC), thạch cao nhân tạo và các sản phẩm vật liệu xây dựng khác. Do đặc thù hoạt động sản xuất, Công ty có thể phải đối mặt với các rủi ro sau:

- Rủi ro từ biến động giá nguyên vật liệu và tỷ giá ngoại tệ: Một số nguyên vật liệu, phụ gia và thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty được nhập khẩu hoặc chịu ảnh hưởng từ giá cả trên thị trường quốc tế. Do đó, biến động tỷ giá ngoại tệ, giá nguyên vật liệu thế giới, chi phí logistics và chính sách thương mại của các quốc gia cung cấp có thể làm gia tăng giá vốn hàng bán, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, lợi nhuận và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Rủi ro từ sự gia tăng chi phí sản xuất: Hoạt động sản xuất của Công ty tiêu thụ lượng điện năng lớn và chịu tác động đáng kể từ biến động giá điện, giá xăng dầu, chi phí vận chuyển, logistics, chi phí nhân công và các yếu tố đầu vào khác. Từ ngày 10/5/2025, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân tăng 4,8%; đồng thời, cơ chế tính giá điện theo thời gian sử dụng cũng được điều chỉnh đối với một số nhóm khách hàng. Bên cạnh đó, biến động giá xăng dầu có thể làm gia tăng chi phí vận chuyển nguyên vật liệu, chi phí phân phối sản phẩm và kéo theo sự gia tăng giá của nhiều loại hàng hóa, dịch

vụ phục vụ sản xuất. Trường hợp các yếu tố chi phí đầu vào tiếp tục tăng trong khi Công ty chưa thể điều chỉnh giá bán tương ứng hoặc chưa tối ưu hóa được chi phí sản xuất, kết quả hoạt động kinh doanh và khả năng sinh lời của Công ty có thể bị ảnh hưởng.

- Rủi ro về nguồn cung nguyên liệu: Một số sản phẩm của Công ty sử dụng tro bay và các nguyên liệu đặc thù làm đầu vào sản xuất. Trong trường hợp nguồn cung nguyên liệu bị gián đoạn, chất lượng nguyên liệu không đáp ứng yêu cầu hoặc giá nguyên liệu tăng mạnh do biến động thị trường, Công ty có thể gặp khó khăn trong việc duy trì kế hoạch sản xuất, làm gia tăng chi phí và ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các đơn hàng.

- Rủi ro về an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp: Hoạt động sản xuất của Công ty sử dụng nhiều loại nguyên liệu như tro bay, xi măng, cát và các phụ gia xây dựng, người lao động thường xuyên làm việc trong môi trường có bụi, tiếng ồn và thiết bị máy móc công nghiệp. Mặc dù Công ty luôn chú trọng công tác an toàn lao động, bảo hộ lao động và bảo vệ sức khỏe người lao động, song vẫn có khả năng phát sinh tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp, ảnh hưởng đến năng suất lao động, tiến độ sản xuất và phát sinh các chi phí liên quan.

- Rủi ro từ các quy định pháp luật và yêu cầu về môi trường: Hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng chịu sự điều chỉnh của nhiều quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và các quy định chuyên ngành khác. Trong trường hợp Nhà nước ban hành các quy định mới hoặc nâng cao tiêu chuẩn kỹ thuật, Công ty có thể phải đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị, công nghệ hoặc cải tạo dây chuyền sản xuất để đáp ứng yêu cầu pháp luật, từ đó làm tăng chi phí đầu tư và chi phí vận hành.

- Rủi ro cạnh tranh trong ngành: Mặc dù hiện nay số lượng doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm cùng phân khúc với Công ty chưa nhiều, tuy nhiên cùng với xu hướng phát triển vật liệu xây dựng xanh, vật liệu thân thiện với môi trường và nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng chất lượng cao, thị trường có thể thu hút thêm các doanh nghiệp mới tham gia hoặc các doanh nghiệp hiện hữu mở rộng quy mô sản xuất. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh về giá bán, chất lượng sản phẩm, công nghệ sản xuất và dịch vụ khách hàng có thể ảnh hưởng đến thị phần và khả năng cạnh tranh của Công ty.

- Rủi ro từ biến động của thị trường xây dựng và bất động sản: Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm vật liệu xây dựng của Công ty phụ thuộc đáng kể vào sự phát triển của ngành xây dựng, thị trường bất động sản và tiến độ triển khai các dự án đầu tư công. Trong trường hợp thị trường bất động sản tiếp tục gặp khó khăn, hoạt động xây dựng suy giảm hoặc tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công chậm hơn dự kiến, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm có thể giảm, ảnh hưởng đến doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Rủi ro về nguồn nhân lực: Nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đặc biệt là đội ngũ kỹ sư, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, giữ vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất và phát triển của Công ty. Trong bối cảnh thị trường lao động cạnh tranh, nhu cầu về nhân lực chất lượng cao ngày càng gia tăng, Công ty có thể gặp khó khăn trong việc tuyển

dụng, đào tạo và duy trì đội ngũ nhân sự có chuyên môn phù hợp. Bên cạnh đó, chi phí lao động có xu hướng tăng cũng có thể làm gia tăng chi phí hoạt động của Công ty.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Kết quả đợt chào bán cổ phiếu của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi diễn biến của thị trường chứng khoán, tình hình kinh tế vĩ mô, tâm lý nhà đầu tư cũng như diễn biến giá cổ phiếu SCL trên thị trường trong thời gian thực hiện chào bán. Mặc dù thị trường chứng khoán Việt Nam đang được kỳ vọng tích cực nhờ quá trình hoàn thiện khung pháp lý và các giải pháp hướng tới mục tiêu nâng hạng thị trường, tuy nhiên thị trường vẫn tiềm ẩn nhiều biến động do ảnh hưởng của chính sách tiền tệ, lãi suất, tỷ giá, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế cũng như các yếu tố địa chính trị. Những biến động bất lợi này có thể làm giảm nhu cầu đầu tư, ảnh hưởng đến khả năng phân phối cổ phiếu của Công ty.

Công ty dự kiến chào bán cổ phiếu với giá 12.500 đồng/cổ phiếu. Trường hợp tại thời điểm triển khai chào bán, giá giao dịch của cổ phiếu SCL trên thị trường giảm xuống thấp hơn giá chào bán hoặc diễn biến thị trường không thuận lợi, nhà đầu tư có thể hạn chế tham gia mua cổ phiếu, dẫn đến khả năng Công ty không phân phối hết số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành.

Mục đích của đợt phát hành là tăng vốn điều lệ nhằm cơ cấu lại nguồn vốn, nâng cao năng lực tài chính và thanh toán một phần các khoản vay ngân hàng, qua đó giảm dư nợ vay và chi phí tài chính. Trong trường hợp số lượng cổ phiếu phân phối thực tế thấp hơn kế hoạch, số vốn huy động được sẽ không đạt như dự kiến, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện phương án sử dụng vốn. Việc không thanh toán được các khoản vay theo kế hoạch có thể khiến dư nợ vay của Công ty tiếp tục duy trì ở mức cao, làm gia tăng chi phí lãi vay và ảnh hưởng đến các chỉ tiêu an toàn tài chính. Đồng thời, việc cơ cấu lại nguồn vốn không đạt như kế hoạch có thể ảnh hưởng đến các chỉ tiêu tài chính và khả năng đáp ứng một số điều kiện tín dụng, qua đó tác động đến quá trình xem xét cấp mới, gia hạn hoặc điều chỉnh hạn mức tín dụng của các tổ chức tín dụng đối với Công ty.

Để hạn chế các rủi ro trên, trường hợp số tiền huy động không đạt kỳ vọng, Công ty sẽ chủ động cân đối các nguồn vốn hợp pháp để bổ sung phần vốn thiếu hụt, phù hợp với tình hình tài chính và nhu cầu sử dụng vốn thực tế. Trước hết, Công ty ưu tiên sử dụng nguồn tiền thu được từ đợt chào bán, nguồn vốn tự có và dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn đến hạn đối với ngân hàng, qua đó bảo đảm khả năng thanh toán, duy trì lịch sử tín dụng và hỗ trợ kết quả đánh giá, xếp hạng tín dụng của Công ty tại các tổ chức tín dụng, đồng thời duy trì hạn mức tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh... Đồng thời, Công ty có thể chủ động đàm phán với các nhà cung cấp để gia hạn thời hạn thanh toán các khoản công nợ, qua đó góp phần cân đối dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Trường hợp cần bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư và phát triển, Công ty có thể chủ động huy động vốn vay từ các tổ chức tín dụng khác, phù

hợp với nhu cầu vốn và khả năng tài chính của Công ty, tuy nhiên lúc này Công ty sẽ gánh chịu thêm Chi phí tài chính và ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

5. Rủi ro pha loãng

Mức độ pha loãng giá cổ phiếu sau khi chào bán

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường của cổ phiếu SCL sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{P_t + (I \times PR)}{1 + I}$$

Trong đó:

P_{pl}: là giá tham chiếu điều chỉnh trong Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền

P_t: là giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền

I: là tỷ lệ vốn tăng trong trường hợp thực hiện quyền mua thêm đối với cổ đông hiện hữu: được tính = 6.000.000 cổ phần phát hành thêm quyền mua cho cổ đông hiện hữu/38.836.815 cổ phần đang lưu hành tại thời điểm phát hành (I = 0,1545)

PR: Giá phát hành đối với quyền mua cổ phiếu (PR=12.500 đồng/cổ phiếu)

Vào ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm giá cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh. Giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng P_{pl} phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng P_t

+ Nếu P_t = PR = 12.500 đồng/cổ phiếu thì giá cổ phiếu sau khi bị pha loãng $P_{pl} = P_t$ = 12.500 đồng/cổ phiếu.

+ Nếu P_t < PR, thì $P_t < P_{pl}$ và P_t càng thấp thì khoảng cách $P_{pl} – P_t$ sẽ càng cao.

+ Nếu P_t > PR thì $P_t > P_{pl}$ và P_t càng cao thì khoảng cách $P_t - P_{pl}$ càng cao. Với mỗi giá P_t cụ thể ta sẽ có giá P_{pl} tương ứng.

Rủi ro pha loãng giá xảy ra khi giá cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền $P_t > PR$ = 12.500 đồng

Ví dụ: Giả sử giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền P_t = 26.000 đồng/cổ phiếu. Giá pha loãng cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường sau đợt phát hành được xác định như sau:

$$P_{pl} = \frac{26.000 + (12.500 \times 0,1545)}{1 + 0,1545} = 24.193 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

(ví dụ nêu trên chỉ nhằm mục đích tính toán sự thay đổi về giá cổ phần khi cổ phiếu bị pha loãng theo quy định)

Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần sau khi chào bán (Pha loãng EPS)

Khi Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phần để tăng vốn, chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có thể sẽ bị giảm do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận như kỳ vọng. Khi đó EPS được tính như sau:

$$EPS\ bình\ quân\ kỳ = \frac{Tổng\ lợi\ nhuận\ sau\ thuế\ trong\ kỳ}{Tổng\ số\ cổ\ phần\ lưu\ hành\ bình\ quân\ trong\ kỳ}$$

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận với tốc độ tăng số lượng cổ phần: số lượng cổ phần tăng lên nhưng lợi nhuận sau thuế không tăng hoặc tăng với tốc độ chậm hơn sẽ làm cho thu nhập trên mỗi cổ phần sẽ bị giảm. Mức độ pha loãng thu nhập sẽ được khắc phục khi công ty làm ăn tốt, hiệu quả sử dụng vốn cao.

Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần được tính theo công thức:

$$Giá\ trị\ sổ\ sách = \frac{Vốn\ chủ\ sở\ hữu}{Số\ lượng\ cổ\ phần\ đã\ phát\ hành - cổ\ phiếu\ quỹ}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (giả sử không thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

Rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được Công ty điều chỉnh bằng cách sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, tăng trưởng các hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu (chủ yếu là chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ khác) tăng cao hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu phát hành.

Rủi ro pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị công ty có thể xuất phát từ việc quản trị công ty kém hiệu quả, ảnh hưởng tới sự phát triển lâu dài của Công ty và lợi ích của các cổ đông. Rủi ro quản trị là rủi ro tiềm ẩn, khó dự báo trước nhưng có thể ảnh hưởng lớn tới sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Việc quản trị công ty hiệu quả hay không phụ thuộc phần lớn vào vai trò của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, khi Hội đồng quản trị và Ban điều hành thực hiện điều hành Công ty nhưng không thực hiện công bố thông tin một cách minh bạch, rõ ràng sẽ dẫn đến việc các cổ đông

nắm bắt thông tin bị thiếu, gây ảnh hưởng tới quyền lợi của cổ đông. Ngoài ra, khi công tác quản trị Công ty kém hiệu quả cũng ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, rủi ro về quản trị công ty có thể phát sinh liên quan đến mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, người nội bộ, những người có liên quan của người nội bộ và các cổ đông. Các rủi ro phát sinh chủ yếu liên quan tới quyền lợi của các bên và sự kiểm soát công ty.

Đợt chào bán được thực hiện cho cổ đông hiện hữu nên rủi ro thay đổi cơ cấu quản trị được đánh giá là không lớn. Tuy nhiên, trong trường hợp tỷ lệ thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu thấp và số cổ phiếu còn dư được phân phối cho các nhà đầu tư khác theo phương án phát hành, cơ cấu sở hữu của Công ty có thể có sự thay đổi nhất định. Nếu lượng cổ phiếu phân phối lại lớn và tập trung vào một hoặc một số nhà đầu tư, quyền biểu quyết và khả năng tham gia vào hoạt động quản trị của các cổ đông hiện hữu có thể bị ảnh hưởng.

Rủi ro về quản trị cũng phát sinh do nguyên nhân về việc công bố thông tin không đủ và không đúng thời hạn như chậm công bố thông tin giao dịch của người nội bộ hoặc giao dịch của người có liên quan đến người nội bộ, chậm công bố thông tin về tình hình tài chính... dẫn đến ảnh hưởng quyền lợi của cổ đông, nhà đầu tư và Công ty có thể bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, chiến tranh và các sự kiện bất khả kháng khác có thể xảy ra ngoài khả năng kiểm soát của Công ty. Những sự kiện này nếu xảy ra có thể gây thiệt hại về người và tài sản, làm gián đoạn hoạt động sản xuất, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm, ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng nguyên vật liệu cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh và kết quả hoạt động của Công ty. Đặc biệt, trong bối cảnh tình hình địa chính trị thế giới còn diễn biến phức tạp, các xung đột quân sự kéo dài có thể gây gián đoạn chuỗi cung ứng, làm gia tăng chi phí nhiên liệu, năng lượng và vận chuyển, từ đó tác động gián tiếp đến chi phí sản xuất và hiệu quả hoạt động của Công ty.

Ngoài ra, hoạt động sản xuất của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời tiết cực đoan, thiên tai, dịch bệnh hoặc sự cố hỏa hoạn tại nhà máy, kho bãi. Các sự kiện này có thể làm gián đoạn hoặc đình trệ hoạt động sản xuất trong một khoảng thời gian nhất định, gây thiệt hại về tài sản, ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng và khả năng đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Mặc dù Công ty có các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát rủi ro, không thể loại trừ hoàn toàn khả năng các sự kiện bất khả kháng xảy ra và gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

Tổ chức phát hành/ SCL	:	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
TVSI	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BKS	:	Ban kiểm soát
UBCKNN	:	Uỷ ban chứng khoán nhà nước
BCTC	:	Báo cáo tài chính
CTCP	:	Công ty cổ phần
Luật Doanh nghiệp	:	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020
Luật Chứng khoán	:	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019
Luật Chứng khoán sửa đổi	:	Luật số 56/2024/QH15 đã được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024

Những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

Tên Công ty đầy đủ	:	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
Tên viết tắt	:	SONGDA CAOCUONG., JSC
Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài	:	Song Da Cao Cuong Joint Stock Company
Trụ sở chính	:	Số 214, Đường Lê Thánh Tông, Phường Chí Linh, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Điện thoại	:	(0220) 358 0414
Website	:	*www.songdacaocuong.vn*
Giấy CNĐKKD	:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương (nay là Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng) cấp lần đầu ngày 17/04/2007, cấp thay đổi lần thứ 22 ngày 10/08/2026

Vốn điều lệ	:	388.368.150.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	:	388.368.150.000 đồng
Người đại diện theo pháp luật	:	Ông Vũ Văn Chiến Chức vụ: Tổng Giám đốc
Mã cổ phiếu	:	SCL
Sàn đăng ký giao dịch	:	UPCOM
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (mã ngành 3290), chi tiết: *+ Sản xuất tro bay;* *+ Sản xuất vữa khô trộn sẵn;* *+ Sản xuất keo dán gạch đá, keo chít mạch;* *+ Sản xuất gạch nhẹ chưng áp AAC;* *+ Sản xuất thạch cao nhân tạo.*

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Năm 2007: Ngày 17/04/2007, Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Cao Cường chính thức được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000572 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 30 tỷ đồng, với định hướng lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất tro bay. Do đó, trong năm 2007, Công ty đã thực hiện xây dựng nhà máy tro bay đầu tiên, đặt nền móng cho sự phát triển tiếp theo; Công ty là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, lắp đặt, hướng dẫn vận hành, chạy thử, đào tạo và chuyển giao công nghệ dây chuyền sản xuất tro bay từ tro xỉ phế thải của Nhà máy nhiệt điện Phả Lại, bằng công nghệ tuyển ướt và sấy khô đồng bộ, hiện đại, đảm bảo năng suất, chất lượng, hiệu quả cao và bảo vệ môi trường. Đối với công nghệ xử lý tro xỉ nhiệt điện để sản xuất sản phẩm tro bay, đến nay công suất đạt trên 1.000.000 tấn/năm.

Năm 2008: Công ty đạt giải thưởng WIPO - Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam dành cho Dây chuyền công nghệ sản xuất tro bay;

Năm 2009: Công trình Dây chuyền chế biến tro bay của Công ty được Cục Bản quyền tác giả cấp chứng nhận và được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen. Cũng trong năm, Công ty thực hiện chào bán 1 triệu cổ phiếu cho cổ đông chiến lược và 2 triệu cổ phiếu ra công chúng;

Năm 2010: Ngày 22/04/2010, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường. Về sản xuất, Công ty tiến hành khởi công xây dựng Nhà máy gạch nhẹ ACC

và Nhà máy vữa khô trộn sẵn, mở rộng phạm vi cũng như quy mô kinh doanh. Trên thị trường chứng khoán, ngày 15/09/2010, Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

Năm 2011: Công ty đầu tư xây dựng thành công và đi vào hoạt động nhà máy sản xuất gạch nhẹ chưng áp với công suất 200.000 m^3/năm, đây là một trong những nhà máy lớn tại Việt Nam đi đầu trong lĩnh vực sản xuất gạch bê tông nhẹ thay thế gạch xây sản xuất bằng phương pháp nung đốt truyền thống, phù hợp với quy hoạch của Nhà nước về phát triển vật liệu xây dựng gạch xây không nung; Công ty sử dụng nguyên liệu từ tro xỉ của Nhà máy nhiệt điện Phả Lại qua dây chuyền xử lý để sản xuất, góp phần xử lý chất thải do nhà máy nhiệt điện thải ra.

Năm 2012: Công ty khánh thành nhà máy sản xuất vữa khô trộn sẵn, keo dán gạch đá, keo chít mạch; đến nay nhà máy này đã được cải tiến, đạt công suất khoảng 1.300.000 tấn/năm.

Năm 2013: Công ty nhận giải thưởng Vì môi trường xanh quốc gia, trở thành thành viên của Hội đồng Công trình xanh Việt Nam;

Năm 2014: Công ty được cấp giấy chứng nhận Doanh nghiệp khoa học - Công nghệ

Năm 2015 - 2016: Công ty thực hiện tăng vốn lên 138 tỷ đồng để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2017-2019: Công ty có nhiều thay đổi trong bộ máy quản trị, cơ cấu lại bộ máy quản lý, các nguồn lực được chuẩn bị và hoạch định để đáp ứng tốt yêu cầu đảm bảo phát triển bền vững, tối ưu hoạt động của công ty.

Năm 2020: Cổ phiếu SCL hủy niêm yết tại sàn HNX và chuyển sang giao dịch trên sàn UPCOM – Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Năm 2021: Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng kết hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu.

Năm 2022: Công ty thực hiện khởi công Xây dựng Tổ hợp nhà máy Vĩnh Tân - Bình Thuận (nay là Vĩnh Hảo, Lâm Đồng).

Năm 2023: Công ty thuộc Top 10 doanh nghiệp xanh và phát triển bền vững 2023.

Năm 2024: Tháng 12/2024, Công ty được Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam tặng giấy khen vì đã có nhiều thành tích xuất sắc trong việc thực hiện kinh tế tuần hoàn, đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng xanh, góp phần phát triển ngành Vật liệu xây dựng Việt Nam hiện đại và bền vững; tích cực tham gia các hoạt động nhằm xây dựng Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam vững mạnh.

Năm 2025: Tháng 01/2025, Công ty được Bộ Xây dựng tặng bằng khen vì đã có nhiều thành tích đóng góp cho sự phát triển ngành Vật liệu xây dựng Việt Nam.

Từ năm 2022 đến năm 2026, Công ty là một trong những đơn vị có đủ năng lực và trúng các gói thầu xử lý tro xỉ tại cụm nhiệt điện Vĩnh Tân, Bình Thuận (nay là Vĩnh Hảo, Lâm Đồng). Hiện tại, nhà máy giai đoạn 1 đã đi vào hoạt động thương mại.

Từ khi chính thức đi vào hoạt động đến nay, Công ty không ngừng mở rộng hoạt động sản xuất, đầu tư hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật, tìm kiếm thị trường, huy động và tối ưu hóa nguồn vốn. Cùng với sự điều hành sáng suốt, uyển chuyển, nhạy bén của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và với sự đồng thuận của toàn thể Cán bộ nhân viên, Công ty đã tập trung mạnh nguồn lực, con người để phát triển mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và khẳng định vị thế trên thị trường.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Sơ đồ 1. Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường



(Nguồn: SCL)

Nhà máy sản xuất, phòng thí nghiệm của Công ty được đặt tại Hải Phòng và Lâm Đồng:

- Tổ hợp nhà máy tại Hải Phòng gồm hệ thống các nhà máy và phòng thí nghiệm:
  + Phòng thí nghiệm XD/LAS 26.05 dùng để nghiên cứu, cải tiến các sản phẩm mà Công ty kinh doanh;
  + Nhà máy sản xuất tro bay Phả Lại;

+ Nhà máy sản xuất vữa xây dựng;
+ Nhà máy sản xuất keo dán gạch đá;
+ Nhà máy bê tông khí chưng áp;
+ Nhà máy chế tạo thiết bị.

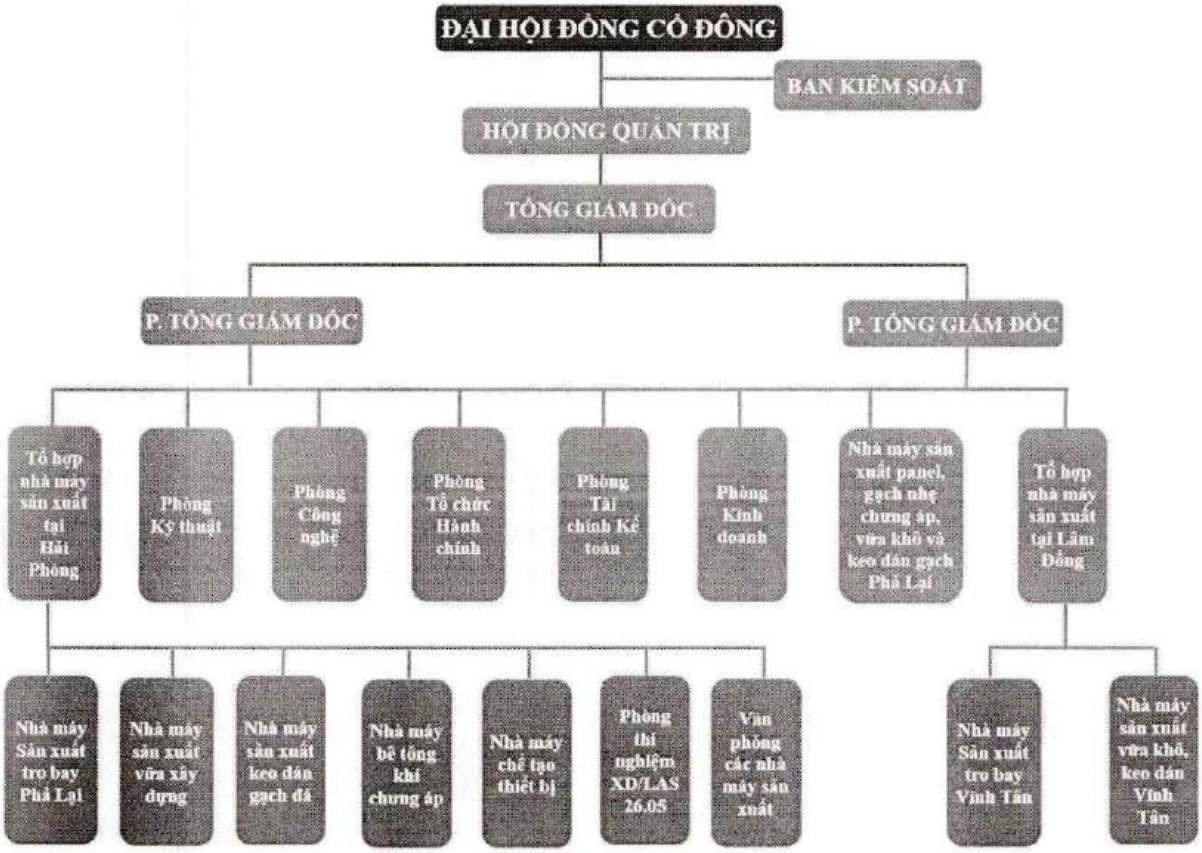
- Tổ hợp nhà máy tại Lâm Đồng gồm:
  + Nhà máy sản xuất tro bay Vĩnh Tân;
  + Nhà máy sản xuất vữa xây dựng, keo dán Vĩnh Tân;

Công ty con:

Công ty hiện có 1 công ty con là Công ty cổ phần Green SCL tại Vĩnh Phúc, Xã Vĩnh Hảo, Tỉnh Lâm Đồng. Công ty cổ phần Green SCL hoạt động trong lĩnh vực khai thác, sản xuất phụ gia dùng cho công tác bê tông và xi măng (sản phẩm tro bay sản xuất từ tro xỉ của nhà máy nhiệt điện chạy than); sản xuất than hoạt tính, than tổ ong, dầu thông, dầu tuyển.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Sơ đồ 2. Sơ đồ cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường



(Nguồn: SCL)

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty gồm năm (05) người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm ba (03) người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của Công ty, HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp. Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban Tổng Giám đốc gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng giám đốc hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc xử lý các công việc của Công ty.

Phòng Kỹ thuật

- Lập các kế hoạch liên quan đến nhiệm vụ được giao;
- Công tác quản lý kỹ thuật cơ điện, cơ khí, tự động hóa;
- Tham gia xây dựng các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật về sản xuất sản phẩm, gia công, chế tạo, sửa chữa;
- Cung cấp các chỉ tiêu kỹ thuật cho các phòng liên quan;
- Công tác thiết kế, thi công, quyết toán dự án; các đề tài khoa học;
- Công tác quản lý chất lượng; xe máy; thiết bị. Xây dựng các quy trình quản lý thiết bị của Công ty;
- Công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ; các phương án phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn;
- Quy hoạch đất đai;
- Phối hợp với phòng Tài chính Kế toán về các mức tiêu hao thực tế cho sản xuất sản phẩm, nhằm không ngừng hoàn thiện chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;
- Thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm khác và các nhiệm vụ Công ty giao;

- Phối hợp với các phòng, ban đơn vị để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Phòng Công nghệ

- Lập các kế hoạch liên quan đến nhiệm vụ được giao;
- Công tác quản lý công nghệ sản xuất
- Chủ biên xây dựng các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật về sản xuất sản phẩm.
- Cung cấp chỉ tiêu chất lượng cho các phòng ban liên quan, phối hợp với phòng Kinh doanh trong thiết kế quảng cáo, bao bì, thương hiệu, nhãn hiệu, tên hàng hóa, hồ sơ năng lực theo chỉ đạo của Công ty.
- Tham gia các đề tài khoa học.
- Công tác quản lý chất lượng; xây dựng các quy trình quản lý chất lượng của Công ty;
- Tổ chức thực hiện và thực hiện đánh giá chất lượng các nguyên nhiên vật liệu hàng hóa mua vào, sản xuất ra.
- Công tác môi trường.
- Thực hiện các quyền, nghĩa vụ trách nhiệm khác và các nhiệm vụ Công ty giao.
- Phối hợp với phòng Tài chính Kế toán về các mức tiêu hao thực tế cho sản xuất sản phẩm, nhằm không ngừng hoàn thiện chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;
- Phối hợp với các phòng, ban đơn vị để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Phối hợp với phòng Kinh doanh về hồ sơ năng lực, quảng cáo, bao bì, thương hiệu, nhãn hiệu, tên hàng hóa.

Phòng Tổ chức Hành chính

- Công tác tổ chức, đổi mới quản lý doanh nghiệp, tham mưu về bộ máy tổ chức quản lý, chức năng nhiệm vụ các đơn vị thuộc Công ty;
- Giám sát, kiểm tra, đôn đốc các phòng, ban đơn vị về việc thực hiện các chủ trương, chương trình, chỉ thị,… của Lãnh đạo Công ty;
- Công tác tổ chức lao động; quản lý chung đối với lao động toàn Công ty;
- Công tác tiền lương; bảo hiểm xã hội;
- Thực hiện và giám sát thực hiện các chế độ chính sách liên quan đến lao động;
- Quản lý bếp ăn Công ty và dịch vụ bảo vệ;
- Soạn thảo các văn bản về nội quy, quy chế, quy định quản lý liên quan đến nhiệm vụ của Phòng;
- Xây dựng nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể. Các nội quy, quy chế, quy định liên quan đến lao động, tiền lương, tiền thưởng, cách tính lương thưởng của Công ty; xây dựng các quy định về hành chính, văn phòng và quản lý chung khác;

- Thư ký Công ty; thực hiện công bố thông tin; Thực hiện phần còn lại của quan hệ cổ đông theo luật Doanh nghiệp (trừ phần việc thuộc phòng Tài chính Kế toán);
- Cải tiến Website Công ty, quản lý hợp đồng Website Công ty; quản trị thời hạn và gia hạn duy trì thuê không gian lưu trữ Website Công ty (Hosting). Các hợp đồng để thuê và duy trì các tên miền Công ty cần. Quản lí mật khẩu Website và đăng thông tin lên Website Công ty theo yêu cầu sản xuất kinh doanh theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc;
- Quản lí sử dụng Email thuộc quyền của Công ty;
- Hợp đồng dịch vụ kí số phục vụ công bố thông tin và bảo hiểm xã hội;
- Công tác hành chính: Kiểm tra tính pháp lý của công văn, tài liệu đi và đến, phát hành, lưu trữ, chuyển phát theo quy định, quản lý con dấu;
- Công tác văn phòng: Quản lý chung về tài sản, cơ sở vật chất văn phòng Công ty và trang bị văn phòng thuộc các đơn vị, đề xuất điều phối trang bị văn phòng, mua văn phòng phẩm và trang bị văn phòng;
- Bố trí các cuộc họp và các công tác liên quan đến khách và tổ chức các sự kiện; Chủ trì lập hồ sơ các giải thưởng;
- Vận hành xe con cho công việc theo điều động của Công ty;
- Đồng chủ trì và tham gia chương trình chấm công toàn Công ty;
- Thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm khác và các nhiệm vụ Công ty giao.

Phòng Tài chính Kế toán

- Thực hiện các công việc thuộc lĩnh vực kế toán tài chính, thống kê, thuế;
- Công tác tài chính doanh nghiệp, quản trị và phát huy hiệu quả sử dụng vốn, hồ sơ vay vốn, kiểm tra giám sát các hồ sơ liên quan; lập bảng lương và các hồ sơ thanh toán khác; thực hiện thanh quyết toán, quản lý tiền mặt;
- Lập các hợp đồng giao dịch thuộc lĩnh vực được giao và phối hợp lập các hợp đồng kinh tế khác;
- Chủ trì, quản lí, chỉ đạo về công tác thống kê, kho (bao gồm các nhà máy, bộ phận khác);
- Thực hiện, kiểm soát và hướng dẫn các đơn vị về: Phân bổ nguyên nhiên vật liệu, vật tư, biểu mẫu sổ sách, các báo cáo thống kê, xuất nhập;
- Chủ trì công tác thu tiền cổ phiếu, phát hành cổ phiếu; in phát hành các chứng thư và các xác nhận về sở hữu cổ phần, cổ phiếu;
- Soạn thảo các nội quy, quy chế, quy định, quy trình liên quan đến tài chính, kế toán, thống kê, quản lý kho…;
- Lập kế hoạch tài chính kinh doanh dòng tiền, tham gia lập kế hoạch kinh doanh của Công ty hằng năm, ngắn hạn, trung hạn, dài hạn;

- Chủ trì công tác thực hiện đối chiếu công nợ, phụ trách thu hồi công nợ theo chỉ đạo của Công ty;
- Hợp đồng dịch vụ kí số kê khai thuế và các phần mềm liên quan;
- Cung cấp thông tin, tài liệu cho Thư ký Công ty theo yêu cầu công việc; cung cấp bảng lương hàng tháng (bản mềm) cho phòng Tổ chức Hành chính để giám sát chế độ người lao động;
- Đồng chủ trì và tham gia chương trình chấm công toàn Công ty;
- Thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm khác và các nhiệm vụ Công ty giao.

Phòng Kinh doanh

- Lập các hợp đồng liên quan đến việc bán hàng;
- Khảo sát thị trường; Lập kế hoạch sản xuất sản phẩm và giao kế hoạch đó đến các đơn vị sản xuất. Thu thập thông tin và tác nghiệp với các đơn vị sản xuất nhằm có hàng bán đảm bảo số lượng, chất lượng, chủng loại, tiến độ cho thị trường; Giới thiệu sản phẩm; tổ chức thực hiện công tác bán hàng;
- Đối chiếu số liệu hàng bán với kho và khách, khớp giá bán và cấp cho kế toán để xuất hóa đơn bán hàng;
- Lập kế hoạch và báo cáo kinh doanh, bán hàng và phát triển thị trường; báo cáo thực hiện nợ phải thu, nợ phải trả liên quan. Các kế hoạch và báo cáo này được lập theo từng tháng, quý, 6 tháng và cả năm;
- Thực hiện, triển khai kế hoạch xuất nhập khẩu hàng hóa và hoàn thiện hồ sơ xuất nhập khẩu sản phẩm của Công ty.
- Lập và cập nhật thường xuyên hồ sơ năng lực Công ty, thông tin và tài liệu khác phục vụ kinh doanh; quản trị khách hàng, quảng cáo, bao bì, thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, tên sản phẩm mới…;
- Phối hợp cùng phòng Tài chính - Kế toán trong công tác thu đòi công nợ theo chỉ đạo của Công ty;
- Tư vấn hỗ trợ cho khách hàng;
- Thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm khác và các nhiệm vụ Công ty giao.

Nhà máy sản xuất (Tổ hợp nhà máy tại Hải Phòng và Lâm Đồng) và Phòng thí nghiệm XD/LAS 26.05

Phòng thí nghiệm XD/LAS 26.05 được đặt tại Hải Phòng và nằm trong tổ hợp nhà máy sản xuất tại Hải Phòng. Phòng thí nghiệm thực hiện việc giám sát và kiểm soát các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng trong suốt quá trình sản xuất, từ nguyên vật liệu đầu vào đến khi hoàn thành sản phẩm nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, phát hiện để khắc phục kịp thời các lỗi liên quan đến sản phẩm…

Tổ hợp nhà máy tại Hải Phòng gồm nhà máy sản xuất tro Phả Lại, Nhà máy sản xuất vữa xây dựng, Nhà máy sản xuất keo dán gạch đá, Nhà máy bê tông khí chưng áp, Nhà máy chế tạo thiết bị, Văn phòng các nhà máy. Ngoài ra, tại Hải Dương Công ty mới có thêm Nhà máy sản xuất panel, gạch nhẹ chưng áp, vữa khô và keo dán gạch Phả Lại. Riêng với tổ hợp nhà máy tại Lâm Đồng có Nhà máy sản xuất tro bay Vĩnh Tân và Nhà máy sản xuất vữa khô, keo dán Vĩnh Hảo. Các nhà máy có chức năng, nhiệm vụ:

- Tham gia mua vật tư hàng hóa (theo sự vụ được giao), tham gia quá trình bán hàng theo tác nghiệp của các phòng và chỉ đạo của cấp trên;
- Thực hiện xuất nhập hàng hóa, tài sản theo phân cấp quản lý; thủ kho, cân hàng, thống kê; Báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh, các báo cáo theo chuyên môn nghiệp vụ; các giải pháp, kiến nghị;
- Tổ chức sản xuất sản phẩm đảm bảo số lượng, chất lượng, tiến độ Công ty giao;
- Chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý, sử dụng và có phương án đảm bảo an toàn về tài sản, vật tư, nguyên nhiên vật liệu, máy thiết bị, phương tiện,… thuộc phạm vi được giao;
- Quản lý lao động theo Nội quy lao động, pháp luật về lao động cũng như các quy định hiện hành; Đề nghị các chế độ chính sách liên quan đến lao động;
- Công tác đào tạo lao động tại chỗ; Công tác chấm công theo phân công của Công ty, phân bổ khối lượng tiền công cho lao động bốc hàng hoặc lập chứng từ các khoản Công ty chi bồi dưỡng cho lao động;
- Công tác sửa chữa xe, máy, thiết bị, cơ sở vật chất kĩ thuật. Đảm bảo máy, thiết bị, phương tiện hoạt động bình thường;
- Chủ động tổ chức thực hiện các Phương án phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ ở phạm vi đơn vị mình và phối hợp thực hiện trong phạm vi toàn Công ty, ngoài Công ty;
- Thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm khác và các nhiệm vụ Công ty giao;
- Phối hợp với các phòng, ban đơn vị để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

a. Công ty mẹ

Danh sách công ty mẹ của SCL trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Không có.

b. Công ty con

Danh sách công ty con mà SCL đã góp vốn 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Bảng 1. Danh sách công ty con

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	GCN ĐKDN	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty cổ phần Green SCL	04/11/2025	3401277332	Khai thác, sản xuất phụ gia dùng cho công tác bê tông và xi măng (sản phẩm tro bay sản xuất từ trong xỉ của nhà máy nhiệt điện chạy than); sản xuất than hoạt tính, than tổ ong, dầu thông, dầu tuyển	85,834%	85,834%

(Nguồn: SCL)

Công ty cổ phần Green SCL được thành lập ngày 04/11/2025 với số vốn điều lệ đăng ký là 268 tỷ đồng và Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường sẽ góp 230 tỷ đồng tương ứng 85,821% vốn điều lệ. Trong thời gian góp vốn theo quy định, Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường đã chuyển 12,3 tỷ đồng (tương ứng 85,834%) vào góp vốn tại ngày 02/02/2026 và các cổ đông khác đã góp 2,03 tỷ đồng. Căn cứ vào số tiền vốn thực góp vào Công ty, Công ty Cổ phần Green SCL làm thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ và được Sở Tài chính Tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 ngày 14/4/2026.

c. Công ty mà Tổ chức Phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường hiện có Công ty Cổ phần Green SCL là công ty con, trong đó Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường đang sở hữu 85,834% vốn điều lệ và nắm quyền kiểm soát, chi phối tại Công ty Cổ phần Green SCL từ ngày 4/11/2025 đến thời điểm hiện tại.

d. Công ty/Tổ chức nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức Phát hành 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Không có.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Kể từ thời điểm thành lập đến nay, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ như sau:

Bảng 2. Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Đơn vị cấp
1	31/10/2007	20.000.000.000	50.000.000.000	Chào bán riêng lẻ	- Nghị Quyết ĐHĐCĐ số 40/NQ-ĐHCĐBT ngày 06/06/2007; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 0403000572 thay đổi lần 2 ngày 25/01/2008.
2	31/08/2008	10.000.000.000	60.000.000.000	Chào bán riêng lẻ	- Nghị Quyết ĐHĐCĐ số 01 ngày 21/06/2008; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000572 thay đổi lần 3 ngày 01/07/2008
3	25/02/2010	30.000.000.000	90.000.000.000	Phát hành 1 triệu cổ phiếu cho đối tác chiến lược; 2 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị Quyết ĐHĐCĐ số 246/NQ-ĐHCĐ ngày 29/09/2009; - Nghị quyết số 247/NQ-HĐQT ngày 29/9/2009; - Nghị quyết số 269/NQ-HĐQT ngày 14/10/2009; - Giấy phép của UBCKNN số 467/GCNCB ngày 10/12/2009; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0800376530 thay đổi lần 5 ngày 22/04/2010
4	06/11/2015	18.899.730.000	108.899.730.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	- Nghị Quyết số 276/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2014; Nghị quyết số 368/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2015 và Nghị Quyết số 455/NQ-HĐQT ngày 12/06/2015; - Giấy phép của UBCKNN số 78/GCN-UBCK ngày 08/10/2015; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530 thay đổi lần 9 ngày 30/11/2015;
5	12/01/2016	30.000.000.000	138.899.730.000	Chào bán cổ đông hiện hữu	- Nghị Quyết số 276/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2014 và Nghị Quyết số 368/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2015;

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Đơn vị cấp
					Giấy phép của UBCKNN số 78/GCN-UBCK ngày 08/10/2015; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530 thay đổi lần 10 ngày 15/01/2016;
6	30/08/2022	18.889.150.000	157.788.880.000	- Trả cổ tức bằng cổ phiếu: 1.388.915 cổ phiếu; - Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP: 500.000 cổ phiếu	- Nghị quyết số 542/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/12/2021 và Nghị quyết số 196/ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022; - Văn bản số 3783/UBCK-QLCB ngày 17/06/2022 về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 171/GCN-UBCK ngày 21/06/2022. - Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 193/2010/GCNCP-VSD-3 ngày 30/8/2022 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0800376530 thay đổi lần 14 ngày 22/08/2022.
7	15/09/2022	15.000.000.000	172.788.880.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết số 542/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/12/2021 và Nghị quyết số 196/ĐHĐCĐ ngày 28/04/2022; - Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán số 171/GCN-UBCK ngày 21/06/2022; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0800376530 thay đổi lần 15 ngày 06/10/2022.
8	15/12/2023	13.820.070.000	186.608.950.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022	- Nghị quyết số 261/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023; Nghị quyết số 569/NQ-HĐQT ngày 14/09/2023 và Nghị quyết số 796/NQ-HĐQT ngày 04/11/2023;

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Đơn vị cấp
					- Văn bản số 8208/UBCK-QLCB ngày 23/11/2023; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0800376530 thay đổi lần 16 ngày 02/01/2024.
9	26/03/2025	37.319.440.000	223.928.390.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023	- Nghị quyết số 336/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2024; Nghị quyết số 180/NQ-HĐQT ngày 17/02/2025 và Nghị quyết số 224/NQ-HĐQT ngày 27/02/2025; - Văn bản số 125/UBCK-QLCB ngày 11/03/2025; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0800376530 thay đổi lần 17 ngày 14/04/2025.
10	07/11/2025	20.150.360.000	244.078.750.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024	- Nghị quyết số 523/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2025; - Văn bản số 6613/UBCK-QLCB ngày 23/10/2025; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0800376530 thay đổi lần 19 ngày 19/11/2025.
11	05/12/2025	80.000.000.000	324.078.750.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết số 523/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2025; - Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán số 338/GCN-UBCK ngày 01/10/2025; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0800376530 thay đổi lần 20 ngày 09/12/2025.
12	10/06/2026	55.089.400.000	379.168.150.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025	- Nghị quyết số 486/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026; - Văn bản số 4503/UBCK-QLCB ngày 25/05/2026; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0800376530 thay đổi lần 21 ngày 18/06/2026.

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành	Đơn vị cấp
13	30/07/2026	9.200.000.000	388.368.150.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	- Nghị quyết số 486/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026; - Văn bản số 6090/UBCK-QLCB ngày 01/07/2026; - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0800376530 thay đổi lần 22 ngày 10/08/2026.

(Nguồn: SCL)

Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có): Không có

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Khoản góp vốn, thoái vốn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổ chức phát hành tại thời điểm thực hiện: Không có

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

a. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 3. Cơ cấu cổ phiếu phổ thông tại ngày 16/09/2026

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
1	**Cổ đông trong nước**	**38.826.353**	**99,97**	**99,97**
1.1	*Tổ chức*	*5.013.611*	*12,91*	*12,91*
1.2	*Cá nhân*	*33.812.742*	*87,06*	*87,06*
2	**Cổ đông nước ngoài**	**10.462**	**0,03**	**0,03**
2.1	*Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ 100% vốn điều lệ*	-	-	-
2.2	*Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ*	-	-	-
2.3	*Cá nhân*	10.462	0,03	0,03
Tổng cộng		**38.836.815**	**100**	**100**

(Nguồn: Danh sách cổ đông SCL ngày 16/09/2026 do VSDC cấp)

b. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

c. Các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Theo Công văn thông báo số 1963/UBCK-PTTT ngày 27/05/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: 49%
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty: Không có
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại *(tại ngày 16/09/2026)*: 0,03%.

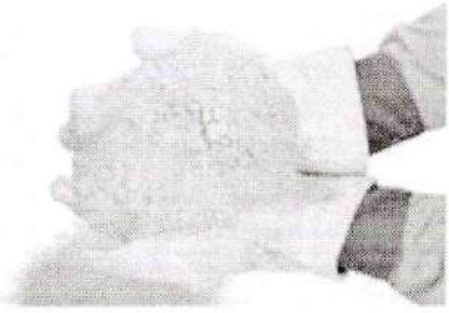
10. Hoạt động kinh doanh

10.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh

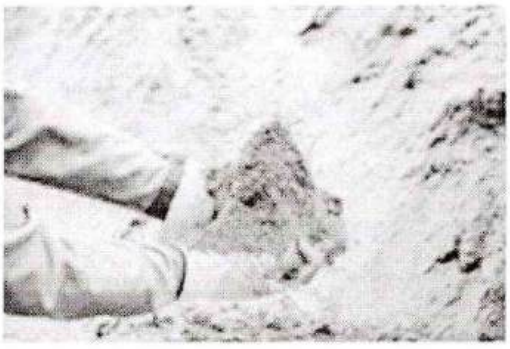
a. Các sản phẩm kinh doanh chính

Sản phẩm kinh doanh chính của Công ty là sản xuất các loại vật liệu xây dựng thế hệ mới, chi tiết bao gồm:

- **Tro bay**: Được sử dụng trong công nghiệp sản xuất xi măng; bê tông. Hiện tại Công ty sản xuất ra 2 loại tro bay chính là tro bay khô và tro bay ẩm.



Tro bay khô



Tro bay ẩm

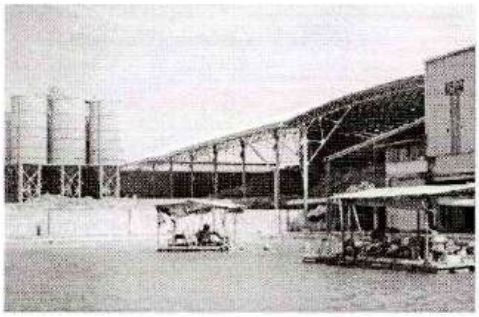
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, lắp đặt, hướng dẫn vận hành, chạy thử, đào tạo và chuyển giao công nghệ dây chuyền sản xuất tro bay từ tro xỉ phế thải của Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại bằng công nghệ tuyển ướt và sấy khô đồng bộ, hiện đại, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, đồng thời đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Công suất Nhà máy đạt 2.000.000 tấn/năm tro bay khô. Sản phẩm được ứng dụng rộng

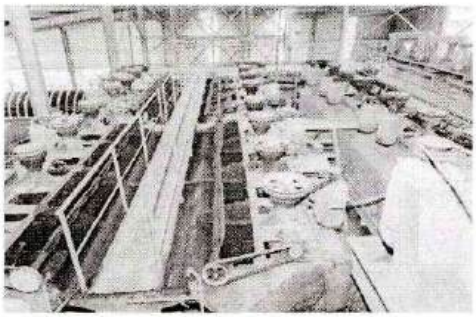
rãi trong ngành xây dựng, giao thông, thủy lợi, phụ gia sản xuất xi măng, vật liệu không nung....

Hiện nay, Công ty đã và đang cung cấp sản phẩm tro bay làm phụ gia bê tông đầm lăn (RCC) cho các công trình Thủy điện lớn trong và ngoài nước như: Thủy điện Sơn La, Thủy điện Bản Chát, Thủy điện Trung Sơn, Thủy điện Xekaman; Thủy điện Namtheun 1 – Lào, Thủy điện Nam Sam 3...

Với những đóng góp tích cực, nổi bật với việc sử dụng nguyên liệu tro bay chất lượng cao sau xử lý để sản xuất bê tông khí chưng áp thay cho việc sử dụng đất, cát đã góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản đang ngày càng cạn kiệt, chuyển đổi việc đốt than sang Biomass... làm giảm phát thải khí CO2 và các khí thải, chất thải gây hiệu ứng nhà kính.



Nhà máy sản xuất Tro bay



Hệ thống tuyển Tro bay

- **Vữa khô trộn sẵn**:

Vữa khô trộn sẵn của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường được sản xuất với mục đích thay thế xi măng và vữa truyền thống tại Việt Nam. Hiện nay các sản phẩm vữa xây dựng của Công ty được đánh giá là vật liệu xây dựng xanh. Các sản phẩm vữa xây dựng của Công ty được phân thành 2 loại chính là vữa xây dựng và vữa bê tông nhẹ.

Vữa xây dựng gồm 3 dòng sản phẩm chính:



Vữa xây dựng SCL Mortar bao Jumbo 1,5 tấn



Vữa xây trát gạch truyền thống SCL - Mortar



Vữa liên kết tấm EkoFlex

Vữa bê tông nhẹ gồm 2 dòng sản phẩm chính:



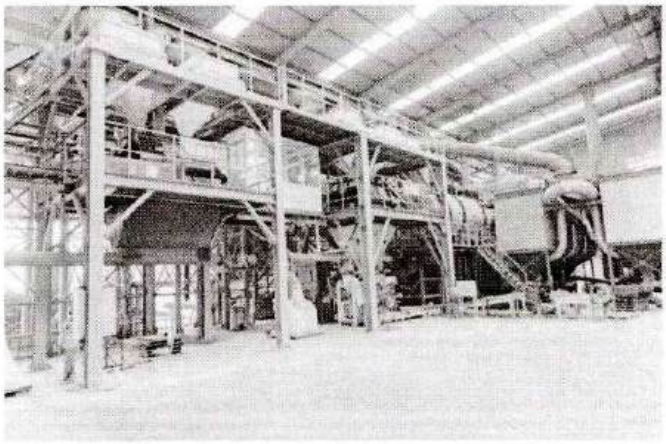
Vữa trát cho bê tông nhẹ



Vữa xây cho bê tông nhẹ

Sản phẩm được Công ty cung cấp tới thị trường VLXD với công suất lên tới 2.000.000 tấn/năm, được ứng dụng trong việc xây trát tường gạch, san nền, dùng cho gạch bê tông khí chưng áp ACC, tấm panel bê tông khí chưng áp. Các sản phẩm vữa khô trộn sẵn của Công ty được sản xuất công nghiệp trên dây chuyền hiện đại với đội ngũ cán bộ công nhân và nhà khoa học có tâm huyết, trình độ chuyên sâu, làm chủ được công nghệ sản xuất.

Năm 2026, Công ty tiếp tục duy trì cung cấp sản phẩm cho các Dự án xây dựng của VinGroup, Delta, Coteccons, Ricons, Newtecons, Hòa Bình và một số dự án khác, ngoài ra Công ty đã mở rộng được thị trường thông qua nhà phân phối đại lý đến các hộ xây dựng dân dụng.



Dây chuyền sản xuất vữa khô trộn

- **Keo dán gạch đá, keo chít mạch:**

Hiện tại, sản phẩm keo dán gạch, keo chít mạch được công ty cung cấp tới các dự án xây dựng như: Dự án Vinhomes Vũ Yên Hải Phòng (Vinhomes Phoenix Island), Vinhomes Ocean Park, Vinhomes Bắc Luân Móng Cái (Golden Avenue), Vinpearl Cửa Hội, Vincom Shophouse Diamond Legacy, Vinhomes Smart City Tây Mỗ, VinFast Vũng Áng, VinFast Hải Phòng, KCN Khu công nghệ cao - Thạch Thất, Cảng 2- Nha Trang, Vinhomes Cổ Loa, Vinhomes Grandpark,…



Keo chít mạch SCL Elephants



Keo chít mạch SCL



SCL - EKOTEX



SCL-Elephants



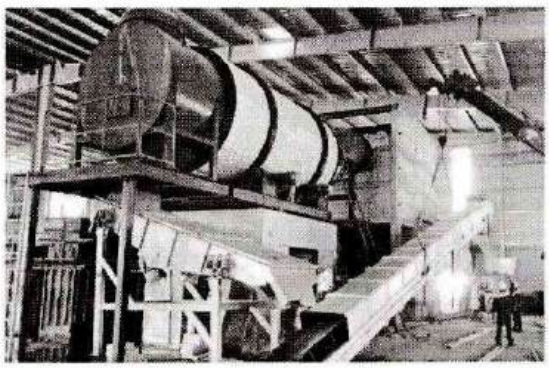
SCL - Tiger

➢ **Gạch nhẹ chưng áp AAC, tấm panel ALC:**

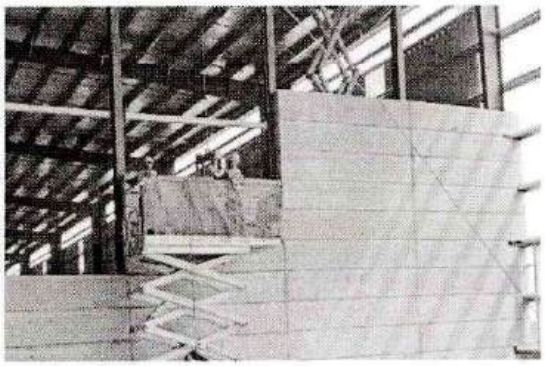
Sản phẩm gạch bê tông khí chưng áp SCL-BLOCK đa dạng về kích thước và đáp ứng theo yêu cầu của khách hàng. Với các tính năng vượt trội như: trọng lượng nhẹ, cách âm tốt, độ bền vững cao, cách nhiệt và tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường,... Gạch Bê tông khí chưng áp SCL – Block được sản xuất theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7959:2017, phù hợp với tiêu chuẩn Đức DIN 4156 và tương đương tiêu chuẩn Trung Quốc GB11968 – 2006 cùng một số tiêu chuẩn gạch bê tông khí chưng áp của Nhật, Mỹ.

Tấm Panel SCL – TCVN 12867:2020 là sản phẩm được sản xuất từ công nghệ bê tông khí chưng áp (AAC) với cốt thép gia cường được xử lý chống gỉ, giúp tăng khả năng chịu uốn và chịu tải, tạo nên độ vững chắc cho sản phẩm. Sản phẩm tấm Panel SCL mang đầy đủ các tính chất kỹ thuật của gạch AAC như trọng lượng nhẹ, cách âm, cách nhiệt, chống cháy rất tốt. Đây là giải pháp thi công phổ biến tại thị trường Châu Âu, Nhật, Úc, và đang rất phát triển tại thị trường châu Á.

Sản phẩm tấm panel bê tông khí chưng áp của SCL được sản xuất dựa trên công nghệ bê tông khí chưng áp (AAC), sản phẩm có các ưu điểm nổi trội như: khối lượng thể tích nhẹ, cách âm, cách nhiệt, kích thước chính xác, thân thiện với môi trường. Đặc biệt, trong tấm Panel SCL-ALC có lõi thép gia cường, giúp tăng khả năng chịu uốn và khả năng tải gió của tường.



Hệ thống lò chưng áp



Bê tông khí chưng áp tại công trình

b. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên và không mang tính thời vụ.

c. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm (tỷ lệ từng loại sản phẩm/dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận)

Doanh thu và lợi nhuận gộp riêng lẻ theo từng hoạt động kinh doanh như sau:

Bảng 4. Doanh thu thuần và lợi nhuận gộp riêng lẻ qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		9 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	**Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**408.378**	**100**	**572.230**	**100**	**402.161**	**100**	**665.547**	**100,00**
1.1	*Doanh thu thuần từ tro bay*	*77.603*	*19,00*	*90.227*	*15,77*	*94.538*	*23,51*	*144.316*	*21,68*
1.2	*Doanh thu thuần từ gạch, panel, vữa, keo*	*311.572*	*76,30*	*459.542*	*80,31*	*303.486*	*75,46*	*513.633*	*77,17*
1.3	*Doanh thu thuần từ sản phẩm và dịch vụ khác*	*19.202*	*4,70*	*22.461*	*3,93*	*4.137*	*1,03*	*7.597*	*1,14*
2	**Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh**	**131.401**	**100**	**202.158**	**100**	**158.597**	**100**	**267.191**	**100,00**
2.1	*Lợi nhuận gộp từ tro bay*	*30.058*	*22,88*	*41.052*	*20,31*	*35.150*	*22,16*	*55.026*	*20,59*
2.2	*Lợi nhuận gộp từ gạch, panel, vữa, keo*	*94.269*	*71,74*	*146.973*	*72,70*	*120.819*	*76,18*	*207.406*	*77,62*
2.3	*Lợi nhuận gộp từ sản phẩm và dịch vụ khác*	*7.075*	*5,38*	*14.133*	*6,99*	*2.628*	*1,66*	*4.759*	*1,78*

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường)

Trong giai đoạn năm 2024, năm 2025 và 9 tháng đầu năm 2026, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có xu hướng tăng trưởng tích cực, với cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp tập trung chủ yếu vào hai nhóm sản phẩm là tro bay và gạch, Panel, vữa, keo. Năm 2025, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 572.230 triệu đồng, tăng 163.852 triệu đồng, tương ứng tăng 40,13% so với năm 2024. Lợi nhuận gộp đạt 202.158 triệu đồng, tăng 70.757 triệu đồng, tương ứng tăng 53,85%. Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận gộp cao hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần, cho thấy khả năng sinh lời ở cấp độ lợi nhuận gộp được cải thiện trong năm 2025. Trong 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần đạt 402.161 triệu đồng, tương

đương 70,28% doanh thu cả năm 2025; lợi nhuận gộp đạt 158.597 triệu đồng, tương đương 78,45% mức thực hiện năm 2025. Trong 9 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần của Công ty đạt 665.547 triệu đồng, tăng 16,31% so với mức thực hiện cả năm 2025; lợi nhuận gộp đạt 267.191 triệu đồng, tăng 32,17% so với cả năm 2025. Biên lợi nhuận gộp đạt 40,15%, cao hơn mức 35,33% của năm 2025, cho thấy hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục được cải thiện.

Nhóm gạch, Panel, vữa và keo tiếp tục là nhóm sản phẩm chủ lực của Công ty trong giai đoạn gần đây với sự đầu tư vào các dây chuyền, nhà máy sản xuất để tăng năng suất cung cấp sản phẩm cho khách hàng. Doanh thu thuần năm 2024 đạt 311.572 triệu đồng, chiếm 76,30% tổng doanh thu; năm 2025 đạt 459.542 triệu đồng, tăng 47,49% và chiếm 80,31%. Trong 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu đạt 303.486 triệu đồng, chiếm 75,46% tổng doanh thu. Lợi nhuận gộp từ nhóm sản phẩm này năm 2025 đạt 146.973 triệu đồng, tăng 55,91% so với năm 2024 và chiếm 72,70% tổng lợi nhuận gộp; trong 6 tháng đầu năm 2026 đạt 120.819 triệu đồng, chiếm 76,18%. Trong 9 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần từ nhóm sản phẩm này đạt 513.633 triệu đồng, tăng 11,77% so với cả năm 2025, chiếm 77,17% tổng doanh thu thuần. Lợi nhuận gộp đạt 207.406 triệu đồng, tăng 41,12% so với cả năm 2025 và chiếm 77,62% tổng lợi nhuận gộp, tiếp tục khẳng định vai trò chủ lực của nhóm sản phẩm này trong cơ cấu hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong nhóm sản phẩm này, gạch bê tông khí chưng áp (AAC) và tấm Panel ALC đang ngày càng được quan tâm trong xu hướng sử dụng vật liệu xây dựng nhẹ, với các ưu điểm về trọng lượng, cách âm, cách nhiệt và góp phần giảm tải trọng công trình. Nhu cầu sử dụng các sản phẩm này tăng mạnh tại các dự án xây dựng hiện đại, trong khi nguồn cung sản phẩm có chất lượng và năng lực cung ứng ổn định còn tương đối hạn chế tại một số thời điểm và khu vực. Công ty hiện đang cung cấp sản phẩm thông qua hệ thống nhà phân phối, các dự án trong nước.., qua đó góp phần duy trì và mở rộng thị trường tiêu thụ nhóm sản phẩm này.

Đối với tro bay, doanh thu thuần năm 2024 đạt 77.603 triệu đồng, chiếm 19,00% tổng doanh thu; năm 2025 đạt 90.227 triệu đồng, tăng 16,27% nhưng tỷ trọng giảm xuống 15,77% do nhóm gạch, Panel, vữa và keo tăng trưởng cao hơn. Trong 6 tháng đầu năm 2026, doanh thu tro bay đạt 94.538 triệu đồng, cao hơn 4,78% so với mức thực hiện cả năm 2025 và chiếm 23,51% tổng doanh thu. Lợi nhuận gộp từ tro bay đạt 35.150 triệu đồng, chiếm 22,16% tổng lợi nhuận gộp trong kỳ, cho thấy hoạt động kinh doanh tro bay tiếp tục đóng góp đáng kể vào kết quả hoạt động của Công ty. Từ năm 2026, Công ty thực hiện phân loại doanh thu từ hoạt động xử lý tro xỉ tại Nhà máy Vĩnh Tân vào nhóm doanh thu tro bay, thay vì ghi nhận trong nhóm sản phẩm và dịch vụ khác như các năm trước. Sự thay đổi này góp phần làm tăng doanh thu và tỷ trọng đóng góp của nhóm tro bay trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty. Tháng 10/2025 nhà máy Lâm Đồng chính thức đi vào hoạt động thương mại đã tăng sản lượng cung cấp tro xỉ của Công ty và góp phần làm tăng doanh thu cho hoạt động này. Lũy kế 9 tháng

đầu năm 2026, doanh thu thuần từ tro bay đạt 144.316 triệu đồng, tăng 59,95% so với cả năm 2025, chiếm 21,68% tổng doanh thu thuần. Lợi nhuận gộp đạt 55.026 triệu đồng, tăng 34,04% so với cả năm 2025 và chiếm 20,59% tổng lợi nhuận gộp. Biên lợi nhuận gộp đạt 38,13%, thấp hơn mức 45,50% của năm 2025, cho thấy lợi nhuận gộp tăng chậm hơn doanh thu. Mặc dù vậy, nhóm tro bay vẫn duy trì mức đóng góp đáng kể vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đối với sản phẩm và dịch vụ khác, doanh thu và lợi nhuận gộp chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu chung. Doanh thu năm 2024 và năm 2025 lần lượt chiếm 4,70% và 3,93% tổng doanh thu; trong 6 tháng đầu năm 2026 giảm còn 1,03%. Lợi nhuận gộp từ nhóm này cũng giảm tỷ trọng từ 6,99% năm 2025 xuống 1,66% trong 6 tháng đầu năm 2026. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần từ nhóm sản phẩm và dịch vụ khác đạt 7.597 triệu đồng, chiếm 1,14% tổng doanh thu thuần; lợi nhuận gộp đạt 4.759 triệu đồng, chiếm 1,78% tổng lợi nhuận gộp. Tỷ trọng doanh thu và lợi nhuận gộp của nhóm này giảm so với các năm trước chủ yếu do từ năm 2026, Công ty thực hiện phân loại doanh thu từ hoạt động xử lý tro xỉ tại Nhà máy Vĩnh Tân vào nhóm doanh thu tro bay, thay vì ghi nhận trong nhóm sản phẩm và dịch vụ khác như các năm trước. Sự thay đổi này làm giảm tỷ trọng đóng góp của nhóm sản phẩm và dịch vụ khác, đồng thời làm tăng tỷ trọng doanh thu của nhóm tro bay trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty.

Nhìn chung, cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp của Công ty ngày càng tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, trong đó gạch, Panel, vữa và keo là nhóm sản phẩm đóng góp chủ yếu, được hỗ trợ bởi xu hướng sử dụng vật liệu xây dựng nhẹ và nhu cầu từ các dự án quy mô lớn. Kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2026 ghi nhận sự tăng trưởng tích cực khi doanh thu thuần và lợi nhuận gộp đều vượt mức thực hiện cả năm 2025. Hoạt động kinh doanh tro bay tiếp tục mở rộng về quy mô doanh thu, góp phần duy trì sự đa dạng trong cơ cấu sản phẩm và nguồn thu của Công ty.

Doanh thu và lợi nhuận gộp hợp nhất theo từng hoạt động kinh doanh như sau:

Bảng 5. Doanh thu thuần và lợi nhuận gộp hợp nhất qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		9 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	**Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**408.378**	**100**	**572.230**	**100,00**	**402.161**	**100,00**	**665.547**	**100,00**
1.1	*Doanh thu thuần từ tro bay*	*77.603*	*19,00*	*90.227*	*15,77*	*94.538*	*23,51*	*144.316*	*21,68*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		9 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1.2	*Doanh thu thuần từ gạch, panel, vữa, keo*	*311.572*	*76,30*	*459.542*	*80,31*	*303.486*	*75,46*	*513.633*	*77,17*
1.3	*Doanh thu thuần từ sản phẩm và dịch vụ khác*	*19.202*	*4,70*	*22.461*	*3,93*	*4.137*	*1,03*	*7.597*	*1,14*
2	**Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh**	**131.401**	**100**	**202.158**	**100,00**	**158.597**	**100,00**	**267.191**	**100,00**
2.1	*Lợi nhuận gộp từ tro bay*	*30.058*	*22,88*	*41.052*	*20,31*	*35.150*	*22,16*	*55.026*	*20,59*
2.2	*Lợi nhuận gộp từ gạch, panel, vữa, keo*	*94.269*	*71,74*	*146.973*	*72,70*	*120.819*	*76,18*	*207.406*	*77,62*
2.3	*Lợi nhuận gộp từ sản phẩm và dịch vụ khác*	*7.075*	*5,38*	*14.133*	*6,99*	*2.628*	*1,66*	*4.759*	*1,78*

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường)

Công ty con Green SCL mới được thành lập và chưa có doanh thu nên số liệu doanh thu, lợi nhuận gộp theo số liệu hợp nhất không có sự thay đổi so với số liệu Công ty mẹ.

10.2 Tài sản

Tài sản hợp nhất của SCL tại thời điểm 31/12/2024; 31/12/2025; 30/06/2026 và 30/09/2026:

Bảng 6. Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2024; 31/12/2025; 30/06/2026 và 30/09/2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026			30/09/2026		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)
Tài sản cố định hữu hình		**410.548**	**259.376**	**63,18**	**665.818**	**479.395**	**72,00**	**668.603**	**457.540**	**68,43**	**674.438**	**451.162**	**66,89**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	84.138	43.430	51,62	147.173	101.049	68,66	147.173	96.784	65,76	147.173	94.671	64,33
2	Máy móc, thiết bị	307.815	208.993	67,90	490.259	362.875	74,02	492.453	345.708	70,20	498.548	342.076	68,61
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	18.380	6.786	36,92	28.171	15.346	54,48	28.762	14.946	51,96	28.502	14.323	50,25

STT	Nội dung	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026			30/09/2026		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	215	167	77,96	215	124	57,96	215	103	47,96	215	92	42,79
Tài sản cố định vô hình		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	--	-
TỔNG CỘNG		410.548	259.376	63,18	665.818	479.395	72,00	668.603	457.540	68,43	674.438	451.162	66,89

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026 đã được soát xét và báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2026 chưa được kiểm toán của SCL)

10.3 Thị trường hoạt động trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Công ty hoạt động với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là: Sản xuất vật liệu xây dựng. Các mặt hàng chính là tro bay, các sản phẩm của bê tông khí chưng áp (gạch nhẹ AAC, tấm panel ALC), vữa khô trộn sẵn, keo dán gạch đá, keo chít mạch,…

Đối với địa bàn hoạt động kinh doanh trong nước: Địa bàn kinh doanh chủ yếu của Công ty là các tỉnh khu vực miền Bắc. Tuy nhiên, nhờ việc mở rộng nhà máy hoạt động tại Lâm Đồng nên thị trường hoạt động của Công ty mở rộng thêm các tỉnh miền Trung và miền Nam.

Đối với hoạt động xuất khẩu: Sản phẩm tro bay của Công ty đã được cấp cho Công trình thủy điện Nậm Săm 3 tại Lào và xuất khẩu sang các nước trong khu vực Đông Nam Á; các sản phẩm vật liệu xây dựng khác như gạch nhẹ AAC, tấm panel ALC, vữa khô trộn sẵn cũng đã được xuất khẩu sang thị trường Philippines.

Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp theo thị trường dựa trên số liệu hợp nhất

Bảng 7. Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp theo thị trường

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		9 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
I. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**408.378**	**100**	**572.230**	**100**	**402.161**	**100**	**665.547**	**100,00**
1. Trong nước	379.233	92,86	538.034	94,02	371.786	92,45	628.361	94,41
- Miền Bắc	*376.527*	*92,20*	*489.553*	*85,55*	*305.909*	*76,07*	*500.210*	*75,16*

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026		9 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
- Miền Trung	*1.748*	*0,43*	*3.576*	*0,62*	*1.854*	*0,46*	*2.354*	*0,35*
- Miền Nam	*958*	*0,23*	*44.905*	*7,85*	*64.023*	*15,92*	*125.797*	*18,90*
2. Nước ngoài	29.145	7,14	34.196	5,98	30.375	7,55	37.185	*5,59*
II. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**131.401**	**100**	**202.158**	**100**	**158.597**	**100**	**267.191**	**100,00**
1. Trong nước	111.305	84,71	179.667	88,87	138.023	87,03	247.728	92,72
- Miền Bắc	*110.385*	*84,01*	*151.979*	*75,18*	*109.276*	*68,90*	*188.997*	*70,73*
- Miền Trung	*475*	*0,36*	*1.852*	*0,92*	*1.236*	*0,78*	*1.536*	*0,57*
- Miền Nam	*445*	*0,34*	*25.836*	*12,78*	*27.511*	*17,35*	*57.195*	*21,41*
2. Nước ngoài	20.096	15,29	22.491	11,13	20.574	12,97	19.463	*7,28*

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường)

10.4 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần Bê tông Vĩnh Tân: Ngày 01/12/2021, Công ty cổ phần bê tông Vĩnh Tân được thành lập với vốn điều lệ 3 tỷ đồng, trong đó Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường góp 1,2 tỷ đồng. Công ty cổ phần Bê tông Vĩnh Tân sau khi được thành lập chưa có hoạt động kinh doanh. Công ty đã hoàn thành các thủ tục giải thể theo quy định của pháp luật (năm 2024).
- Góp vốn vào Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ: Hợp đồng thành lập doanh nghiệp số 01/HĐTLDN-GYP ký ngày 01/10/2010 các bên tham gia bao gồm: Công ty TNHH MTV DAP – VINACHEM, Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường, Công ty cổ phần Thương mại – Vận tải Minh Loan cùng nhau thống nhất thành lập "Công ty cổ phần thạch Cao Đình Vũ" với mục tiêu đầu tư xây dựng "Nhà máy chế biến bã thải thạch cao, các sản phẩm từ thạch cao". Vốn điều lệ của Công ty là 129,4 tỷ đồng, trong đó Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường chiếm 16,38%, tương ứng 21.191.600.000 đồng. Nhà máy đi vào hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm từ đầu năm 2018 với sản phẩm chính là thạch cao nhân tạo cung cấp cho các nhà máy xi măng trong nước và xuất khẩu sang các nước Trung Á. Trong quá trình đầu tư, Công ty cổ phần Thạch cao Đình Vũ luôn trong tình trạng thua lỗ nên không chia cổ tức cho cổ đông. Năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng hết phần vốn sở hữu tại Công ty này theo hợp đồng mua bán cổ phần

ngày 07/02/2024 và tổng giá trị số tiền thu về là 20.954.329.529 đồng, đến nay số tiền còn phải thu là 783.519.842 đồng.

- Đầu tư xây dựng dự án Lâm Đồng giai đoạn 1: Năm 2024, Công ty đã hoàn thành và đưa vào sử dụng "Hệ thống kho chứa hàng và xuất hàng" tại Cảng Quốc tế Vĩnh Tân với tổng giá trị đầu tư là 95,97 tỷ đồng giúp Công ty chủ động tích trữ 15.000 tấn hàng hóa, đảm bảo năng lực cung cấp hàng cho các tàu có trọng tải lớn từ đó duy trì doanh thu và đem về lợi nhuận cho Công ty.

  Tháng 4/2025, Công trình tạm "Dây chuyền phân tách tro xỉ" được cấp Giấy phép môi trường, kết thúc chạy thử vào 31/7/2025 và chính thức đi vào hoạt động sản xuất thương mại vào tháng 10/2025. Tổng giá trị đầu tư trước thuế là 228,72 tỷ đồng. Dây chuyền phân tách tro xỉ đi vào hoạt động đã thực hiện tương đối tốt việc xử lý tro xỉ tại cụm Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân (Vĩnh Tân 1, Vĩnh Tân 2, Vĩnh Tân 4), với công suất xử lý 1 triệu tấn tro xỉ mỗi năm đã tạo ra các sản phẩm tro bay, vữa, keo dán gạch cung cấp cho thị trường miền Nam và xuất khẩu.

- Đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất panel, gạch nhẹ chưng áp, vữa khô và keo dán gạch Phả Lại: Nhằm nâng cao năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu của thị trường, Công ty đã đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Panel gạch nhẹ chưng áp, vữa khô và keo dán gạch Phả Lại với tổng vốn đầu tư được phê duyệt là 262.926.000.000 đồng. Công suất sản xuất tấm panel, gạch nhẹ chưng áp dự kiến là 200.000 m^3/năm, công suất sản xuất vữa khô trộn sẵn, keo dán gạch dự kiến là 200.000 m^3/năm. Hiện tại dự án đang trong quá trình hoàn thiện và dự kiến được đưa vào hoạt động trong tháng 9/2026.

- Góp vốn vào Công ty cổ phần Green SCL: Công ty cổ phần Green SCL là công ty con của Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường, được thành lập ngày 04/11/2025, trong đó Công ty cổ phần Sông đà Cao Cường góp vốn 12,3 tỷ đồng, chiếm 85,834% tổng vốn điều lệ. Do Công ty mới được thành lập, chưa có nhiều hoạt động kinh doanh nên chưa có cơ sở đánh giá hiệu quả đầu tư và hiện tại số tiền góp vào nhỏ so với tổng tài sản của Công ty.

10.5 Các hợp đồng lớn

Các hợp đồng lớn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại đã được ký kết và đã hoàn thành hoặc đang được thực hiện gồm:

Bảng 8. Các hợp đồng lớn đã được ký kết và đã hoàn thành hoặc đang được thực hiện

TT	Tên đối tác (*)	Tên hợp đồng (**)	Sản phẩm	Giá trị giao dịch (tỷ VND)	Thời gian thực hiện	Tình trạng
I	**Hợp đồng đầu vào**					
1	Công ty CP Nhiệt Điện Phả Lại	Hợp đồng số 1946/2020/HĐ-PPC-SCL ngày 25/3/2020	Tro bay chưa tuyển	27,75	Năm 2024 - 2026	Đang thực hiện
2	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Phát BG	Hợp đồng kinh tế số 08.01.2024/HĐKT/APBG-SCL ký ngày 08/1/2024	Cát xây dựng, cát đen, mùn keo băm	32,78	Năm 2024	Đã hoàn thành
3	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Phát BG	Hợp đồng kinh tế số 02.01.2025/HĐKT/APBG-SCL ký ngày 02/1/2025	Cát xây dựng, cát đen, mùn keo băm	14,00	Năm 2025	Đã hoàn thành
4	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Dịch vụ TKD	Hợp đồng Nguyên tắc số 01/2024/HĐNT/SCL-TKD ký ngày 02/01/2024	Vôi bột	18,98	Năm 2024	Đã hoàn thành
5	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Dịch vụ TKD	Hợp đồng nguyên tắc số 01/2025/HĐNT/SCL-TKD ký ngày 02/01/2025	Vôi bột	30,47	Năm 2025	Đã hoàn thành
6	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Dịch vụ TKD	Hợp đồng nguyên tắc số 01/2026/HĐNT/SCL-TKD ký ngày 31/12/2025	Vôi bột	33,83	9 tháng đầu năm 2026	Đang thực hiện
7	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ TP26	Hợp đồng kinh tế số 16/2024/HĐKT/TP-SCL ký ngày 31/12/2023	Xi măng	24,33	Năm 2024	Đã hoàn thành
8	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ TP26	Hợp đồng kinh tế số 15.09/2025/HĐKT/TP-SCL ký ngày 15/9/2025	Xi măng	11,21	Năm 2025	Đã hoàn thành
9	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ TP26	Hợp đồng kinh tế số 01.01.2026HĐKT/TP26-SCL ký ngày 01/01/2026	Xi măng	42,36	9 tháng đầu năm 2026	Đang thực hiện
10	Công ty cổ phần TK Holdings	Hợp đồng nguyên tắc số 55/2024/HĐNT/TK-SCL Ký ngày 30/12/2023	Vỏ bao	19,7	Năm 2024	Đã hoàn thành

TT	Tên đối tác (*)	Tên hợp đồng (**)	Sản phẩm	Giá trị giao dịch (tỷ VND)	Thời gian thực hiện	Tình trạng
11	Công ty cổ phần TK Holdings	Hợp đồng nguyên tắc số 55/2025/HĐNT/TK-SCL Ký ngày 30/12/2024	Vỏ bao	27,51	Năm 2025	Đã hoàn thành
12	Công ty cổ phần TK Holdings	Hợp đồng nguyên tắc số 55/2026/HĐNT/TK-SCL Ký ngày 30/12/2025	Vỏ bao	33,75	9 tháng đầu năm 2026	Đang thực hiện
13	Công ty TNHH thương mại và DV vận tải Lợi Lộc	Hợp đồng Kinh tế số 01/01/2024/HĐKT/SĐCC- LL ký ngày 01/01/2024	Cước vận tải; tro bay chưa tuyển	19,7	Năm 2024	Đã hoàn thành
14	Công ty TNHH thương mại và DV vận tải Lợi Lộc	Hợp đồng Kinh tế số 01/01/2025/HĐKT/SĐCC-LL ký ngày 01/01/2025	Cước vận tải; tro bay chưa tuyển	2,33	Năm 2025	Đã hoàn thành
15	Công ty TNHH thương mại và DV vận tải Lợi Lộc	Hợp đồng Kinh tế số 0101/HĐKT/SĐCC-LL ký ngày 01/01/2026	Cước vận tải; tro bay chưa tuyển	5,31	9 tháng đầu năm 2026	Đang thực hiện
16	Công ty TNHH thương mại & Sản xuất Dũng Việt	Hợp đồng kinh tế số 30.11/2024/HĐKT/SCL-DV ký ngày 30/11/2024	Mùn keo băm	0,32	Năm 2024	Đã hoàn thành
17	Công ty TNHH thương mại & Sản xuất Dũng Việt	Hợp đồng kinh tế số 30.11/2024/HĐKT/SCL-DV ký ngày 30/11/2024	Mùn keo băm	12,33	Năm 2025	Đã hoàn thành
18	Công ty TNHH thương mại & Sản xuất Dũng Việt	Hợp đồng kinh tế số 30.11/2024/HĐKT/SCL-DV ký ngày 30/11/2024	Mùn keo băm	15,41	9 tháng đầu năm 2026	Đang thực hiện
II	**Hợp đồng đầu ra**					
1	Công ty TNHH Trọng Phóng	Hợp đồng số 02/2024/HĐMB/SCL-TP ngày 01/01/2024	Than qua tuyển	59,09	Năm 2024	Đã hoàn thành
2	Công ty TNHH Trọng Phóng	Hợp đồng số 01/2025/HĐMB/SCL-TP ngày 01/01/2025		41,08	Năm 2025	Đã hoàn thành
3	Công ty TNHH Trọng Phóng	Hợp đồng số 17/2026/HĐMB/SCL-TP ngày 01/01/2026		55,09	9 tháng năm 2026	Đang thực hiện

TT	Tên đối tác (*)	Tên hợp đồng (**)	Sản phẩm	Giá trị giao dịch (tỷ VND)	Thời gian thực hiện	Tình trạng
4	Công ty TNHH phát triển xây dựng Vật Liệu Xanh	Hợp đồng phân phối số 16/2024/HĐPP/SCL-VLX ngày 02/01/2024	Gạch SCL - BLOCK; Tấm Panel SCL - ALC; Vữa khô trộn sẵn SCL; Keo dán gạch SCL; Vữa liên kết tấm SCL	33,08	Năm 2024	Đã hoàn thành
5	Công ty TNHH phát triển xây dựng Vật Liệu Xanh	Hợp đồng phân phối số 06/2025/HĐKT/SCL-VLX ngày 02/01/2025		58,96	Năm 2025	Đã hoàn thành
6	Công ty TNHH phát triển xây dựng Vật Liệu Xanh	Hợp đồng phân phối số 01/2026/HĐKT/SCL-VLX ngày 02/01/2025		37,53	9 tháng năm 2026	Đang thực hiện
7	Philcement Corporation	Hợp đồng 1012023/PHINMA-SCL ngày 10/01/2023	Tro bay khô	31,51	Năm 2024	Đang thực hiện
				26,02	Năm 2025	
				26,96	6 tháng năm 2026	
8	Công ty cổ phần Phát triển và Đầu tư xây dựng Vincons	Hợp đồng cung cấp hàng hóa số 0301/2022/HĐCCHH/VINCONS-SDCC ngày 03/01/2023	Vữa khô trộn sẵn SCL; Keo dán gạch SCL	195,31	Năm 2024	Đang thực hiện
				251,00	Năm 2025	
				226,25	9 tháng năm 2026	
9	Công ty cổ phần Thương mại và Xây dựng T.M.T	Hợp đồng phân phối số 08/2024/HĐPP/SCL-TMT ngày 02/01/2024	Gạch SCL - BLOCK; Tấm Panel SCL - ALC; Vữa khô trộn sẵn SCL; Keo dán gạch SCL; Vữa liên kết tấm SCL	23,67	Năm 2024	Đã hoàn thành
10	Công ty cổ phần Thương mại và Xây dựng T.M.T	Hợp đồng phân phối số 07/2025/HĐKT/SCL-TMT ngày 02/01/2025		49,40	Năm 2025	Đã hoàn thành
11	Công ty cổ phần Thương mại và Xây dựng T.M.T	Hợp đồng phân phối số 02/2026/HĐKT/SCL-TMT ngày 02/01/2026		43,43	9 tháng năm 2026	Đang thực hiện
12	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Phước Chi	Hợp đồng phân phối số 20/2024/HĐPP/SCL-PC ngày 02/01/2024	Gạch SCL - BLOCK; Tấm Panel	22,37	Năm 2024	Đã hoàn thành

TT	Tên đối tác (*)	Tên hợp đồng (**)	Sản phẩm	Giá trị giao dịch (tỷ VND)	Thời gian thực hiện	Tình trạng
13	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Phước Chi	Hợp đồng phân phối số 06/2025/HĐKT/SCL-PC ngày 02/01/2025	SCL - ALC; Vữa khô trộn sẵn SCL; Keo dán gạch SCL; Vữa liên kết tấm SCL	18,40	Năm 2025	Đã hoàn thành
14	Công ty Cổ phần Xanh Midori	Hợp đồng phân phối số 35/2025/ HĐKT/SCL-Midori ngày 02/01/2025	Gạch SCL-BLOCK, Tấm Panel SCL-ALC, Vữa khô trộn sẵn, Keo dán gạch, Keo chít mạch, Bột bả	43,19	Năm 2025	Đã hoàn thành
15	Công ty Cổ phần Xanh Midori	Hợp đồng phân phối số 07/2026/ HĐKT/SCL-Midori ngày 02/01/2026		34,42	9 tháng đầu năm 2026	Đang thực hiện

(Nguồn: SCL)

(*) Mối quan hệ với thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, cổ đông lớn của các hợp đồng trên: Không có

(**) Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng: Không có

Hợp đồng lớn đã được ký kết và chưa thực hiện: Không có

10.6 Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 9. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty

TT	Tên đối tác (*)	Sản phẩm	Giá trị giao dịch (tỷ VND)	Thời gian thực hiện	Giá trị giao dịch/doanh thu hoặc doanh số mua hàng
I	**Khách hàng**				
1	Công ty TNHH Trọng Phóng	Than qua tuyển	59,09	Năm 2024	13,82%
			41,08	Năm 2025	6,64%
			55,09	9 tháng năm 2026	7,81%
2	Công ty TNHH phát triển xây dựng Vật Liệu Xanh	Gạch SCL - BLOCK; Tấm Panel SCL - ALC; Vữa khô trộn sẵn SCL; Keo dán gạch SCL; Vữa liên kết tấm SCL	33,08	Năm 2024	7,73%
			58,96	Năm 2025	9,53%
			37,53	9 tháng năm 2026	5,32%

TT	Tên đối tác (*)	Sản phẩm	Giá trị giao dịch (tỷ VND)	Thời gian thực hiện	Giá trị giao dịch/doanh thu hoặc doanh số mua hàng
3	Philcement Corporation	Tro bay khô	31,51	Năm 2024	7,37%
			26,02	Năm 2025	4,21%
			34,75	9 tháng năm 2026	4,93%
4	Công ty cổ phần Phát triển và Đầu tư xây dựng Vincons	Vữa khô trộn sẵn SCL; Keo dán gạch SCL	195,31	Năm 2024	45,66%
			251,00	Năm 2025	40,58%
			226,25	9 tháng năm 2026	32,08%
5	Công ty cổ phần Thương mại và Xây dựng T.M.T	Gạch SCL - BLOCK; Tấm Panel SCL - ALC; Vữa khô trộn sẵn SCL; Keo dán gạch SCL; Vữa liên kết tấm SCL	23,67	Năm 2024	5,53%
			49,40	Năm 2025	7,99%
			43,43	9 tháng năm 2026	6,16%
6	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Phước Chi	Gạch SCL - BLOCK; Tấm Panel SCL - ALC; Vữa khô trộn sẵn SCL; Keo dán gạch SCL; Vữa liên kết tấm SCL	22,37	Năm 2024	5,23%
			18,40	Năm 2025	2,97%
7	Công ty cổ phần Xanh Midori	Gạch SCL - BLOCK; Tấm Panel SCL - ALC; Vữa khô trộn sẵn SCL; Keo dán gạch SCL; Vữa liên kết tấm SCL	43,19	Năm 2025	6,98%
			34,42	9 tháng đầu năm 2026	4,88%
II	**Nhà cung cấp**				
1	Công ty CP Nhiệt Điện Phả Lại	Tro bay chưa tuyển	9,17	Năm 2024	2,14%
			9,92	Năm 2025	1,60%
			8,66	9 tháng đầu năm 2026	1,23%
2	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Phát BG	Cát xây dựng, mùn keo băm	32,78	Năm 2024	7,66%
			14,00	Năm 2025	2,26%
3	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Dịch vụ TKD	Vôi bột	18,98	Năm 2024	4,44%
			30,47	Năm 2025	4,93%
			33,83	9 tháng đầu năm 2026	4,80%
4	Công ty cổ phần TK Holdings	Vỏ bao	19,70	Năm 2024	4,61%
			27,51	Năm 2025	4,45%
			33,75	9 tháng đầu năm 2026	4,79%

TT	Tên đối tác (*)	Sản phẩm	Giá trị giao dịch (tỷ VND)	Thời gian thực hiện	Giá trị giao dịch/doanh thu hoặc doanh số mua hàng
5	Công ty TNHH thương mại và DV vận tải Lợi Lộc	Cước vận tải; tro bay chưa tuyển	11,89	Năm 2024	2,78%
			2,33	Năm 2025	0,38%
			5,31	9 tháng đầu năm 2026	0,75%
6	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ TP26	Xi măng	24,33	Năm 2024	5,69%
			11,21	Năm 2025	1,81%
			42,36	9 tháng đầu năm 2026	6,01%
7	Công ty TNHH thương mại & Sản xuất Dũng Việt	Mùn keo băm	0,32	Năm 2024	0,07%
			12,33	Năm 2025	1,99%
			15,41	9 tháng đầu năm 2026	2,19%

(Nguồn: SCL)

(*) Mối quan hệ của khách hàng, nhà cung cấp với người nội bộ và cổ đông lớn: Không có.

10.7 Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

Vị thế của Tổ chức phát hành

Đối với sản phẩm tro bay

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh tro bay và các sản phẩm vật liệu xây dựng trên cơ sở tận dụng nguồn nguyên liệu từ tro, xỉ của các nhà máy nhiệt điện. Công ty được công nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đồng thời sở hữu và ứng dụng công nghệ xử lý tro xỉ để sản xuất tro bay phục vụ nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu. Với việc áp dụng các công nghệ tuyển, phân loại và xử lý, sản phẩm tro bay của Công ty được định hướng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật phục vụ sản xuất xi măng, bê tông và các sản phẩm vật liệu xây dựng.

Thị trường tro bay tại Việt Nam có sự tham gia của nhiều doanh nghiệp với các hoạt động từ thu gom, xử lý, chế biến đến kinh doanh và phân phối sản phẩm. Một số doanh nghiệp tham gia thị trường có thể kể đến như Orient Wealth, Hoàng Sơn Fly Ash And Cement và các đơn vị khác. Các doanh nghiệp trong lĩnh vực này có sự khác biệt về nguồn nguyên liệu, công nghệ xử lý, quy mô sản xuất, chất lượng sản phẩm, thị trường tiêu thụ và nhóm khách hàng mục tiêu. Do đó, mức độ cạnh tranh trên thị trường được phân hóa theo từng phân khúc sản phẩm, yêu cầu kỹ thuật và thị trường tiêu thụ.

Đối với Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường, sản phẩm tro bay chất lượng cao hiện chủ yếu được tiêu thụ tại thị trường nước ngoài, trong khi tỷ trọng tiêu thụ trong nước còn thấp. Việc tập trung vào phân khúc tro bay chất lượng cao phục vụ xuất khẩu giúp Công ty có điều kiện phát huy lợi thế về công nghệ xử lý, kinh nghiệm sản xuất và hệ thống kiểm soát chất lượng để đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của khách hàng. Tuy nhiên, hoạt động xuất khẩu cũng khiến Công ty chịu ảnh hưởng bởi các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, chi phí logistics, biến động tỷ giá và chính sách thương mại tại từng thị trường.

Công ty cũng nghiên cứu và ứng dụng tro bay trong sản xuất bê tông khí chưng áp (AAC), góp phần tận dụng nguồn phế thải công nghiệp làm nguyên liệu đầu vào và phát triển các sản phẩm vật liệu xây dựng theo hướng tiết kiệm tài nguyên, giảm chất thải và phù hợp với định hướng kinh tế tuần hoàn.

Hiện Công ty chưa có số liệu thống kê độc lập và chính thức về thị phần của Công ty trong tổng quy mô thị trường tro bay tại Việt Nam. Do đó, Công ty không đưa ra nhận định định lượng về thị phần hoặc thứ hạng của Công ty trong ngành. Việc đánh giá vị thế của Công ty được xem xét trên cơ sở năng lực công nghệ, kinh nghiệm sản xuất, khả năng xử lý và chế biến tro bay, chất lượng sản phẩm, thị trường tiêu thụ và khả năng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của khách hàng trong nước và quốc tế.

Đối với sản phẩm gạch bê tông khí chưng áp (AAC), tấm panel ALC, vữa khô và keo xây dựng

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường là một trong những doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng xanh tại khu vực miền Bắc, với các dòng sản phẩm chủ lực gồm gạch bê tông khí chưng áp (AAC), tấm panel ALC, vữa khô trộn sẵn và keo xây dựng. Nhà máy sản xuất đặt tại Chí Linh, Thành Phố Hải Phòng với công suất thiết kế đối với sản phẩm bê tông khí chưng áp là 200.000 m^3/năm, đối với sản phẩm vữa khô trộn sẵn là 60.000 tấn/năm, đối với sản phẩm tro bay ẩm là 375.000 tấn/năm, đối với sản phẩm tro bay khô là 300.000 tấn/năm, qua đó tạo lợi thế trong việc cung ứng sản phẩm cho khu vực đồng bằng Bắc Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, đặc biệt là Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Ninh và các tỉnh lân cận.

Thị trường vật liệu xây dựng không nung tại Việt Nam có sự tham gia của nhiều doanh nghiệp với các sản phẩm và quy mô sản xuất khác nhau. Trong phân khúc AAC và panel ALC, Công ty chịu sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây không nung và vật liệu xây dựng nhẹ trong nước. Tại khu vực miền Bắc, thị trường có sự tham gia của các doanh nghiệp có thương hiệu, quy mô và hệ thống phân phối tương đối lớn như Viglacera và một số nhà sản xuất AAC khác. Tại khu vực miền Nam, Eblock – Tân Kỷ Nguyên cùng các doanh nghiệp sản xuất AAC khác cũng tham gia cung ứng sản phẩm cho thị trường khu vực. Bên cạnh cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong cùng phân khúc, sản phẩm AAC và panel ALC còn chịu sự cạnh tranh từ gạch đất sét nung, gạch bê tông và các loại vật liệu xây dựng thay thế khác. Tuy nhiên, xu hướng phát triển công trình xanh, yêu cầu rút ngắn thời gian thi

công, giảm tải trọng kết cấu và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng được kỳ vọng sẽ tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của thị trường AAC trong những năm tới.

Mức độ cạnh tranh trong ngành phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá thành, chất lượng và tính ổn định của sản phẩm, khả năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của công trình, năng lực cung ứng, vị trí nhà máy, chi phí vận chuyển, hệ thống phân phối, thương hiệu và khả năng cung cấp giải pháp đồng bộ cho khách hàng. Trong bối cảnh đó, việc chủ động nguồn nguyên liệu, tối ưu hóa quy trình sản xuất và phát triển hệ thống sản phẩm đồng bộ có thể tạo điều kiện để doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh. Công ty định hướng phát triển danh mục sản phẩm gồm gạch AAC, tấm panel ALC, vữa khô trộn sẵn và keo xây dựng, qua đó cung cấp các giải pháp tương đối đồng bộ cho khách hàng sử dụng hệ vật liệu xây tường nhẹ. Việc sử dụng tro bay đã qua xử lý làm nguyên liệu đầu vào cho một số sản phẩm phù hợp với định hướng tận dụng chất thải công nghiệp, tiết kiệm tài nguyên và phát triển vật liệu xây dựng theo hướng kinh tế tuần hoàn.

Công ty cũng không ngừng mở rộng mạng lưới phân phối, phát triển khách hàng dự án và tăng cường hợp tác với các tổng thầu, chủ đầu tư trong và ngoài nước. Theo định hướng phát triển thị trường, Công ty đã tham gia cung ứng vật liệu xây dựng cho các dự án của các chủ đầu tư lớn như: Vinhomes; Coteccons; Newtecons; Delta... qua đó từng bước nâng cao uy tín thương hiệu và khẳng định năng lực đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật và tiến độ thi công.

Bên cạnh đó, sản phẩm bê tông khí chưng áp của Công ty đã được Hội đồng Công trình Xanh Singapore cấp Giấy chứng nhận Sản phẩm Công trình Xanh vào ngày 24/4/2025. Hiện Công ty đang tiếp tục triển khai các thủ tục để mở rộng chứng nhận tại thị trường Philippines, tạo tiền đề cho việc phát triển thị trường xuất khẩu và nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường quốc tế.

Đối với sản phẩm vữa khô trộn sẵn và keo xây dựng, Công ty định vị đây là nhóm sản phẩm bổ trợ cho hệ vật liệu AAC và panel ALC nhằm cung cấp giải pháp đồng bộ cho khách hàng. Mặc dù thị trường vữa khô và keo xây dựng có sự tham gia của nhiều thương hiệu trong và ngoài nước, Công ty tập trung vào phân khúc khách hàng sử dụng đồng bộ hệ vật liệu tường nhẹ, qua đó góp phần nâng cao chất lượng công trình, rút ngắn thời gian thi công và tối ưu tổng chi phí cho khách hàng. Đây là hướng phát triển phù hợp với chiến lược mở rộng hệ sinh thái sản phẩm vật liệu xây dựng xanh của Công ty.

Trong nhóm các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán, Tổng CTCP Viglacera (mã VGC) là doanh nghiệp có một số sản phẩm tương đồng với SCL trong lĩnh vực vật liệu xây dựng không nung, tiêu biểu là gạch bê tông khí chưng áp (AAC) và tấm Panel ALC. Tuy nhiên, VGC có quy mô lớn và hoạt động đa ngành, trong khi SCL tập trung chuyên sâu vào xử lý tro xỉ từ các nhà máy nhiệt điện và sản xuất vật liệu xây dựng từ tro xỉ. Do VGC không công bố riêng các chỉ tiêu tài chính theo từng dòng sản phẩm AAC/ALC nên chưa có

cơ sở để so sánh trực tiếp doanh thu, lợi nhuận của mảng này với SCL. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp khác hoạt động trong lĩnh vực tro xỉ, gạch AAC và tấm Panel ALC phần lớn chưa niêm yết hoặc chưa công bố đầy đủ thông tin tài chính, do đó chưa có số liệu chính thức để đối chiếu.

Triển vọng phát triển của ngành

Ngành vật liệu xây dựng Việt Nam được đánh giá tiếp tục duy trì triển vọng tăng trưởng tích cực trong trung và dài hạn nhờ quá trình đô thị hóa, nhu cầu phát triển hạ tầng, khu công nghiệp và nhà ở, cùng với việc Chính phủ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công. Các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia như hệ thống đường bộ cao tốc Bắc – Nam, Cảng hàng không quốc tế Long Thành, các tuyến đường vành đai tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, cùng chương trình phát triển nhà ở xã hội đang tạo ra nhu cầu lớn đối với các loại vật liệu xây dựng, đặc biệt là các sản phẩm có chất lượng cao, rút ngắn thời gian thi công và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng thực tế của ngành còn phụ thuộc vào tình hình kinh tế vĩ mô, tiến độ triển khai các dự án, khả năng hấp thụ của thị trường bất động sản, diễn biến giá nguyên vật liệu, năng lượng, chi phí vận chuyển và mức độ cạnh tranh giữa các nhà sản xuất.

Song song với sự gia tăng nhu cầu xây dựng, ngành vật liệu xây dựng đang bước vào giai đoạn chuyển dịch theo hướng phát triển xanh, ứng dụng công nghệ cao và kinh tế tuần hoàn. Theo định hướng của Chính phủ, ngành vật liệu xây dựng sẽ từng bước giảm phụ thuộc vào tài nguyên không tái tạo, tăng cường sử dụng nguyên liệu tái chế, tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính trong quá trình sản xuất. Đồng thời, xu hướng áp dụng các tiêu chuẩn ESG (Môi trường, Xã hội và Quản trị), tiêu chuẩn công trình xanh và mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 đang tạo động lực thúc đẩy nhu cầu đối với các loại vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường và có hàm lượng phát thải thấp.

Đối với lĩnh vực tro bay, triển vọng phát triển được đánh giá tích cực nhờ xu hướng đẩy mạnh tái sử dụng chất thải công nghiệp trong sản xuất vật liệu xây dựng. Việt Nam hiện vẫn duy trì hệ thống các nhà máy nhiệt điện than với lượng tro, xỉ phát sinh lớn hằng năm, tạo nguồn nguyên liệu ổn định cho hoạt động thu gom, xử lý và chế biến tro bay. Việc sử dụng tro bay làm nguyên liệu cho sản xuất xi măng, bê tông và các sản phẩm vật liệu xây dựng không chỉ góp phần giảm chi phí nguyên liệu, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên mà còn hạn chế lượng chất thải phải chôn lấp, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế tuần hoàn và tăng trưởng xanh của Chính phủ.

Đối với lĩnh vực vật liệu xây không nung, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2171/QĐ-TTg ngày 23/12/2021 phê duyệt Chương trình phát triển vật liệu xây không nung tại Việt Nam đến năm 2030. Đây là cơ sở chính sách quan trọng cho việc tiếp tục phát triển và sử dụng vật liệu xây không nung trong xây dựng, đồng thời tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nghiên cứu, đầu tư và phát triển các sản phẩm vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu tiết kiệm

tài nguyên và thân thiện với môi trường. Các loại bê tông khí chưng áp (AAC) và tấm panel ALC, tại thị trường Việt Nam vẫn còn nhiều dư địa phát triển khi tỷ lệ sử dụng vật liệu xây không nung còn thấp so với các quốc gia phát triển trong khu vực. Xu hướng sử dụng vật liệu nhẹ, vật liệu xanh và vật liệu tiết kiệm năng lượng đang ngày càng phổ biến tại các dự án khu đô thị, nhà cao tầng, nhà xưởng công nghiệp và công trình hạ tầng nhờ các ưu điểm như giảm tải trọng công trình, tăng tốc độ thi công, nâng cao hiệu quả cách âm, cách nhiệt và giảm chi phí vận hành trong suốt vòng đời công trình. Điều này được kỳ vọng sẽ tiếp tục thúc đẩy nhu cầu đối với các sản phẩm AAC, panel ALC và các giải pháp xây dựng đồng bộ trong thời gian tới.

Bên cạnh cơ hội tăng trưởng, ngành vật liệu xây dựng cũng đang đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, yêu cầu ngày càng cao về chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn môi trường, khả năng đổi mới công nghệ và tối ưu chi phí sản xuất. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp sở hữu công nghệ sản xuất hiện đại, chủ động được nguồn nguyên liệu, có khả năng tận dụng chất thải công nghiệp làm đầu vào và cung cấp giải pháp vật liệu xây dựng đồng bộ sẽ có nhiều lợi thế trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị phần.

Đối với Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường, việc sở hữu công nghệ xử lý tro bay, phát triển các sản phẩm bê tông khí chưng áp (AAC), tấm panel ALC, vữa khô trộn sẵn và keo xây dựng theo mô hình kinh tế tuần hoàn phù hợp với xu hướng phát triển của ngành vật liệu xây dựng. Bên cạnh đó, sản phẩm bê tông khí chưng áp của Công ty đã được Hội đồng Công trình Xanh Singapore cấp Giấy chứng nhận Sản phẩm Công trình Xanh và Công ty đang tiếp tục mở rộng thị trường trong nước cũng như quốc tế. Đây là những yếu tố góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng cơ hội hợp tác với các chủ đầu tư, tổng thầu và các dự án xây dựng theo tiêu chuẩn công trình xanh trong thời gian tới.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Định hướng phát triển của Công ty

Trong giai đoạn tới, Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường định hướng phát triển theo hướng doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng xanh dựa trên nền tảng công nghệ và mô hình kinh tế tuần hoàn, tập trung vào các mục tiêu chủ yếu sau:

– Duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và gia tăng giá trị cho cổ đông.

– Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện công nghệ xử lý tro bay và phát triển các dòng sản phẩm vật liệu xây dựng xanh có giá trị gia tăng cao.

– Mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước, đặc biệt tại các dự án hạ tầng, khu công nghiệp, khu đô thị và các công trình sử dụng vật liệu xây dựng xanh; đồng thời phát triển thị trường xuất khẩu đối với sản phẩm tro bay và vật liệu xây dựng.

– Phát triển hệ thống phân phối, tăng cường hợp tác với các chủ đầu tư, tổng thầu xây dựng và các đối tác trong và ngoài nước nhằm mở rộng thị phần.

– Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D), hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khoa học trong và ngoài nước nhằm ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất.

– Tiếp tục đầu tư đổi mới thiết bị, nâng cao mức độ tự động hóa, tối ưu hóa quy trình sản xuất, tiết kiệm năng lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu tái chế.

– Xây dựng đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn mới.

– Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững theo định hướng của Chính phủ.

Định hướng phát triển ngành vật liệu xây dựng và vật liệu thế hệ mới trong xây dựng

Định hướng phát triển ngành vật liệu xây dựng của Việt Nam trong giai đoạn tới tập trung vào việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18/8/2020 về Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021–2030, định hướng đến năm 2050 và Quyết định số 2171/QĐ-TTg ngày 23/12/2021 về Chương trình phát triển vật liệu xây không nung tại Việt Nam đến năm 2030 là những định hướng chính sách quan trọng đối với sự phát triển của ngành.

Trong năm 2026, định hướng quản lý và phát triển vật liệu xây dựng tiếp tục được thúc đẩy theo hướng tiếp nhận, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ xanh, tiết kiệm năng lượng và khuyến khích phát triển vật liệu xây dựng xanh, tiết kiệm năng lượng. Những định hướng này cho thấy xu thế phát triển của ngành đang ngày càng gắn với yêu cầu về công nghệ, hiệu quả sử dụng tài nguyên và giảm tác động môi trường.

Trên phạm vi quốc tế, xu hướng phát triển kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải khí nhà kính, nâng cao hiệu quả năng lượng và phát triển công trình xanh ngày càng được quan tâm. Việt Nam cũng đã đưa ra cam kết đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 tại COP26, qua đó tạo định hướng chuyển dịch dài hạn đối với các ngành có mức tiêu thụ năng lượng và phát thải cao, trong đó có lĩnh vực xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành và xu thế chung trên thế giới

Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường nhìn chung phù hợp với định hướng phát triển của ngành vật liệu xây dựng Việt Nam, chính sách của Nhà nước

về phát triển vật liệu xây không nung, sử dụng hiệu quả tài nguyên và xu hướng phát triển kinh tế tuần hoàn, vật liệu xây dựng xanh trên thế giới.

Việc Công ty tập trung nghiên cứu và phát triển các sản phẩm sử dụng tro bay, vật liệu xây không nung như AAC và panel ALC, đồng thời phát triển các sản phẩm vữa khô trộn sẵn và keo xây dựng để cung cấp giải pháp đồng bộ, phù hợp với xu hướng tăng cường sử dụng vật liệu có khả năng tiết kiệm tài nguyên, giảm chất thải và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong công trình. Việc tận dụng tro bay làm nguyên liệu đầu vào cũng phù hợp với định hướng tăng cường sử dụng các nguồn nguyên liệu tái chế và phụ phẩm công nghiệp, góp phần thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn.

Bên cạnh đó, định hướng đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao mức độ tự động hóa, tối ưu hóa quy trình sản xuất, tiết kiệm năng lượng và phát triển thị trường xuất khẩu của Công ty phù hợp với xu hướng nâng cao năng lực công nghệ và tiêu chuẩn hóa sản phẩm trong ngành vật liệu xây dựng. Việc sản phẩm bê tông khí chưng áp của Công ty được cấp Giấy chứng nhận Sản phẩm Công trình Xanh tại Singapore cũng tạo cơ sở để Công ty tiếp tục nghiên cứu, mở rộng khả năng tiếp cận các thị trường và khách hàng có yêu cầu cao về tiêu chuẩn môi trường và công trình xanh.

Tuy nhiên, sự phù hợp giữa định hướng phát triển của Công ty và xu hướng chung của ngành không đồng nghĩa với việc Công ty đương nhiên đạt được lợi thế hoặc tăng trưởng trong tương lai. Kết quả thực hiện chiến lược còn phụ thuộc vào khả năng đầu tư và vận hành hiệu quả công nghệ, chất lượng và giá thành sản phẩm, khả năng mở rộng mạng lưới phân phối, nhu cầu thực tế của thị trường, mức độ cạnh tranh, khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và môi trường, cũng như diễn biến của thị trường xây dựng trong nước và quốc tế.

Nhìn chung, định hướng phát triển của Công ty có sự tương đồng với xu hướng chuyển dịch của ngành vật liệu xây dựng theo hướng xanh, tiết kiệm tài nguyên, tăng cường ứng dụng công nghệ và phát triển kinh tế tuần hoàn. Đây là cơ sở để Công ty tiếp tục phát triển các sản phẩm vật liệu xây dựng có giá trị gia tăng, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời gian tới. Tuy nhiên, khả năng hiện thực hóa các mục tiêu phát triển phụ thuộc vào năng lực triển khai thực tế của Công ty và các điều kiện của thị trường.

10.8 Hoạt động Marketing

Hoạt động marketing của Công ty được triển khai trên cơ sở kết hợp giữa phát triển sản phẩm, chính sách giá, mở rộng hệ thống phân phối và tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, phù hợp với đặc điểm từng nhóm sản phẩm và từng phân khúc khách hàng. Trong đó, Công ty tập trung vào các sản phẩm vật liệu xây dựng có giá trị gia tăng như gạch bê tông khí chưng áp (AAC), tấm Panel ALC, vữa khô trộn sẵn, keo xây dựng và tro bay chất lượng cao.

Chính sách sản phẩm

Công ty tập trung phát triển các sản phẩm vật liệu xây dựng theo hướng nâng cao chất lượng, đa dạng hóa chủng loại và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Các sản phẩm chủ lực của Công ty gồm gạch bê tông khí chưng áp (AAC), tấm Panel ALC, vữa khô trộn sẵn, keo xây dựng và tro bay chất lượng cao.

Đối với nhóm sản phẩm AAC và Panel ALC, Công ty định hướng phát triển các sản phẩm vật liệu xây dựng nhẹ, phù hợp với xu hướng sử dụng vật liệu không nung, tiết kiệm năng lượng và giảm tải trọng công trình. Đối với sản phẩm vữa khô trộn sẵn và keo xây dựng, Công ty chú trọng nâng cao chất lượng, tính ổn định và khả năng đáp ứng yêu cầu của từng nhóm khách hàng và dự án. Đối với tro bay, Công ty tập trung vào phân khúc sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật của khách hàng trong nước và thị trường xuất khẩu.

Công ty chú trọng đầu tư nghiên cứu, cải tiến sản phẩm và hoàn thiện công nghệ sản xuất nhằm nâng cao tính năng sử dụng, đáp ứng các yêu cầu ngày càng đa dạng của thị trường, đồng thời tối ưu hóa chi phí sản xuất và nâng cao khả năng cạnh tranh. Công ty xác định chất lượng sản phẩm, tính ổn định trong cung ứng và khả năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của khách hàng là những yếu tố quan trọng trong việc duy trì và mở rộng thị trường.

Chính sách giá

Công ty xây dựng chính sách giá trên cơ sở phù hợp với đặc điểm từng nhóm sản phẩm, quy mô đơn hàng, yêu cầu kỹ thuật, điều kiện giao hàng và từng nhóm khách hàng. Đối với các đơn hàng dự án và khách hàng có sản lượng lớn, chính sách giá được xem xét trên cơ sở khối lượng cung ứng, yêu cầu về tiến độ và các điều kiện thương mại liên quan. Đối với hệ thống nhà phân phối và khách hàng bán lẻ, Công ty áp dụng chính sách giá phù hợp với từng kênh phân phối nhằm duy trì khả năng cạnh tranh của sản phẩm và hỗ trợ mở rộng thị trường.

Công ty định hướng duy trì mức giá cạnh tranh trên cơ sở cân đối giữa giá thành sản xuất, chất lượng sản phẩm và mặt bằng giá trên thị trường. Việc nâng cao năng lực sản xuất, tối ưu hóa quy trình và chủ động nguồn nguyên liệu được Công ty xác định là những yếu tố quan trọng nhằm kiểm soát chi phí và duy trì khả năng cạnh tranh về giá trong dài hạn.

Chính sách phân phối sản phẩm

Hệ thống phân phối sản phẩm của Công ty được thực hiện qua 03 kênh chính:

- Kênh phân phối sản phẩm qua hệ thống các nhà phân phối: Hiện nay Công ty có hơn 100 nhà phân phối lớn nhỏ trên toàn quốc, hệ thống nhà phân phối chủ yếu tập trung vào các sản phẩm vữa khô trộn sẵn, keo dán gạch đá, gạch nhẹ và tấm panel. Thị trường chính tập trung ở những thành phố lớn tại miền bắc như Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng.
- Kênh dự án: Công ty đang triển khai cung cấp sản phẩm cho một số dự án lớn trong nước và nước ngoài, sản phẩm chủ yếu là tro bay khô, vữa, gạch, panel… Hiện tại Công

ty đang cung cấp Vữa khô trộn sẵn cho các công trình của Vinhomes như: VINHOMES ROYAL ISLAND tại Vũ Yên Hải Phòng, dự án Vinhomes Global Gate tại Cổ Loa – Đông Anh – Hà Nội, Vinhomes Ocean Park Gia Lâm, dự án Vinhome Wonder Park Đan Phượng..., cung cấp tro bay khô cho tập đoàn xi măng tại thị trường Philippines.

- Kênh bán lẻ: Tập trung vào khách hàng là những cá nhân, gia đình có nhu cầu sử dụng sản phẩm của Công ty, chủ yếu là các sản phẩm keo, vữa, gạch phục vụ xây dựng các công trình dân dụng.

Cùng với việc phát triển hệ thống phân phối, Công ty chú trọng duy trì và mở rộng quan hệ với các chủ đầu tư, tổng thầu xây dựng, nhà thầu, doanh nghiệp sản xuất xi măng và các đối tác trong ngành vật liệu xây dựng nhằm đa dạng hóa kênh tiêu thụ. Việc Tổ hợp nhà máy tại Lâm Đồng đi vào hoạt động từ năm 2025, cùng với nhà máy tại Hải Phòng, giúp Công ty từng bước hình thành mạng lưới sản xuất tại khu vực phía Bắc và phía Nam, qua đó nâng cao năng lực cung ứng và mở rộng phạm vi phục vụ khách hàng trên toàn quốc.

Nhà máy tại Hải Phòng tiếp tục giữ vai trò cung ứng cho thị trường miền Bắc và các tỉnh lân cận, trong khi Tổ hợp nhà máy tại Lâm Đồng tạo điều kiện để Công ty tiếp cận sâu hơn thị trường miền Trung và miền Nam, đồng thời tận dụng lợi thế về vị trí địa lý, nguồn nguyên liệu và hệ thống cảng biển để tối ưu hóa chi phí logistics, hỗ trợ hoạt động tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Hoạt động xúc tiến thương mại và quảng bá thương hiệu

Công ty duy trì hoạt động giới thiệu sản phẩm và quảng bá thương hiệu thông qua website chính thức của Công ty www.songdacaocuong.vn, các kênh truyền thông và hoạt động giới thiệu sản phẩm đến khách hàng. Công ty đồng thời từng bước hoàn thiện hệ thống nhận diện thương hiệu và triển khai các hoạt động truyền thông, quảng bá và xúc tiến bán hàng nhằm nâng cao mức độ nhận diện thương hiệu trên thị trường.

Bên cạnh các hoạt động truyền thông trực tiếp, Công ty chú trọng phát triển quan hệ với các chủ đầu tư, tổng thầu, nhà thầu xây dựng, nhà sản xuất xi măng và các đối tác trong ngành nhằm tăng cường khả năng tiếp cận các dự án và mở rộng tệp khách hàng. Việc tham gia cung cấp sản phẩm cho các dự án quy mô lớn, đặc biệt là các dự án thuộc hệ sinh thái Vingroup, góp phần nâng cao mức độ nhận diện thương hiệu, đồng thời tạo điều kiện để Công ty mở rộng thị trường đối với các sản phẩm vật liệu xây dựng.

Trong thời gian tới, Công ty định hướng tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại gắn với từng nhóm sản phẩm và thị trường mục tiêu; đẩy mạnh giới thiệu các sản phẩm vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu không nung và vật liệu xây dựng xanh; đồng thời mở rộng hoạt động quảng bá và tìm kiếm khách hàng tại các thị trường xuất khẩu đối với tro bay chất lượng cao và từng bước phát triển thị trường cho các sản phẩm AAC, Panel ALC và các sản phẩm vật liệu xây dựng có giá trị gia tăng.

10.9 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

- Logo Công ty đang sử dụng

Logo Công ty đã được đăng ký sở hữu trí tuệ tại Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận số: 285585.

Logo được thiết kế với biểu tượng chữ SCL với màu đỏ, trên nền địa cầu màu xanh, có ý nghĩa thể hiện sức khỏe, tươi mát và thân thiện với môi trường, là màu được dùng trong logo liên quan tới các ngành sản xuất có yếu tố môi trường.

Ngày 07/04/2009, với vai trò là đồng sở hữu, Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả số 869/2009/QTG cho tác phẩm: Bài viết nghiên cứu "Dây chuyền chế biến tro bay suất 25.000 tấn/tháng".

Ngày 17/10/2023, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định số 2324/QĐ-BKHCN về việc công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia "Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, thiết kế chế tạo dây chuyền xử lý phosphogypsum (PG) của DAP Đình Vũ làm phụ gia xi măng và làm nguyên liệu để sản xuất tấm thạch cao xây dựng" mã số ĐTĐL.CN-67/15.

Ngày 24/4/2025, Công ty được Hội đồng công trình xanh Singapore cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công trình xanh cho sản phẩm bê tông khí chưng áp.

10.10 Chính sách nghiên cứu và phát triển

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường xác định nghiên cứu và phát triển (R&D) là một trong những yếu tố cốt lõi nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và đáp ứng xu hướng phát triển của ngành vật liệu xây dựng theo hướng xanh, bền vững và kinh tế tuần hoàn. Công ty được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hải Dương (Nay thuộc thành phố Hải Phòng) cấp Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ theo Quyết định số 01/2014/DNKHCN ngày 15/8/2014. Đây là nền tảng để Công ty tiếp tục đầu tư nghiên cứu, ứng dụng và thương mại hóa các công nghệ mới trong lĩnh vực xử lý tro, xỉ nhiệt điện và sản xuất vật liệu xây dựng xanh.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nghiên cứu, làm chủ và ứng dụng thành công công nghệ xử lý tro, xỉ nhiệt điện để sản xuất tro bay chất lượng cao, đồng thời phát triển các dòng sản phẩm bê tông khí chưng áp (AAC), tấm panel ALC, vữa khô trộn sẵn và các vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường. Việc không ngừng cải tiến công nghệ và tối ưu hóa quy

trình sản xuất góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, sử dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu tái chế, giảm tiêu hao năng lượng và đáp ứng ngày càng tốt hơn các tiêu chuẩn kỹ thuật của thị trường trong nước cũng như quốc tế.

Đối với các sản phẩm đã được thương mại hóa, Công ty tiếp tục tập trung đầu tư nâng cấp hệ thống thiết bị, tự động hóa dây chuyền sản xuất, cải tiến quy trình quản lý chất lượng và tối ưu hóa công nghệ nhằm nâng cao năng suất, giảm chi phí sản xuất, ổn định chất lượng sản phẩm và tăng năng lực đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh việc mở rộng quy mô sản xuất, Công ty cũng chú trọng nghiên cứu các giải pháp cải tiến sản phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về hiệu quả sử dụng, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

Trong giai đoạn tới, Công ty định hướng tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các sản phẩm vật liệu xây dựng thế hệ mới, trong đó có các sản phẩm bê tông có tính năng phù hợp với điều kiện môi trường đặc thù, phục vụ các công trình ven biển, hải đảo và khu vực chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Đồng thời, Công ty nghiên cứu phát triển các sản phẩm sử dụng xỉ lò cao và các loại vật liệu có hàm lượng phát thải thấp, hướng tới đáp ứng nhu cầu của các công trình hạ tầng giao thông, sân bay, cảng biển và các dự án xây dựng quy mô lớn.

Thông qua chính sách nghiên cứu và phát triển, Công ty hướng tới đa dạng hóa danh mục sản phẩm, nâng cao hàm lượng khoa học và công nghệ, cải thiện hiệu quả sản xuất và tăng khả năng đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Hoạt động R&D có tác động tích cực đến tình hình hoạt động kinh doanh thông qua việc hỗ trợ Công ty nâng cao chất lượng sản phẩm, tối ưu hóa chi phí, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh. Đồng thời, việc nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ xử lý, tái sử dụng tro, xỉ và phát triển vật liệu xây dựng xanh phù hợp với định hướng phát triển bền vững của ngành và xu thế chuyển dịch sang kinh tế tuần hoàn, qua đó tạo cơ sở cho Công ty phát triển các sản phẩm mới và mở rộng thị trường trong nước cũng như quốc tế trong dài hạn.

10.11 Chiến lược kinh doanh

Chiến lược và định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Trong giai đoạn tới, Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường định hướng phát triển theo mô hình doanh nghiệp vật liệu xây dựng xanh ứng dụng công nghệ cao, lấy đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững và kinh tế tuần hoàn làm nền tảng cho tăng trưởng dài hạn. Trên cơ sở lợi thế về công nghệ xử lý tro, xỉ nhiệt điện và hệ thống sản xuất tại Hải Phòng và Lâm Đồng, Công ty tập trung thực hiện các định hướng chiến lược sau:

– Duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định và bền vững thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa danh mục sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước cũng như quốc tế.

– Tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ, tự động hóa dây chuyền sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên liệu và tiết kiệm năng lượng nhằm tối ưu chi phí sản xuất, nâng cao năng suất và tăng năng lực cạnh tranh.

– Phát triển các dòng vật liệu xây dựng xanh, vật liệu xây dựng thế hệ mới có giá trị gia tăng cao, phù hợp với xu hướng phát triển công trình xanh, kinh tế tuần hoàn và mục tiêu giảm phát thải.

– Mở rộng quan hệ hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, hiệp hội ngành nghề và các đối tác trong nước, quốc tế nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và phát triển thị trường.

– Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới

Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến

Để triển khai chiến lược phát triển, Công ty dự kiến sử dụng kết hợp nhiều nguồn vốn, bao gồm vốn chủ sở hữu, nguồn vốn huy động thông qua phát hành cổ phiếu, vốn vay từ các tổ chức tín dụng và các nguồn vốn hợp pháp khác. Đồng thời, Công ty tiếp tục đầu tư mở rộng năng lực sản xuất, nâng cấp hệ thống công nghệ, tăng cường năng lực quản trị và bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với kế hoạch phát triển từng giai đoạn..

Kế hoạch kinh doanh

Trong thời gian tới, Công ty tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm sau:

– Tiếp tục củng cố vị thế tại thị trường miền Bắc, đồng thời khai thác hiệu quả Tổ hợp nhà máy Lâm Đồng để mở rộng thị trường khu vực miền Trung, miền Nam và nâng cao năng lực xuất khẩu.

– Duy trì và phát triển thị trường đối với các sản phẩm tro bay chất lượng cao, bê tông khí chưng áp (AAC), tấm panel ALC, vữa khô trộn sẵn và keo xây dựng; đồng thời nghiên cứu phát triển các sản phẩm vật liệu xây dựng thế hệ mới.

– Mở rộng hệ thống phân phối, tăng cường hợp tác với các chủ đầu tư, tổng thầu xây dựng, nhà phân phối và các đối tác chiến lược nhằm gia tăng độ phủ thị trường và thị phần.

– Tiếp tục đầu tư cho hoạt động marketing, xây dựng thương hiệu và phát triển hệ thống bán hàng nhằm nâng cao khả năng nhận diện thương hiệu và năng lực cạnh tranh.

– Thực hiện chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp với từng nhóm khách hàng, kết hợp kiểm soát công nợ, tối ưu vốn lưu động và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

– Quản trị hiệu quả hàng tồn kho, tối ưu chuỗi cung ứng và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Công ty tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định áp dụng đối với công ty đại chúng, hướng tới các thông lệ quản trị doanh nghiệp tốt. Đồng thời, Công ty đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản trị, điều hành và sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường khả năng kiểm soát rủi ro và minh bạch thông tin.

Các nguyên tắc quản trị doanh nghiệp được Công ty thực hiện bao gồm:

– Xây dựng cơ cấu quản trị minh bạch, hiệu quả và phù hợp với thông lệ quản trị doanh nghiệp.

– Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các nhóm cổ đông.

– Tăng cường vai trò của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành trong công tác quản trị và kiểm soát nội bộ.

– Nâng cao tính minh bạch trong công bố thông tin, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ.

– Thực hiện chuyển đổi số trong quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả điều hành và hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh.

10.12 Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường hiện không hoạt động trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định pháp luật. Do đó, Công ty không thuộc trường hợp phải đáp ứng các điều kiện kinh doanh hoặc giấy phép kinh doanh chuyên ngành theo quy định.

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã được cấp và duy trì một số giấy chứng nhận, chứng chỉ và các văn bản xác nhận có liên quan đến lĩnh vực hoạt động, chất lượng sản phẩm và năng lực khoa học, công nghệ, trong đó có:

– Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng. Ngày 15/08/2014, Công ty được Sở khoa học và Công nghệ tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và Công nghệ số 01/2014/DNKHCN; Công ty đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan.

– Về gạch bê tông khí chưng áp, sản phẩm của Công ty đạt tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7959:2017 và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2023.

– Về sản xuất tro bay, sản phẩm của Công ty đạt quy chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn Mỹ ASTM – C618 của Mỹ, phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10302:2014 và quy chuẩn thuật quốc gia QCVN 16:2023.

– Về tấm tường bê tông khí chưng áp, sản phẩm của Công ty đạt tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12867:2020 và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2023.

- Về vữa cho bê tông nhẹ, sản phẩm của Công ty đạt tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9028:2011.
- Về vữa xây dựng, sản phẩm của Công ty đạt tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4314:2022.
- Về keo dán gạch đá, sản phẩm của Công ty đạt tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7899-1:2008.
- Về keo chít mạch, sản phẩm của Công ty đạt tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7899-1:2008.
- Về bột bả, sản phẩm của Công ty đạt tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7239:2014.
- Về tro xỉ làm vật liệu san lấp, sản phẩm của Công ty đạt tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12249:2018.
- Về vữa tự chảy không co, sản phẩm của Công ty đạt tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9024:2012.

11. Chính sách đối với người lao động

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 30/09/2026 là 521 người.

Bảng 10. Tình hình lao động của Công ty

Tiêu chí	Bình quân trong 2 năm liên tục trước năm đăng ký chào bán	Hiện tại
TỔNG SỐ LƯỢNG	**351**	**521**
I. Phân theo trình độ học vấn	**351**	**521**
• Trình độ trên đại học	4	4
• Trình độ đại học	63	98
• Trình độ cao đẳng	28	52
• Sơ cấp, trung cấp	126	172
• Khác	130	195
II. Phân theo thời hạn	**351**	**521**
• LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ	4	3
• Hợp đồng dài hạn (trên 1 năm)	336	487
• Hợp đồng ngắn hạn (Từ 1 năm trở xuống)	11	31

(Nguồn: SCL)

Chính sách đối với người lao động:

Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc: Công ty thực hiện chế độ làm việc 08 giờ/ngày và 48 giờ/tuần.
- Nghỉ phép, lễ, tết: CBNV được nghỉ lễ, tết theo đúng quy định của Nhà nước.

– Nghỉ ốm, thai sản: CBNV khi nghỉ ốm và thai sản sẽ được hưởng các chế độ Bảo hiểm xã hội theo quy định của Pháp luật.

– Thực hiện khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho cán bộ nhân viên toàn Công ty

– Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho CBNV làm việc, trang bị đầy đủ trang thiết bị cần thiết để CBNV làm việc hiệu quả nhất. Ngoài ra, CBNV làm việc thi công, sản xuất phải thực hiện nghiêm túc Quy trình Kỹ thuật An toàn Lao động, các CBNV khác phải tuân thủ nguyên tắc, các quy trình nghiệp vụ của mỗi phòng ban.

Chính sách đào tạo:

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được Công ty đặc biệt quan tâm. CBNV phải tuân thủ theo Quy chế Đào tạo và hàng năm, kế hoạch đào tạo phải được xây dựng để trình cấp lãnh đạo phê duyệt.

Chính sách tuyển dụng:

Tùy theo từng vị trí tuyển dụng và căn cứ vào chức danh công việc, Công ty có yêu cầu riêng về tiêu chuẩn, điều kiện, trình độ chuyên môn, tay nghề, kinh nghiệm và việc tuyển dụng thực hiện theo đúng quy trình, hướng dẫn của Công ty và theo quy định của pháp luật.

Chính sách đánh giá, thăng tiến và phát triển:

Mọi CBNV phải tham gia đánh giá mức độ hoàn thành công việc của mình trong năm theo quy trình. Kết quả đánh giá là yếu tố quan trọng để xem xét việc tăng lương, thưởng, khả năng thăng tiến cũng như hạ cấp hoặc thôi việc của CBNV,

Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho mọi đối tượng được xác lập bằng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực. Những CBNV có khả năng làm việc tốt, có khả năng thích ứng và đầy đủ các tố chất và tiêu chuẩn phù hợp với nhu cầu hoạt động thực tế của Công ty đều có cơ hội thăng tiến theo cấp bậc nghề nghiệp hoặc cấp bậc quản lý của Công ty.

Hàng năm Công ty có quy hoạch và đề bạt những cá nhân có năng lực vào những vị trí quản lý của Công ty.

Chính sách lương thưởng, trợ cấp:

Với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho CBNV yên tâm công tác, gắn bó lâu dài, vì vậy chính sách đãi ngộ luôn được Công ty xem trọng và liên tục hoàn thiện.

CBNV được hưởng 13 tháng lương/năm. Trong những năm qua nhằm thu hút người lao động có năng lực về làm việc cho Công ty, Công ty đã áp dụng chính sách xếp lương và nâng lương trước thời hạn cho người lao động có năng lực làm việc giỏi, đem lại lợi nhuận cao cho Công ty.

CBNV được hưởng các loại trợ cấp và phụ cấp như: tiền cơm, lương năng suất lao động

tháng đối với cấp nhân viên và năng suất lao động năm đối với cấp quản lý. Ngoài ra, CBNV còn được hưởng các loại trợ cấp bằng cấp, công tác phí, chức danh, kiêm nhiệm công tác... tùy từng chức danh.

Công ty mua đầy đủ các loại bảo hiểm theo quy định cho CBNV.

Chính sách phúc lợi:

Tổ chức team building hàng năm, cung cấp đồ ăn ca miễn phí cho người lao động. Tổ chức, tặng quà cho con em của người lao động đang làm việc tại Công ty vào các dịp tết thiếu nhi, tết trung thu.

Hỗ trợ nhà ở cho các cán bộ công nhân viên ở xa đến làm việc tại Công ty.

Xây dựng khu tập luyện thể thao cho cán bộ công nhân viên rèn luyện sức khỏe, tham gia giao lưu, thi đấu sau giờ làm việc.

Mức thu nhập bình quân:

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động ổn định đều qua các năm, thu nhập bình quân toàn Công ty năm 2022 là: 10,8 triệu/người/tháng, thu nhập bình quân cả năm 2023 là 12,98 triệu/người/tháng, thu nhập bình quân cả năm 2024 là 13,8 triệu/người/tháng và năm 2025 là 14,6 triệu/người/tháng.

Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Với mục tiêu giữ chân người lao động giỏi và khuyến khích đội cán bộ công nhân viên lao động vì sự phát triển của Công ty, tùy vào tình hình hoạt động kinh doanh mà Công ty có các đợt phát hành cổ phiếu cho người lao động.

- Năm 2022, Công ty thực hiện phát hành 500.000 cổ phiếu cho người lao động với giá chào bán là 10.000 đồng/ cổ phiếu.
- Năm 2026, Công ty đã thực hiện phát hành 920.000 cổ phiếu cho người lao động với giá chào bán là 10.000 đồng/ cổ phiếu và dự kiến trong Quý IV/2026 – Quý I/2027 phát hành 680.000 cổ phiếu thưởng cho đối tượng là Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

12. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh hàng năm có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của HĐQT, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.

- Năm 2024, Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu: Tỷ lệ 9%, thời gian thực hiện 07/11/2025.
- Năm 2025, Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu: Tỷ lệ 17%, thời gian thực hiện 10/06/2026.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

❖ ***Thông tin về đợt chào bán thêm 8.000.000 cổ phiếu ra công chúng năm 2025***

Năm 2025, Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường đã thực hiện chào bán 8.000.000 cổ phiếu ra công chúng theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 523/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2025, với tổng số tiền thu được từ đợt chào bán là 100.000.000.000 đồng. Theo phương án sử dụng vốn được phê duyệt, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán được Công ty dự kiến sử dụng để thanh toán các khoản nợ vay ngân hàng dài hạn cho Hợp đồng số 02/2023/1605829/HĐTD ký ngày 20/04/2023 và Hợp đồng số 03/2023/1605829/HĐTD ký ngày 11/10/2023 với Ngân hàng BIDV – Bắc Hải Dương.

Trong quá trình triển khai phương án sử dụng vốn, căn cứ nhu cầu sử dụng vốn thực tế và tình hình tài chính của Công ty, mục đích sử dụng vốn đã được điều chỉnh. Mục đích điều chỉnh là để đảm bảo các khoản nợ vay ngắn hạn với Ngân hàng được thanh toán đúng hạn, đảm bảo khả năng tín dụng của Công ty. Việc điều chỉnh mục đích sử dụng vốn được Hội đồng quản trị thông qua theo Nghị quyết số 1651/NQ-HĐQT ngày 16/12/2025. Theo đó, Công ty sử dụng một phần số tiền thu được từ đợt chào bán để thanh toán các khoản nợ vay ngân hàng dài hạn, phần còn lại được sử dụng để thanh toán các khoản nợ vay ngân hàng ngắn hạn. Cụ thể tình hình sử dụng vốn:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền (đồng)
1	Thanh toán nợ dài hạn theo hợp đồng số 03/2023/1605829/HĐTD ký ngày 11/10/2023	51.000.000.000
2	Thanh toán nợ ngắn hạn theo hợp đồng: 01/2025/1605829/HĐTD ký ngày 02/06/2025	49.000.000.000
	Tổng	**100.000.000.000**

Thanh toán nợ vay dài hạn:

STT	Số Hợp đồng	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (Đồng)	Số tiền thực tế đã sử dụng (Đồng)	Thời gian sử dụng thực thế
1	03/2023/1605829/HĐTD ký ngày 11/10/2023	51.000.000.000	51.000.000.000	14/01/2026
	Tổng cộng	**51.000.000.000**	**51.000.000.000**	

Thanh toán nợ vay ngắn hạn: Theo hợp đồng: 01/2025/1605829/HĐTD ký ngày 02/06/2025

STT	Số hợp đồng tín dụng cụ thể	Ngày nhận nợ	Ngày trả nợ	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán	Số tiền thực tế sử dụng từ đợt chào bán	Thời gian sử dụng thực tế
1	407003578291	07/08/2025	03/02/2026	1.432.783.945	1.432.783.945	12/01/2026
2	402003608014	13/08/2025	09/02/2026	10.028.837.778	10.028.837.778	
3	400003570286	06/08/2025	02/02/2026	15.039.135.848	15.039.135.848	
4	406003649745	21/08/2025	20/02/2026	3.492.500.178	3.492.500.178	
5	408003677395	27/08/2025	23/02/2026	3.882.369.463	3.882.369.463	
6	407003731543	10/09/2025	09/03/2026	13.040.597.345	13.040.597.345	
7	408003712064	05/09/2025	04/03/2026	2.083.775.443	2.083.775.443	
	Tổng cộng			**49.000.000.000**	**49.000.000.000**	

Đến nay, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán đã được Công ty sử dụng cho mục đích thanh toán các khoản vay ngân hàng, bao gồm cả nợ vay dài hạn và nợ vay ngắn hạn. Việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán được thể hiện tại Báo cáo sử dụng vốn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam ngày 20/03/2026.

❖ ***Thông tin về đợt phát hành 920.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty năm 2026***

Năm 2026, Công ty thực hiện phát hành 920.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty năm 2026 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 486/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026. Đến hết ngày 30/07/2026, Công ty kết thúc đợt chào bán và thu về số tiền là 9.200.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành là bổ sung vốn lưu động. Công ty đã sử dụng hết số vốn thu được từ đợt phát hành.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Không có.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường đã có công văn gửi UBCKNN cam kết Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

❖ **Chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh Hợp nhất**

Bảng 11. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm	6 tháng/2026	9 tháng/2026
Tổng giá trị tài sản	623.709	877.016[(1)]	40,6%	939.658	1.061.028
Doanh thu thuần	408.378	572.230	40,1%	402.161	665.547
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	31.185	81.105	160,1%	67.150	116.516
Lợi nhuận khác	2.418	(23)	(101,0%)	3.225	1.515
Lợi nhuận trước thuế	33.602	81.082	141,3%	70.374	118.031
Lợi nhuận sau thuế	26.566	64.285	142,0%	56.264	94.369
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	75,86%	85,70%	13,0%	-	-
Tỷ lệ cổ tức	9%	17%	88,9%	-	-

[(1)]: Số liệu tại ngày 31/12/2025 đã được trình bày lại theo Thông tư 43/2026/TT-BTC ngày 20/4/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026 đã được soát xét và báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2026 chưa được kiểm toán của SCL)

Trong quá trình hoạt động, Công ty không ngừng mở rộng quy mô tài sản và nâng cao năng lực sản xuất thông qua việc đầu tư xây dựng, mở rộng các nhà máy, đổi mới dây chuyền công nghệ nhằm gia tăng sản lượng và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng tăng cường năng lực tài chính thông qua các hoạt động huy động vốn, tạo nguồn lực phục vụ cho chiến lược phát triển dài hạn.

Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty đạt 877.016 triệu đồng, tăng 40,6% so với cuối năm 2024, chủ yếu do tài sản ngắn hạn tăng, đặc biệt là tiền và các khoản tương đương tiền. Nguyên nhân đến từ việc thu hồi công nợ khách hàng và nhận 100 tỷ đồng từ đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng. Trong đó, khoản tiền 100 tỷ đồng chưa sử dụng tại thời điểm cuối năm 2025 và đã được sử dụng trong tháng 01/2026 theo phương án được phê duyệt; tiền thu từ khách hàng được sử dụng để thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ ngắn hạn. Bên cạnh đó, tài sản cố định tăng do dự án nhà máy tại Vĩnh Hảo, Lâm Đồng hoàn thành, đưa vào sử dụng và được kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Tuy nhiên, biến động tài sản dài hạn không đáng kể so với tài sản ngắn hạn. Tại ngày 30/9/2026, tổng tài sản của Công ty đạt 1.061.028 triệu đồng, tăng 21,0% so với thời điểm đầu năm và tăng 12,9% so với ngày 30/6/2026. Quy mô tài sản tiếp tục được mở rộng, tạo nền tảng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Khác với năm 2024, hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2025 ghi nhận sự phục hồi và tăng trưởng tích cực. Doanh thu thuần đạt 572.230 triệu đồng, tăng 40,1% so với năm trước. Cùng với sự cải thiện về doanh thu, hiệu quả hoạt động cũng được nâng cao khi lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 81.105 triệu đồng, tăng 160,1%. Mặc dù lợi nhuận khác ghi nhận khoản lỗ 23 triệu đồng, song ảnh hưởng không đáng kể đến kết quả kinh doanh chung của Công ty. Nhờ doanh thu tăng trưởng mạnh, công tác kiểm soát chi phí được cải thiện và các khoản đầu tư bắt đầu phát huy hiệu quả, lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 81.082 triệu đồng, tăng 141,3% so với năm 2024; lợi nhuận sau thuế đạt 64.285 triệu đồng, tăng 142,0%. Kết quả này phản ánh sự tăng trưởng rõ nét trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hiệu quả của chiến lược mở rộng đầu tư và nâng cao năng lực sản xuất mà Công ty đã triển khai trong những năm gần đây.

Bước sang năm 2026, hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục ghi nhận kết quả tích cực. Trong 6 tháng đầu năm, doanh thu thuần đạt 402.161 triệu đồng, tương đương 70,28% doanh thu cả năm 2025; lợi nhuận gộp đạt 158.597 triệu đồng, tương đương 78,45% mức thực hiện năm 2025. Lợi nhuận sau thuế đạt 56.264 triệu đồng, với biên lợi nhuận sau thuế đạt gần 14%. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, doanh thu thuần đạt 665.547 triệu đồng, vượt 16,3% doanh thu cả năm 2025; lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 116.516 triệu đồng, vượt 43,7% mức thực hiện năm 2025. Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 118.031 triệu đồng và 94.369 triệu đồng, vượt tương ứng 45,6% và 46,8% kết quả cả năm 2025. Biên lợi nhuận sau thuế đạt 14,18%, cho thấy hiệu quả sinh lời tiếp tục được duy trì ở

mức tích cực. Kết quả này phản ánh đà tăng trưởng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng tạo lợi nhuận của Công ty trong năm 2026.

Với kết quả kinh doanh khả quan, Công ty tiếp tục duy trì chính sách chia sẻ lợi ích với cổ đông. Tỷ lệ cổ tức năm 2025 được nâng lên 17%, tăng đáng kể so với mức 9% của năm 2024, tương ứng mức tăng 88,9%. Đồng thời, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức cũng được cải thiện từ 75,86% năm 2024 lên 85,70% năm 2025. Điều này cho thấy Công ty không chỉ đạt được sự tăng trưởng về lợi nhuận mà còn đảm bảo hài hòa giữa mục tiêu tái đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất và chính sách mang lại giá trị bền vững cho cổ đông.

Các chỉ tiêu khác: Không có

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

❖ **Chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh của riêng lẻ**

Bảng 12. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất, kinh doanh riêng lẻ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm	6 tháng/2026	9 tháng/2026
Tổng giá trị tài sản	623.709	875.481[(2)]	40,4%	937.705	1.058.965
Doanh thu thuần	408.378	572.230	40,1%	402.161	665.547
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	31.185	81.122	160,1%	67.210	116.467
Lợi nhuận khác	2.418	(25)	(101,0%)	3.225	1.515
Lợi nhuận trước thuế	33.602	81.097	141,3%	70.436	117.982
Lợi nhuận sau thuế	26.566	64.300	142,0%	56.325	94.321
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	75,86%	85,68%	12,9%	-	-
Tỷ lệ cổ tức	9%	17%	88,9%	-	-

[(2)]: Số liệu tại ngày 31/12/2025 đã được trình bày lại theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán, báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2026 đã được soát xét và báo cáo tài chính riêng quý 3/2026 chưa được kiểm toán của SCL)

Các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ không có sự khác biệt đáng kể do công ty con mới thành lập, chưa phát sinh doanh thu bán hàng, chỉ phát sinh chi phí quản lý doanh nghiệp và doanh thu tài chính nhưng giá trị thấp, vì

vậy chưa có ảnh hưởng đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty. Sự khác biệt lớn nhất giữa chỉ tiêu ở báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất là tổng tài sản, tổng tài sản trên báo cáo riêng thấp hơn 1.535 triệu đồng so với báo cáo hợp nhất tại 31/12/2025 và chênh 2.063 triệu đồng tại 30/09/2026.

Các chỉ tiêu khác: Không có

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

a. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024-2026

Thuận lợi

Năng lực quản trị và năng lực sản xuất

Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng linh hoạt, chủ động thích ứng với biến động của thị trường; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, tối ưu hóa quy trình sản xuất, tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả quản trị. Kết quả kinh doanh năm 2024, 2025 ghi nhận sự tăng trưởng tích cực, tạo nền tảng tài chính thuận lợi để Công ty tiếp tục mở rộng đầu tư trong năm 2026.

Thị trường vật liệu xây dựng có dấu hiệu phục hồi

Sau giai đoạn khó khăn của thị trường bất động sản và xây dựng, nhu cầu vật liệu xây dựng được kỳ vọng tiếp tục cải thiện nhờ việc Chính phủ đẩy mạnh đầu tư công, triển khai các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm và các chính sách tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản. Đây là điều kiện thuận lợi để gia tăng nhu cầu đối với các sản phẩm vật liệu xây dựng của Công ty trong năm 2026.

Ổn định và phát triển các sản phẩm chủ lực

- **Tro bay khô:** tiếp tục duy trì thị phần trong nước và mở rộng xuất khẩu sang các thị trường Đông Nam Á thông qua các hợp đồng đã ký kết.
- **Than qua tuyển:** duy trì sản lượng tiêu thụ ổn định.
- **Gạch nhẹ AAC và tấm panel ALC:** tiếp tục mở rộng thị trường trong nước, đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu sau khi được cấp chứng nhận sản phẩm công trình xanh.
- **Vữa khô và keo xây dựng:** tiếp tục cung cấp cho các dự án lớn và mở rộng hệ thống phân phối tại thị trường dân dụng.

Tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất

Trong năm 2026, Công ty tiếp tục đầu tư hoàn thiện các dây chuyền sản xuất, ứng dụng tự động hóa, nâng cấp thiết bị và cải tiến công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và giảm chi phí sản xuất. Dự án phân tách tro xỉ tại Vĩnh Hảo đã đi vào vận hành, đồng

thời Công ty dự kiến tiếp tục triển khai giai đoạn 2 của tổ hợp sản xuất vật liệu xây dựng với nhiều dòng sản phẩm mới.

Đầu tư mở rộng năng lực sản xuất

Công ty tiếp tục đầu tư hoàn thiện các dây chuyền sản xuất, ứng dụng tự động hóa, nâng cấp thiết bị và triển khai các dự án mới nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Cơ cấu lại nguồn vốn

Bên cạnh việc mở rộng đầu tư, Công ty triển khai phương án phát hành cổ phiếu nhằm bổ sung nguồn vốn, giảm dư nợ vay ngân hàng và giảm áp lực chi phí lãi vay. Việc cơ cấu lại nguồn vốn sẽ góp phần nâng cao tính chủ động về tài chính, tạo điều kiện để Công ty tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển trong trung và dài hạn.

Khó khăn

Mặc dù thị trường vật liệu xây dựng được kỳ vọng tiếp tục phục hồi trong năm 2026, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố bất lợi từ môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế.

Tình hình địa chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, xung đột quân sự tại một số khu vực và những gián đoạn trong chuỗi cung ứng toàn cầu đã làm gia tăng giá nhiên liệu và chi phí logistics. Giá xăng dầu biến động ở mức cao không chỉ làm tăng chi phí vận chuyển nguyên vật liệu và hàng hóa mà còn kéo theo sự gia tăng của nhiều loại chi phí đầu vào khác, ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành sản xuất và khả năng cạnh tranh của Công ty.

Bên cạnh đó, việc điều chỉnh chính sách giá điện và cơ chế tính giá điện trong năm 2026 làm gia tăng chi phí năng lượng đối với các doanh nghiệp sản xuất. Đây là yếu tố tác động đáng kể đến Công ty do các dây chuyền sản xuất gạch nhẹ AAC, tấm panel ALC, tro bay và vữa khô đều có mức tiêu thụ điện năng lớn. Nếu giá điện tiếp tục được điều chỉnh tăng, biên lợi nhuận của Công ty có thể chịu áp lực đáng kể.

Mặc dù nhu cầu vật liệu xây dựng đang có dấu hiệu cải thiện, sự cạnh tranh trong ngành vẫn diễn ra gay gắt, đặc biệt ở các sản phẩm keo dán gạch, keo chít mạch và vật liệu hoàn thiện, khi nhiều doanh nghiệp cạnh tranh chủ yếu bằng giá bán. Điều này tạo áp lực lên việc duy trì thị phần và biên lợi nhuận của Công ty.

Ngoài ra, giá nguyên vật liệu đầu vào, chi phí nhân công và chi phí vận hành có xu hướng tăng do ảnh hưởng của lạm phát và biến động của thị trường. Bên cạnh đó, tiến độ triển khai các dự án xây dựng, đầu tư công và bất động sản tại một số địa phương còn phụ thuộc vào công tác giải phóng mặt bằng, thủ tục pháp lý và khả năng bố trí vốn. Điều này có thể làm ảnh hưởng đến tiến độ tiêu thụ vật liệu xây dựng cũng như kế hoạch sản xuất của Công ty.

Đối với hoạt động xuất khẩu, Công ty cũng phải đối mặt với rủi ro từ biến động tỷ giá, chi phí vận tải quốc tế và những thay đổi trong chính sách thương mại của các thị trường nhập khẩu, có thể ảnh hưởng đến hiệu quả xuất khẩu và khả năng mở rộng thị trường.

Về tài chính, trong bối cảnh Công ty tiếp tục đầu tư mở rộng năng lực sản xuất, chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí lãi vay vẫn ở mức tương đối cao. Đồng thời, việc thu hồi công nợ từ một số khách hàng có thể kéo dài hơn dự kiến, làm gia tăng áp lực lên dòng tiền hoạt động. Vì vậy, Công ty cần tiếp tục kiểm soát chặt chẽ công nợ, tối ưu cơ cấu nguồn vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn để đảm bảo an toàn tài chính trong quá trình phát triển.

b. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có.

2. Tình hình tài chính

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam, tuân thủ theo các quy định của Luật kế toán và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.

a. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Báo cáo về vốn điều lệ

Từ khi thành lập đến nay, sau nhiều lần tăng vốn điều lệ, đến thời điểm 30/09/2026 vốn điều lệ của Công ty là 388.368.150.000 đồng, tương ứng 38.836.815 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phiếu.

Bảng 13. Tình hình vốn điều lệ năm 2024 – Quý III/2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nguồn vốn	Thời điểm			
	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
Vốn điều lệ	186.609	324.079	379.168	388.368

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026 đã được soát xét và báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2026 chưa được kiểm toán của SCL)

Báo cáo về vốn kinh doanh

Vốn kinh doanh hợp nhất

Bảng 14. Tình hình vốn kinh doanh hợp nhất năm 2024 – 30/09/2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Thời điểm			
		31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
I	**Nợ phải trả**	**352.251**	**444.106**	**453.257**	**527.390**
1	Nợ ngắn hạn	203.005	331.960	310.690	370.666
2	Nợ dài hạn	149.246	112.146	142.567	156.724
II	**Vốn chủ sở hữu**	**271.458**	**432.910**	**486.401**	**533.638**
1	Vốn cổ phần đã phát hành	186.609	324.079	379.168	388.368
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*186.609*	*324.079*	*379.168*	*388.368*
	- Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	4.805	24.784	24.360	24.291
3	Quỹ đầu tư phát triển	15.901	17.229	17.229	17.229
4	Lợi nhuận chưa phân phối	64.297	65.283	63.638	101.727
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*37.731*	*983*	*7.365*	*7.365*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*26.566*	*64.300*	*56.273*	*94.362*
5	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	1.535	2.006	2.022
6	Nguồn kinh phí	(155)	-	-	-
	Tổng cộng	**623.709**	**877.016**	**939.658**	**1.061.028**

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026 đã được soát xét và báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2026 chưa được kiểm toán của SCL)

Tổng nguồn vốn của Công ty có xu hướng tăng qua các kỳ, từ 623.709 triệu đồng tại ngày 31/12/2024 lên 877.016 triệu đồng tại ngày 31/12/2025 và đạt 939.658 triệu đồng tại ngày 30/06/2026. Trong đó, vốn chủ sở hữu tăng từ 271.458 triệu đồng năm 2024 lên 432.910 triệu đồng năm 2025 và 486.401 triệu đồng tại ngày 30/06/2026, tương ứng tỷ trọng trong tổng nguồn vốn tăng từ 43,52% lên 49,37% và 51,76%. Nợ phải trả tại ngày 30/06/2026 đạt 453.257 triệu đồng, chiếm 48,24% tổng nguồn vốn. Tại ngày 30/09/2026, tổng nguồn vốn của Công ty đạt 1.061.028 triệu đồng, tăng 121.370 triệu đồng, tương ứng 12,92% so với ngày 30/06/2026. Trong đó, vốn chủ sở hữu đạt 533.638 triệu đồng, tăng 9,71%, chiếm 50,29%

tổng nguồn vốn, chủ yếu nhờ sự gia tăng của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Nợ phải trả đạt 527.390 triệu đồng, tăng 16,36%, chiếm 49,71% tổng nguồn vốn, trong đó nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu. Nhìn chung, quy mô nguồn vốn tiếp tục được mở rộng, đồng thời vốn chủ sở hữu vẫn duy trì tỷ trọng trên 50% tổng nguồn vốn

Sự gia tăng vốn chủ sở hữu, đặc biệt là vốn cổ phần đã phát hành, góp phần nâng cao năng lực tài chính và khả năng tự chủ về vốn của Công ty. Trong khi đó, nợ phải trả có sự điều chỉnh về cơ cấu giữa nợ ngắn hạn và nợ dài hạn, phù hợp với nhu cầu vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Nhìn chung, quy mô nguồn vốn tiếp tục được mở rộng, cơ cấu nguồn vốn duy trì tương đối cân đối giữa nợ phải trả và vốn chủ sở hữu, góp phần bảo đảm nguồn lực tài chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

Nguồn Kinh phí là khoản tiền được cấp để nghiên cứu hoàn thiện công nghệ thiết kế, chế tạo dây chuyền xử lý Phostphogypsum (PG) của DAP Đình Vũ làm phụ gia cho xi măng và nguyên liệu để sản xuất tấm thạch cao Xây dựng. Mã số đề tài ĐTĐLCN.67/15 theo quyết định số 91/QĐ-KHCN ngày 20/01/2016 của Bộ khoa học công nghệ về việc "Phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia". Công ty được cấp 18.252.375.500 đồng và đã sử dụng 18.407.319.340 đồng. Số tiền chênh lệch 154.943.840 đồng trên đã được trình bày trên chỉ tiêu "Nguồn kinh phí", mục Vốn chủ sở hữu tại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán. Tại báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2026, số tiền trên đã được trình bày lại trên chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" theo quy định tại Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026. Việc trình bày lại khoản mục này đã làm tăng tương ứng tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2025 so với số liệu tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025.

Vốn kinh doanh riêng lẻ

Bảng 15. Tình hình vốn kinh doanh riêng lẻ năm 2024 – 30/09/2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Thời điểm			
		31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
I	**Nợ phải trả**	**352.251**	**444.106**	**453.257**	**527.390**
1	Nợ ngắn hạn	203.005	331.960	310.690	370.666
2	Nợ dài hạn	149.246	112.146	142.567	156.724
II	**Vốn chủ sở hữu**	**271.458**	**431.376**	**484.447**	**531.575**

STT	Nguồn vốn	Thời điểm			
		31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
1	Vốn cổ phần đã phát hành	186.609	324.079	379.168	388.368
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*186.609*	*324.079*	*379.168*	*388.368*
	- Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	4.805	24.784	24.360	24.291
3	Quỹ đầu tư phát triển	15.901	17.229	17.229	17.229
4	Lợi nhuận chưa phân phối	64.297	65.283	63.690	101.686
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*37.731*	*983*	*7.365*	*7.365*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*26.566*	*64.300*	*56.325*	*94.321*
5	Nguồn kinh phí	(155)	-	-	-
	Tổng cộng	**623.709**	**875.481**	**937.705**	**1.058.965**

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán, báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2026 đã được soát xét và báo cáo tài chính riêng quý 3/2026 chưa được kiểm toán của SCL)

Chỉ tiêu Nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng lẻ của Công ty không có sự chênh lệch báo cáo tài chính hợp nhất. Vốn chủ sở hữu thay đổi và chênh lệch tại chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và chỉ tiêu Lợi ích cổ đông không kiểm soát do thực hiện hợp nhất số liệu của Công ty con.

Tình hình sử dụng vốn kinh doanh

Vốn kinh doanh được sử dụng vào đầu tư tài sản ngắn hạn và dài hạn

Tình hình sử dụng vốn kinh doanh theo báo cáo Hợp nhất

Bảng 16. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh hợp nhất năm 2024 – 30/09/2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Thời điểm			
		31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
I	**Tài sản ngắn hạn**	**183.695**	**376.265**	**297.285**	**393.979**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	47.441	188.106	66.211	95.103

STT	Nguồn vốn	Thời điểm			
		31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	92.417	134.355	139.142	203.498
3	Hàng tồn kho	24.223	39.841	61.297	73.261
4	Tài sản ngắn hạn khác	19.614	13.963	30.635	22.116
II	**Tài sản dài hạn**	**440.013**	**500.752**	**642.374**	**667.049**
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	1.000	1.000	1.000
2	Tài sản cố định	259.376	479.395	457.540	451.162
3	Tài sản dở dang dài hạn (*)	173.378	11.352	175.903	206.627
4	Đầu tư tài chính dài hạn	800	800	800	800
5	Tài sản dài hạn khác	6.459	8.205	7.130	7.460
	Tổng cộng	**623.709**	**877.016**	**939.658**	**1.061.028**

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026 đã được soát xét và báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2026 chưa được kiểm toán của SCL)

(*) Tháng 10/2025 Dây chuyền phân tách tro xỉ tại Bình Thuận (nay là Lâm Đồng) chính thức đi vào hoạt động và được ghi nhận là tài sản cố định, do đó tại ngày 31/12/2025 tài sản dở dang dài hạn giảm một khoản tương ứng với giá trị tăng của tài sản cố định. Tại 30/09/2026, "Dự án nhà máy sản xuất Panel, gạch nhẹ chứng áp, vữa khô và keo dán gạch Phả Lại" mới đang được triển khai chưa hoàn thiện nên chưa được ghi nhận vào tài sản mà được hạch toán trên tài sản dở dang dài hạn và dự án này được bắt đầu xây dựng từ đầu năm 2026.

Tình hình sử dụng vốn kinh doanh theo báo cáo riêng

Bảng 17. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh riêng lẻ năm 2024 – 30/09/2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Thời điểm			
		31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
I	**Tài sản ngắn hạn**	**183.695**	**375.448**	**283.686**	**380.239**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	47.441	187.361	52.691	81.440

STT	Nguồn vốn	Thời điểm			
		31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	92.417	134.352	139.133	203.490
3	Hàng tồn kho	24.223	39.841	61.297	73.261
4	Tài sản ngắn hạn khác	19.614	13.894	30.565	22.048
II	**Tài sản dài hạn**	**440.013**	**500.033**	**654.018**	**678.725**
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	1.000	1.000	1.000
2	Tài sản cố định	259.376	478.710	456.912	450.564
3	Tài sản dở dang dài hạn	173.378	11.352	175.903	206.627
4	Đầu tư tài chính dài hạn	800	800	13.100	13.100
5	Tài sản dài hạn khác	6.459	8.171	7.102	7.434
	Tổng cộng	**623.709**	**875.481**	**937.705**	**1.058.965**

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán, báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2026 đã được soát xét và báo cáo tài chính riêng quý 3/2026 chưa được kiểm toán của SCL)

b. Trích khấu hao tài sản cố định

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, các tài sản này được phản ánh theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai của tài sản được vốn hóa vào nguyên giá TSCĐ.

Khấu hao TSCĐ được trích theo phương pháp đường thẳng. Công ty xem xét thời gian sử dụng hữu ích và phương pháp khấu hao định kỳ; các thay đổi (nếu có) được áp dụng cho năm hiện hành và các kỳ tiếp theo theo quy định hiện hành:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 04 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị 05 - 25 năm
- Phương tiện vận tải 06 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý 05 năm

c. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân cán bộ công nhân viên Công ty năm 2024 đạt 13,8 triệu đồng/người/tháng và năm 2025 đạt 14,6 triệu đồng/người/tháng, tăng khoảng 5,8% so với năm 2024. Trong khi đó, theo số liệu của Cục Thống kê, thu nhập bình quân của người lao động trên cả nước năm 2025 đạt 8,4 triệu đồng/người/tháng, tăng 8,9% so với năm 2024. Như vậy, mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên Công ty năm 2025 cao hơn khoảng 74% so với mức thu nhập bình quân của người lao động trên cả nước, cho thấy thu nhập của người lao động tại Công ty ở mức tương đối cao so với mặt bằng chung. (Nguồn: https://www.nso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2026/01/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-dan-so-lao-dong-viec-lam-quy-iv-va-nam-2025/?)

Đồng thời, theo Liên đoàn Lao động thành phố Hải Phòng, tiền lương bình quân của người lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố năm 2025 đạt hơn 9,3 triệu đồng/người/tháng, tăng 4,1% so với năm 2024, trên cơ sở tổng hợp từ 6.139 doanh nghiệp. So với mức tiền lương bình quân này, mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên Công ty năm 2025 cao hơn khoảng 57%, cho thấy chính sách tiền lương và thu nhập của Công ty tương đối cạnh tranh so với mặt bằng tiền lương của người lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố. (Nguồn: https://haiphong.gov.vn/tin-so-nganh/lien-doan-lao-dong-thanh-pho-trien-khai-ke-hoach-cham-lo-cho-nguoi-lao-dong-trong-thang-cong-nha-874395?).

Do vậy, mức lương bình quân của Công ty là tốt so với các doanh nghiệp cùng khu vực và thuộc mức cao so với mức lương bình quân cả nước.

Đối với các doanh nghiệp cùng ngành, hiện Công ty không có thông tin công bố đầy đủ và đồng nhất về mức lương bình quân của người lao động năm 2025 để thực hiện so sánh trực tiếp. Do đó, việc đánh giá mức lương bình quân của người lao động tại Công ty chủ yếu được thực hiện trên cơ sở so sánh với thu nhập bình quân của người lao động trên cả nước và mức tiền lương bình quân của người lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

d. Tình hình công nợ

Tình hình công nợ hợp nhất

Bảng 18. Tình hình công nợ hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
1.	Tổng các khoản phải thu	92.417	135.355	140.142	204.498
2.	Tổng các khoản phải trả	352.251	444.106	453.257	527.390

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026 đã soát xét và báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2026 chưa được kiểm toán của SCL)

Tình hình công nợ riêng lẻ

Bảng 19. Tình hình công nợ riêng lẻ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
1.	Tổng các khoản phải thu	92.417	135.352	140.133	204.490
2.	Tổng các khoản phải trả	352.251	444.106	453.257	527.390

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán, báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2026 đã được soát xét và báo cáo tài chính riêng quý 3/2026 chưa được kiểm toán của SCL)

e. Các khoản phải thu:

Khoản phải thu hợp nhất

Bảng 20. Tình hình các khoản phải thu hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
I.	**Phải thu ngắn hạn**	**92.417**	**134.355**	**139.142**	**203.498**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng (*)	78.073	88.450	82.301	115.970
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn (**)	15.251	46.390	56.153	86.600
3.	Phải thu ngắn hạn khác	3.415	3.684	4.838	5.078
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.321)	(4.168)	(4.149)	(4.149)
II.	**Phải thu dài hạn**	**-**	**1.000**	**1.000**	**1.000**
1.	Phải thu dài hạn khác	-	1.000	1.000	1.000
	Tổng cộng	**92.417**	**135.355**	**140.142**	**204.498**

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026 đã soát xét và báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2026 chưa được kiểm toán của SCL)

(*) Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng tập trung nhiều nhóm đối tượng khách hàng khác nhau, với những khoản phải thu giá trị lớn chủ yếu từ các khách hàng quen đã hợp tác với công ty nhiều năm. Hiện nay khoản phải thu lớn nhất là từ Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu

tư xây dựng Vincons. Khoản phải thu của Công ty Vincons đã tăng từ 38 tỷ đồng vào năm 2024 lên 48 tỷ đồng vào năm 2025 và giảm còn 23 tỷ đồng vào 30/6/2026. Đến 30/09/2026 phải thu khách hàng phần lớn là từ Công ty Vincons với 67,9 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty TNHH Trọng Phóng, Philcement Corporation, Công ty cổ phần Vạn Thiên An cũng là nhóm đối tượng phải thu ngắn hạn của Công ty và phần lớn là khách hàng lâu năm và giá trị khoản phải thu biến động tăng giảm theo từng thời điểm.

(**) Trả trước cho người bán ngắn hạn

Trả trước cho người bán ngắn hạn của Công ty có xu hướng tăng trong giai đoạn 2024–2026. Cụ thể, khoản trả trước cho người bán tăng từ 15,3 tỷ đồng tại ngày 31/12/2024 lên 46,4 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025, tăng 31,1 tỷ đồng, tương ứng 204,2%. Đến ngày 30/06/2026, khoản mục này tiếp tục tăng lên 56,2 tỷ đồng, tăng 9,8 tỷ đồng, tương ứng 21,0% so với cuối năm 2025. Tại ngày 30/06/2026, khoản trả trước cho người bán chủ yếu tập trung tại Công ty TNHH XNK Quốc tế LS, Công ty TNHH Long Thành Hải và các người bán khác, đây là các công ty đang thực hiện việc thi công, xây dựng, lắp đặt cho dự án Nhà máy sản xuất panel, gạch nhẹ chưng áp, vữa khô và keo dán gạch Phả Lại của Công ty. Đến 30/09/2026 khoản trả trước cho người bán chủ yếu đến từ Công ty TNHH XNK Quốc tế LS, Long Thành Hải, Kỹ thuật điện Kym và nhiều người bán khác.

Khoản phải thu riêng lẻ

Bảng 21. Tình hình các khoản phải thu riêng lẻ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
I.	**Phải thu ngắn hạn**	**92.417**	**134.352**	**139.133**	**203.490**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng (*)	78.073	88.450	82.301	115.970
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	15.251	46.387	56.144	86.592
3.	Phải thu ngắn hạn khác	3.415	3.684	4.838	5.078
4	Dự phòng phải thu khó đòi	(4.321)	(4.168)	(4.149)	(4.149)
II.	**Phải thu dài hạn**	**-**	**1.000**	**1.000**	**1.000**
1.	Phải thu dài hạn khác	-	1.000	1.000	1.000
	Tổng cộng	**92.417**	**135.352**	**140.133**	**204.490**

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026 đã soát xét và báo cáo tài chính riêng quý 3/2026 chưa được kiểm toán của SCL)

Giá trị khoản phải thu quá hạn của Công ty trên báo cáo hợp nhất giống với báo cáo riêng do Công ty con mới được thành lập và chưa có khoản phải thu quá hạn. Cụ thể khoản phải thu quá hạn tại 30/09/2026:

Bảng 22. Các Khoản phải thu quá hạn tại 30/09/2026

STT	Đối tượng	Giá trị (Tr.đồng)	Giá trị trích lập dự phòng (Tr.đồng)	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân quá hạn	Đánh giá khả năng thu hồi
1	Công ty cổ phần thạch cao GYPRO Việt Nam	959	929,5	>1 năm	Khách hàng khó khăn về tài chính	Có thể thu hồi 29 triệu đồng
2	Công ty TNHH Kaola Việt Nam	961	480	>1năm	Khách hàng khó khăn về tài chính	Có thể thu hồi 480 triệu đồng
3	CMC/ITD/SONGDA Jont venture Laos Nam theun 1 hydropower	378	378	>1 năm	Tổng thầu dự án Nậm Thơm 1, hiện đã giải thể nên khó thu hồi	Không có khả năng thu hồi
4	Công ty TNHH Vật liệu công nghệ An Hưng	418	209	>1 năm	Khách hàng khó khăn về tài chính	Có thể thu hồi 209 triệu đồng
5	Đối tượng khác	2.853	2.153	>1 năm	Các đối tượng khác (Gồm tổ chức/ cá nhân) là đối tượng có số dư nợ quá hạn….. tổng nợ quá hạn của Công ty. Công ty đã nhiều lần có văn bản đề nghị thanh toán nhưng các đối tượng này không phản hồi và không chi trả.	Có thể thu hồi 700 triệu đồng
	Tổng Cộng	**5.568**	**4.150**			

Các khoản phải trả:

Tình hình thanh toán khoản phải trả hợp nhất:

Bảng 23. Tình hình các khoản phải trả hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
I.	**Nợ ngắn hạn**	**203.005**	**331.960**	**310.690**	**370.666**

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
1	Phải trả cho người bán	44.149	79.034	71.056	69.097
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	329	1.884	2.741	1.799
3	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	764	764	764
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.072	17.118	14.441	23.970
5	Phải trả người lao động	7.320	6.332	7.255	8.811
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	258	321	365	-
7	Phải trả ngắn hạn khác	861	625	72	158
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	134.161	218.216	206.168	259.737
9	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	8.856	7.666	7.829	6.330
II.	**Nợ dài hạn**	**149.246**	**112.146**	**142.567**	**156.724**
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	149.246	112.146	142.567	156.724
	Tổng nợ phải trả	**352.251**	**444.106**	**453.257**	**527.390**

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026 đã soát xét và báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2026 chưa được kiểm toán của SCL)

Nợ phải trả của Công ty tăng từ 352.251 triệu đồng tại ngày 31/12/2024 lên 444.106 triệu đồng tại ngày 31/12/2025, tương ứng tăng 26,07%, sau đó đạt 453.257 triệu đồng tại ngày 30/06/2026, tăng 2,06% so với cuối năm 2025. Đến ngày 30/09/2026, tổng nợ phải trả đạt 527.390 triệu đồng, tăng 74.133 triệu đồng, tương ứng 16,36% so với ngày 30/06/2026. Trong đó, nợ ngắn hạn đạt 370.666 triệu đồng, tăng 19,31% và nợ dài hạn đạt 156.724 triệu đồng, tăng 9,93% so với ngày 30/06/2026

Trong cơ cấu nợ phải trả, vay và nợ thuê tài chính là khoản mục chiếm tỷ trọng chủ yếu. Tại ngày 30/09/2026, tổng vay và nợ thuê tài chính đạt 416.461 triệu đồng, bao gồm 259.737 triệu đồng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và 156.724 triệu đồng vay và nợ thuê tài chính dài hạn, tăng 67.726 triệu đồng so với ngày 30/06/2026. Bên cạnh đó, phải trả người bán đạt 69.097 triệu đồng, giảm 2,76% so với ngày 30/06/2026; trong khi thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng từ 14.441 triệu đồng lên 23.970 triệu đồng.

Nhìn chung, tổng nợ phải trả của Công ty có xu hướng tăng cùng với quá trình mở rộng quy mô hoạt động và nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, trong đó nguồn vốn vay và nợ thuê tài chính là nguồn tài trợ chủ yếu. Trong 9 tháng đầu năm 2026, cả nợ ngắn hạn và nợ dài hạn đều tăng so với cuối năm 2025, phản ánh sự gia tăng quy mô nợ phải trả của Công ty.

Tình hình thanh toán khoản phải trả Riêng lẻ:

Bảng 24. Tình hình các khoản phải trả riêng lẻ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
I.	**Nợ ngắn hạn**	**203.005**	**331.960**	**310.690**	**370.666**
1	Phải trả cho người bán	44.149	79.034	71.056	69.097
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	329	1.884	2.741	1.799
3	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	764	764	764
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.072	17.118	14.441	23.970
5	Phải trả người lao động	7.320	6.332	7.255	8.811
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	258	321	365	-
7	Phải trả ngắn hạn khác	861	625	72	158
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	134.161	218.216	206.168	259.737
9	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	8.856	7.666	7.829	6.330
II.	**Nợ dài hạn**	**149.246**	**112.146**	**142.567**	**156.724**
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	149.246	112.146	142.567	156.724
	Tổng nợ phải trả	**352.251**	**444.106**	**453.257**	**527.390**

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán, báo cáo tài chính bán niên năm 2026 đã được soát xét và báo cáo tài chính riêng quý 3/2026 chưa được kiểm toán của SCL)

Giá trị nợ phải trả trên Báo cáo tài chính riêng lẻ của Công ty tại ngày 31/12/2024; 31/12/2025; 30/06/2026; 30/9/2026 giống với số dư nợ phải trả được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tình hình thanh toán các khoản nợ: Doanh nghiệp thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi và gốc và không có nợ quá hạn phải thanh toán. Công ty không vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025, báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2026 và báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2026 chưa được kiểm toán, kể từ khi thành lập cho đến thời điểm hiện tại, Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

Đối với các khoản vay của các tổ chức tín dụng Công ty luôn đảm bảo thanh toán kịp thời cả gốc và lãi theo đúng điều khoản Hợp đồng tín dụng đã ký. Các khoản phải trả Nhà cung cấp được thanh toán kịp thời, đảm bảo ổn định nguồn nguyên nhiên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện nay, công ty đang được các ngân hàng đánh giá và xếp hạng tín nhiệm cao về khả năng thanh toán lãi và vốn vay của mình. Đây cũng là một lợi thế của công ty trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các ngân hàng cho các dự án của mình một cách dễ dàng. Để đảm bảo được thanh toán các khoản nợ đến hạn ngoài việc sử dụng vốn vay hiệu quả cho các hoạt động đầu tư, Công ty quản lý tốt các khoản phải thu đảm bảo thu tiền ngay khi bán hàng hoặc cho khách hàng nợ trong thời gian ngắn. Đối với công nợ phải trả phần lớn là nhà cung cấp lâu dài, việc duy trì nợ phải trả từ 1 đến 3 tháng giúp Công ty có dòng tiền duy trì thanh toán tốt các khoản nợ đến hạn.

Tình hình dư nợ vay của Công ty:

Hợp nhất:

Bảng 25. Tình hình dư nợ vay của Công ty qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026		30/09/2026	
	Giá trị	Nợ quá hạn	Giá trị	Nợ quá hạn	Giá trị	Nợ quá hạn	Giá trị	Nợ quá hạn
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	**134.161**	**0**	**218.216**	**0**	**206.168**	**0**	**259.737**	**0**
Ngân hàng BIDV chi nhánh Bắc Hải Dương	110.561	0	194.616	0	199.368	0	252.937	0
Vay nợ dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng BIDV chi nhánh Bắc Hải Dương	23.600	0	23.600	0	6.800	0	6.800	0
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**149.246**	**0**	**112.146**	**0**	**142.567**	**0**	**156.724**	**0**
Ngân hàng BIDV chi nhánh Bắc Hải Dương	99.246	0	75.646	0	114.567	0	130.724	0
Công ty CP Công nghiệp dịch vụ Cao Cường	50.000	0	36.500	0	28.000	0	26.000	0
Tổng cộng	**283.407**	**0**	**330.362**	**0**	**348.735**	**0**	**416.461**	**0**

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026 đã soát xét và báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2026 chưa được kiểm toán của SCL)

Các khoản nợ của Công ty đều được thanh toán đầy đủ trong các năm qua. Hiện nay, Công ty không có nợ quá hạn.

Riêng lẻ:

Giá trị khoản nợ vay trên Báo cáo tài chính riêng lẻ của Công ty tại ngày 31/12/2024; 31/12/2025; 30/06/2026; 30/09/2026 giống với số dư khoản nợ vay được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

f. Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản phải nộp theo luật định của Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật. Trong năm 2026, Công ty có phát sinh trường hợp nộp chậm tờ khai thuế nhà thầu và đã thực hiện nộp tiền phạt vi phạm hành chính, đồng thời hoàn thành các nghĩa vụ liên quan theo quy định.

Tình hình các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty như sau:

Hợp nhất

Bảng 26. Tình hình các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thời điểm			
	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.036	16.797	14.110	23.662
Thuế thu nhập cá nhân	36	321	331	309
Tổng cộng	**7.072**	**17.118**	**14.441**	**23.970**

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026 đã soát xét và báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2026 chưa được kiểm toán của SCL))

Riêng lẻ

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2024; 31/12/2025; 30/06/2026; 30/09/2026 giống với số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

g. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành. Mức trích cho từng quỹ được các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hợp nhất

Bảng 27. Tình hình số dư các quỹ trích lập theo luật định

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	30/09/2026
Quỹ đầu tư phát triển	15.901	17.229	17.229	17.229
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.856	7.666	7.829	6.330
Tổng cộng	**24.757**	**24.896**	**25.058**	**23.559**

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026 đã soát xét và báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2026 chưa được kiểm toán của SCL))

Riêng lẻ

Số dư các quỹ trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2024; 31/12/2025; 30/06/2026; 30/09/2026 giống với số dư các quỹ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

h. **Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất**

Không có.

2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 28. Các chỉ tiêu tài chính năm 2024 – 2025

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hợp nhất		Riêng lẻ	
			Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025
I	**Khả năng thanh toán**					
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn *(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)*	Lần	0,90	1,13	0,90	1,13
2	Hệ số thanh toán nhanh *(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn*	Lần	0,79	1,01	0,79	1,01
II	**Cơ cấu vốn**					
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,56	0,51	0,56	0,51
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,30	1,03	1,30	1,03

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hợp nhất		Riêng lẻ	
			Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025
III	**Năng lực hoạt động**					
1	Vòng quay tổng tài sản *(Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)*	Lần	0,76	0,76	0,76	0,76
2	Vòng quay vốn lưu động *(Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)*	Lần	2,35	2,04	2,35	2,05
3	Vòng quay hàng tồn kho *(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)*	Lần	13,29	11,55	13,29	11,55
IV	**Khả năng sinh lời**					
1	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) *(Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)*	%	6,51	11,23	6,51	11,24
2	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) *(Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)*	%	4,92	8,57	4,92	8,58
3	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) *(Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)*	%	10,10	18,25	10,10	18,30
4	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	1.015	2.914	-	-

(Nguồn: BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán của SCL)

a. Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán của SCL năm 2025 được cải thiện so với năm 2024. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 0,90 lần lên 1,13 lần, trong khi hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,79 lần lên 1,01 lần. Kết quả này cho thấy khả năng đáp ứng các nghĩa vụ nợ ngắn hạn của Công ty đã được nâng cao, trong đó có sự đóng góp từ việc tăng vốn trong năm 2025 và sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành để thanh toán các khoản vay ngân hàng.

b. Cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn của Công ty có chuyển biến tích cực trong năm 2025. Hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm từ 0,56 lần xuống 0,51 lần, đồng thời hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ 1,30 lần xuống 1,03 lần. Diễn biến này phản ánh mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay của Công ty đã giảm. Việc Công ty thực hiện tăng vốn và sử dụng một phần nguồn vốn huy động để thanh toán các khoản vay ngân hàng đã góp phần giảm dư nợ, qua đó cải thiện cơ cấu tài chính và giảm áp lực về nghĩa vụ nợ trong những năm tiếp theo.

c. Năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu phản ánh năng lực hoạt động năm 2025 có sự biến động không đồng nhất. Vòng quay tổng tài sản tăng nhẹ từ 0,76 lần năm 2024 lên 0,763 lần năm 2025, cho thấy hiệu quả khai thác tổng tài sản được duy trì và có cải thiện nhẹ. Trong khi đó, vòng quay vốn lưu động giảm từ 2,35 lần xuống 2,04 lần, cho thấy hiệu quả sử dụng vốn lưu động có xu hướng giảm. Vòng quay hàng tồn kho cũng giảm từ 13,29 vòng năm 2024 xuống 11,55 vòng năm 2025, phản ánh tốc độ luân chuyển hàng tồn kho chậm lại so với năm trước. Tuy nhiên, chỉ tiêu này vẫn duy trì ở mức tương đối cao, cho thấy khả năng tiêu thụ sản phẩm của Công ty nhìn chung vẫn khá tốt, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục tăng cường quản lý hàng tồn kho, đẩy nhanh tốc độ luân chuyển vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động nhằm tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh.

d. Khả năng sinh lời

Khả năng sinh lời của SCL năm 2025 được cải thiện rõ rệt. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) tăng từ 6,51% lên 11,23%, ROA tăng từ 4,92% lên 8,57% và ROE tăng từ 10,10% lên 18,26%. Đồng thời, EPS tăng từ 1.015 đồng lên 2.914 đồng/cổ phần. Kết quả này cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng tạo lợi nhuận của Công ty đã được nâng cao đáng kể trong năm 2025, đồng thời phản ánh sự cải thiện trong hiệu quả sử dụng tài sản và vốn chủ sở hữu.

Các chỉ tiêu khác: Không có

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán: Không có

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

- **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm 2024**

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính."

- **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với báo cáo tài chính năm 2025**

Báo cáo tài chính hợp nhất

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính."

Báo cáo tài chính riêng

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính."

- **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2026**

Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2026

"Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường tại ngày 30/06/2026, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ".

Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2026

"Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường tại ngày 30/06/2026, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ".

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Từ việc phân tích, đánh giá những thuận lợi, khó khăn năm 2025, Công ty đã xây dựng phương hướng nhiệm vụ và kế hoạch kinh doanh năm 2026 như sau:

4.1 Kế hoạch cho năm 2026

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 486/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026.

Bảng 29. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh 2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Năm 2026	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (*)	572.230	998.830	74,55%
Lợi nhuận sau thuế	64.285	85.200	32,53%
Vốn chủ sở hữu (**)	352.261	546.928	55,26%
Lợi nhuận sau thuế/DTT	11,23%	8,53%	-24,04%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	18,25%	15,58%	-14,63%
Tỷ lệ cổ tức	17%	22%	29,41%

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của SCL)

(*) Tại thời điểm lập kế hoạch và trình Đại hội đồng cổ đông, Ban điều hành lập kế hoạch theo số tổng doanh thu của Công ty trong năm.

(**) Vốn chủ sở hữu được xác định là vốn chủ sở hữu bình quân. Vốn chủ sở hữu bình quân năm 2026 được giả định dựa trên vốn chủ sở hữu năm 2025 và vốn chủ sở hữu năm 2026, trong đó vốn chủ sở hữu năm 2026 được ước tính dựa trên giả định tất cả các đợt phát hành tăng vốn góp đều được thực hiện hoàn tất trong năm 2026 theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty đạt kế hoạch lợi nhuận 2026 và đã phân phối lợi nhuận 2025.

4.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty được xây dựng trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện năm 2025, năng lực sản xuất hiện có, tiến độ triển khai các dự án đầu

tư, triển vọng thị trường vật liệu xây dựng và định hướng phát triển trung, dài hạn của Công ty, cụ thể:

– Năm 2025 Công ty đầu tư dự án nhà máy xử lý tro xỉ, sản xuất vật liệu xây dựng, cụ thể: Nhà máy sản xuất Panel gạch nhẹ chưng áp, vữa khô và keo dán gạch Phả Lại tại khu vực đất nhà máy xử lý tro xỉ cũ tại hồ Bắc Bình Giang – Chí Linh với quy mô công suất đối với tấm panel, gạch nhẹ chưng áp là 200.000 m^3/năm và 200.000 m^3/năm đối với dây chuyền sản xuất vữa khô trộn sẵn, keo dán gạch đá. Dự kiến tháng 9/2026 dự án hoàn thiện và đi vào hoạt động sản xuất thương mại.

– Tổ hợp nhà máy tại Vĩnh Hảo (Bình Thuận trước đây, nay thuộc tỉnh Lâm Đồng sau điều chỉnh địa giới hành chính) đã đi vào hoạt động từ năm 2025 với công suất xử lý 1 triệu tấn tro xỉ/năm, tạo tiền đề để đóng góp doanh thu và lợi nhuận trong năm 2026. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục nghiên cứu và triển khai giai đoạn 2 của dự án, mở rộng danh mục sản phẩm vật liệu xây dựng xanh, cấu kiện bê tông, AAC, ALC và đã đầu tư hệ thống điện mặt trời áp mái tại nhà máy ở Vĩnh Hảo và Chí Linh, tạo động lực tăng trưởng trong trung và dài hạn.

– Trong năm 2026, Công ty tiếp tục cung cấp sản phẩm tro bay cho đối tác lâu năm đã kí hợp đồng nguyên tắc và khai thác thêm lượng khách hàng mới trong và ngoài nước.

– Công ty tiếp tục duy trì và mở rộng thị trường tiêu thụ thông qua việc phát triển hệ thống phân phối, mở rộng thị trường khu vực miền Trung và miền Nam, đồng thời duy trì hoạt động xuất khẩu tro bay chất lượng cao và tăng cường hợp tác với các chủ đầu tư, tổng thầu và các dự án xây dựng quy mô lớn. Việc mở rộng phạm vi cung ứng từ các tổ hợp nhà máy tại Hải Phòng, Phả Lại và Vĩnh Hảo giúp Công ty nâng cao khả năng cạnh tranh, giảm chi phí logistics và rút ngắn thời gian giao hàng.

– Công ty đã ký kết các hợp đồng cung cấp vữa (vữa xây dựng, vữa liên kết tấm), tấm panel, keo dán gạch, keo chít mạch cho các công trình của Vinhomes trong năm 2026. Ngoài Vinhomes, Công ty cũng triển khai làm việc với đối tác là chủ đầu tư, nhà thầu của các dự án bất động sản như Delta, Sun group, Hòa Bình, Newtecons… trong việc cung cấp các sản phẩm vật liệu xây dựng

– Công ty tiếp tục phát huy lợi thế là doanh nghiệp khoa học và công nghệ với công nghệ xử lý tro bay, phát triển các sản phẩm vật liệu xây dựng xanh theo mô hình kinh tế tuần hoàn, đồng thời đẩy mạnh nghiên cứu, cải tiến sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế.

– Công ty đã từng bước xuất khẩu các sản phẩm gạch bê tông khí chưng áp (AAC) và tấm panel ALC sang thị trường Philippines. Sản phẩm bê tông khí chưng áp của Công ty đã được Hội đồng Công trình Xanh Singapore cấp Giấy chứng nhận Sản phẩm Công trình Xanh vào

ngày 24/04/2025, tạo lợi thế cạnh tranh trong việc tham gia các dự án công trình xanh và mở rộng thị trường xuất khẩu. Đồng thời, Công ty đang tiếp tục triển khai các thủ tục để được cấp chứng nhận sản phẩm công trình xanh tại Philippines nhằm gia tăng khả năng tiếp cận thị trường quốc tế

– Triển vọng tích cực của ngành vật liệu xây dựng, sự phục hồi của thị trường bất động sản, đẩy mạnh đầu tư công, xu hướng phát triển công trình xanh và sử dụng vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường là những yếu tố hỗ trợ nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm AAC, panel ALC, tro bay, vữa khô và các sản phẩm vật liệu xây dựng xanh của Công ty.

– Ngoài các sản phẩm truyền thống như tro bay, bê tông khí chưng áp AAC, tấm panel ALC, vữa khô trộn sẵn và keo xây dựng, Công ty tiếp tục nghiên cứu, phát triển các dòng sản phẩm mới như xi măng Poóc lăng xỉ lò cao, cấu kiện bê tông và các vật liệu xây dựng phục vụ công trình hạ tầng, công trình ven biển và các khu vực chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Việc đa dạng hóa danh mục sản phẩm góp phần mở rộng thị trường, phân tán rủi ro và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức:

Với góc độ của tổ chức tư vấn, TVSI đã dựa trên những thông tin SCL cung cấp, đồng thời thu thập các thông tin mà chúng tôi cho là cần thiết để tiến hành nghiên cứu, phân tích và đánh giá các mặt hoạt động của SCL. Dựa vào báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng đầu năm 2026 chưa được kiểm toán, trong 9 tháng đầu năm 2026 doanh thu của công ty đạt 705.180 triệu đồng, đạt 70,60% kế hoạch và lợi nhuận sau thuế là 94.369 triệu đồng, đạt 110,76% kế hoạch. Do đó, TVSI cho rằng kế hoạch kinh doanh năm 2026 do SCL đưa ra là có tính khả thi nhất là vào giai đoạn cuối năm dự án Nhà máy sản xuất gạch tại Phả Lại đi vào hoạt động sẽ giúp Công ty tăng việc tiêu thụ sản phẩm gạch tới các chủ đầu tư và doanh thu của Công ty thường tăng mạnh vào các tháng cuối năm. Các loại vật liệu xây dựng mà SCL đang sản xuất cũng thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà thầu cho các công trình lớn tại Việt Nam và SCL đã từng bước kí kết và hợp tác trong việc cung cấp nguyên vật liệu cho các doanh nghiệp này. Các dự án sản xuất nguyên vật liệu của SCL đang thực hiện đều được đánh giá là có khả năng sinh lời tốt. Không chỉ dừng lại ở thị trường trong nước, mảng xuất khẩu của Công ty cũng đang hoạt động tốt, các sản phẩm gạch của Công ty từng bước được xuất khẩu thành công ra thị trường nước ngoài. Ngoài việc thúc đẩy hoạt động sản xuất, SCL cũng tích cực trong việc nghiên cứu cải tiến khoa học để nâng cao chất lượng sản xuất, nâng cao năng suất, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Tuy nhiên, để đạt được kế hoạch đã đặt ra, SCL cần lưu ý việc đảm bảo tiến độ triển khai các dự án để đảm bảo kế hoạch doanh thu và lợi nhuận.

TVSI xin lưu ý rằng, các ý kiến đánh giá trên được đưa ra dưới góc độ nhận xét của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin thu thập có chọn lọc và các nền tảng lý thuyết tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến đánh giá trên chỉ mang tính tham khảo.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC/PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000572 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương (Nay là Sở tài chính thành phố Hải Phòng) cấp lần đầu ngày 17/04/2007. Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Bảng 30. Danh sách cổ đông lớn SCL tại ngày 16/09/2026

STT	Tên	Năm sinh/ năm thành lập	Quốc tịch	Nơi đăng ký HKTT đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần (**)	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Kiều Văn Mát	25/8/1969	Việt Nam	Chí Linh, Hải Phòng	4.481.374	44.813.740.000	11,539
2	Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ Cao Cường (*)	GCNĐKKD số: 0800263713 do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương (nay là Sở Tài chính thành phố Hải Phòng) cấp lần đầu ngày 13/5/2002, thay đổi lần thứ 15 ngày 21/01/2025	Việt Nam	Km 28 + 500m, Quốc lộ 18, Chí Linh, Hải Phòng	4.856.156	48.561.560.000	12,504

(Nguồn: SCL)

(*) Công ty cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ Cao Cường: Vốn điều lệ là 125.000.000.000 đồng. Công ty thành lập ngày 13/05/2002, hiện nay Người đại diện theo pháp luật là Bà Phạm Thị Ngọc Bích – Tổng Giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Ông Kiều Văn Mát là người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ Cao Cường tại Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường.

(**) Số cổ phần trên là số cổ phần đang nắm giữ đồng thời cũng là số cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty.

Bảng 31. Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn

STT	Tên	Chức vụ tại Công ty/ mối quan hệ của NLQ với CĐL	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
			Tại ngày trở thành cổ đông lớn: 20/04/2012			Tại thời điểm hiện tại			Dự kiến sau phát hành		
1	Kiều Văn Mát	**Chủ tịch HĐQT**	825.500	825.500	9,17	4.481.374	4.481.374	11,539	5.173.713	5.173.713	11,539
1.1	Kiều Quang Vọng	Anh	32.000	32.000	0.35	536.411	536.411	1,381	619.283	619.283	1,381
1.2	Kiều Văn Phu	Anh	13.300	13.300	0.14	42.653	42.653	0,110	49.243	49.243	0,110
1.3	Vũ Thị Thanh Huyền	Vợ	50.000	50.000	0,55	460.364	460.364	1,185	531.487	531.487	1,185
1.4	Kiều Thị Dung	Chị	3.333	3.333	0,37	9.484	9.484	0,024	10.949	10.949	0,024
1.5	Kiều Thị Thơm	Chị	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.6	Kiều Thị Miền	Em	0	0	0	1.623	1.623	0,004	1.874	1.874	0,004
1.7	Kiều Văn Cao	Em	187.000	187.000	2,07	338.924	338.924	0,873	391.285	391.285	0,873
1.8	Kiều Mai Hương	Con	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.9	Kiều Ngọc Mai	Con	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.10	Kiều Trí Dũng	Con	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.11	Công ty cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ Cao Cường	(*)	900.000	900.000	10	4.856.156	4.856.156	12,504	5.606.396	5.606.396	12,504

(*) Công ty cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ Cao Cường do Ông Kiều Văn Mát làm Chủ tịch Hội đồng quản trị và là người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ Cao Cường tại Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường.

STT	Tên	Chức vụ tại Công ty/ mối quan hệ của NLQ với CĐL	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
			Tại ngày trở thành cổ đông lớn: 17/04/2007			Tại thời điểm hiện tại			Dự kiến sau phát hành		
2	Công ty CP Công nghiệp - dịch vụ Cao Cường	Cổ đông lớn	90.000	90.000	30	4.856.156	4.856.156	12,504	5.606.396	5.606.396	12,504
2.1	Kiều Văn Mát	Chủ tịch HĐQT	-	-	-	4.481.374	4.481.374	11,539	5.173.713	5.173.713	11,539
2.2	Kiều Quang Vọng	TV HĐQT	-	-	-	536.411	536.411	1,381	619.283	619.283	1,381
2.3	Kiều Văn Cao	TV HĐQT	-	-	-	338.924	338.924	0,873	391.285	391.285	0,873

(Nguồn: SCL)

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa SCL với các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần của SCL và người có liên quan của các đối tượng này:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Cấp có thẩm quyền quyết định	Loại giao dịch, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Các điều khoản khác
1	Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch	Cổ đông lớn và	0800263713 ngày 21/01/2025	Km 28+500m, Quốc lộ 18,	Tổng Giám đốc	Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ, lãi vay của Công ty cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ	Không có

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Cấp có thẩm quyền quyết định	Loại giao dịch, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Các điều khoản khác
	vụ Cao Cường	người có liên quan	tại Sở KH và ĐT Tỉnh Hải Dương	Phường Chí Linh, TP. Hải Phòng		Cao Cường với số tiền là 2.606.932.692 đồng	
2	Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ Cao Cường	Cổ đông lớn và người có liên quan	0800263713 ngày 21/01/2025 tại Sở KH và ĐT Tỉnh Hải Dương	Km 28+500m, Quốc lộ 18, Phường Chí Linh, TP. Hải Phòng	Tổng Giám đốc	Công ty CP Sông Đà Cao Cường đã trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ và lãi vay cho công ty cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ Cao Cường là 2.868.199.816 đồng	Không có
3	Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ Cao Cường	Cổ đông lớn và người có liên quan	0800263713 ngày 21/01/2025 tại Sở KH và ĐT T.Hải Dương	Km 28+500m, Quốc lộ 18, Phường Chí Linh, TP. Hải Phòng	Hội đồng quản trị	Công ty CP Sông Đà Cao Cường trả tiền đã vay Công ty CP Công nghiệp - Dịch vụ Cao Cường với 10.500.000.000 đồng	Không có

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Không có

Cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Danh sách Hội đồng Quản Trị

Tên	Chức vụ	Ghi chú
Kiều Văn Mát	Chủ tịch HĐQT	
Nguyễn Hồng Quyền	Thành viên HĐQT	
Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT	
Nguyễn Ánh Hồng	Thành viên HĐQT	
Kiều Quang Vọng	Thành viên HĐQT	

3.1.1. Chủ tịch HĐQT – Kiều Văn Mát

- Họ tên: Kiều Văn Mát
- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 25-8-1969
- Nơi sinh: Chí Linh, Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Thường trú: Chí Linh, Hải Phòng
- Số CCCD: 030069008716 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 03/06/2022
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế; Cử nhân Luật; Lý luận chính trị cao cấp;
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Green SCL.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ năm 1993 đến năm 2003	Chủ nhiệm Hợp tác xã công nghiệp Cao Cường	Hợp tác xã công nghiệp Cao Cường
Từ tháng 01/2004 đến tháng 04/2004	Chủ tịch HĐQT	Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Phả Lại
Từ tháng 05/2004 đến tháng 04/2007	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường
Từ tháng 05/2007 đến tháng 12/2007	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Sông Đà Cao Cường
Từ tháng 01/2008 đến 10/2017	Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng giám đốc	Công ty CP Sông Đà Cao Cường
Từ tháng 11/2017 đến nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Sông Đà Cao Cường
Từ tháng 01/2024 đến nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ tháng 11/2025 đến nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty cổ phần Green SCL

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  + Sở hữu cá nhân: 4.481.374 cổ phần, chiếm 11,539 % vốn điều lệ
  + Sở hữu đại diện: 4.856.156 cổ phần, chiếm 12,504% vốn điều lệ
  + Sở hữu của người có liên quan: 6.245.615 cổ phần, chiếm 16,082% vốn điều lệ; trong đó:
    - Anh trai Kiều Quang Vọng sở hữu 536.411 cổ phần, chiếm 1,381% vốn điều lệ;
    - Anh trai Kiều Văn Phu sở hữu 42.653 cổ phần, chiếm 0,110% vốn điều lệ;
    - Vợ Vũ Thị Thanh Huyền sở hữu 460.364 cổ phần, chiếm 1,185% vốn điều lệ;
    - Em gái Kiều Thị Miền sở hữu 1.623 cổ phần, chiếm 0,004% vốn điều lệ;
    - Em trai Kiều Văn Cao sở hữu 338.924 cổ phần, chiếm 0,873% vốn điều lệ;
    - Chị gái Kiều Thị Dung sở hữu 9.484 cổ phần, chiếm 0,024% vốn điều lệ;
    - Công ty cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ Cao Cường sở hữu 4.856.156 cổ phần, chiếm 12,504% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

  + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị: Không có

  + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng năm 2026	Quý 3 năm 2026
Thù lao, tiền lương và thưởng	1.050.000.000	871.500.000	1.030.000.000	270.000.000

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

- Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

3.1.2. Thành viên HĐQT – Nguyễn Hồng Quyền

- Họ và tên: Nguyễn Hồng Quyền
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/9/1950
- Nơi sinh: Hoằng Sơn, Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 1BT8, Khu đô thị Lideco, xã Hoài Đức, Hà Nội
- Số CCCD: 038050004296 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 11/04/2019
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ khoa học
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ năm 1967 đến năm 1972	Đại học Tổng hợp	CHDC Đức
Từ năm 1972 đến năm 1977	Cán bộ khoa học	Viện Vật lý
Từ năm 1977 đến năm 1980	Nghiên cứu sinh	CHDC Đức
Từ năm 1980 đến tháng 9/2010	Cán bộ khoa học	Viện Vật lý
Từ tháng 4/2007 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  + Sở hữu cá nhân: 161 cổ phần, chiếm 0,0004% vốn điều lệ;
  + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ;
  + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần;
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị: Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng năm 2026	Quý 3 năm 2026
Thù lao, tiền lương và thưởng	138.000.000	117.500.000	126.000.000	30.000.000

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

3.1.3. Thành viên HĐQT – Nguyễn Anh Dũng

- Họ và tên: Nguyễn Anh Dũng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 28/5/1975
- Nơi sinh: Chu Văn An, Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 17/126 Kim Hoa, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Hà Nội
- Số CCCD: 030075006847 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 10/7/2021
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ (Anh), cử nhân quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ tháng 5/2016 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  + Sở hữu cá nhân: 972.114 cổ phần, chiếm 2,503% vốn điều lệ
  + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

  + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị: Không có

  + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng năm 2026	Quý 3 năm 2026
Thù lao, tiền lương và thưởng	266.000.000	247.500.000	256.000.000	60.000.000

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

3.1.4. Thành viên HĐQT – Nguyễn Ánh Hồng

- Họ và tên: Nguyễn Ánh Hồng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 23/03/1978
- Nơi sinh: Xã Xuân Lâm, tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng
- Số CCCD: 038078034811 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 22/12/2021
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng phòng – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Chí Linh.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ tháng 07/2001 đến tháng 10/2007	Cán bộ	Kho bạc Nhà nước Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là Kho bạc Nhà nước Chí Linh, phường Chí Linh, Thành phố Hải Phòng)
Từ tháng 11/2007 đến nay	Trưởng phòng	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chí Linh
Từ tháng 04/2019 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  + Sở hữu cá nhân: 922.581 cổ phần, chiếm 2,375% vốn điều lệ
  + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  + Sở hữu của người có liên quan: 1.169.698 cổ phần, chiếm 3,012% vốn điều lệ; trong đó:
    - Vợ Kiều Thị Nhung sở hữu 625.558 cổ phần, chiếm 1,611% vốn điều lệ;
    - Bố vợ Kiều Quang Vọng sở hữu 536.411 cổ phần, chiếm 1,381% vốn điều lệ;
    - Anh vợ Kiều Văn Cường sở hữu 7.729 cổ phần, chiếm 0,020% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

  + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị: Không có

  + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng năm 2026	Quý 3 năm 2026
Thù lao, tiền lương và thưởng	138.000.000	117.500.000	126.000.000	30.000.000

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

3.1.5. Thành viên HĐQT – Kiều Quang Vọng

- Họ và tên: Kiều Quang Vọng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/01/1956
- Nơi sinh: Chí Linh, Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Chí Linh, Hải Phòng
- Số CCCD: 030056000171 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 08/6/2022
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Trước tháng 04/2007	Tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Công nghiệp dịch vụ Cao Cường
Từ tháng 04/2007 đến năm 2013	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Công nghiệp dịch vụ Cao Cường
Từ tháng 04/2007 đến tháng 12/2017	Phó Tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
Từ tháng 04/2007 đến tháng 04/2018	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
Từ năm 2013 đến tháng 12/2023	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Công nghiệp dịch vụ Cao Cường
Từ 2024 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Công nghiệp dịch vụ Cao Cường
Từ tháng 04/2022 đến nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  + Sở hữu cá nhân: 536.411 cổ phần, chiếm 1,381% vốn điều lệ
  + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  + Sở hữu của người có liên quan: 11.746.446 cổ phần, chiếm 30,245% vốn điều lệ; trong đó:
    - Con trai Kiều Văn Cường sở hữu 7.729 cổ phần, chiếm 0,020% vốn điều lệ;
    - Con gái Kiều Thị Nhung sở hữu 625.558 cổ phần, chiếm 1,611% vốn điều lệ;
    - Em trai Kiều Văn Mát sở hữu 4.481.374 cổ phần, chiếm 11,539 % vốn điều lệ;
    - Em trai Kiều Văn Phu sở hữu 42.653 cổ phần, chiếm 0,110% vốn điều lệ;
    - Em trai Kiều Văn Cao sở hữu 338.924 cổ phần, chiếm 0,873% vốn điều lệ;
    - Em gái Kiều Thị Miền sở hữu 1.623 cổ phần, chiếm 0,004% vốn điều lệ;
    - Em gái Kiều Thị Dung sở hữu 9.484 cổ phần, chiếm 0,024% vốn điều lệ;
    - Em dâu Vũ Thị Thanh Huyền sở hữu 460.364 cổ phần, chiếm 1,185% vốn điều lệ;
    - Con rể Nguyễn Ánh Hồng sở hữu 922.581 cổ phần, chiếm 2,375% vốn điều lệ;
    - Công ty cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ Cao Cường sở hữu 4.856.156 cổ phần, chiếm 12,504% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

  + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị: Không có

  + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng năm 2026	Quý 3 năm 2026
Thù lao, tiền lương và thưởng	376.000.000	357.500.000	336.000.000	90.000.000

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

- Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

3.2. Danh sách Ban Kiểm soát

Tên	Chức vụ	Ghi chú
Dương Thị Thảo	Trưởng ban kiểm soát	
Bùi Thị Vẻ	Thành viên ban kiểm soát	
Nguyễn Thị Thu Hoài	Thành viên ban kiểm soát	

3.2.1. Trưởng ban kiểm soát - Dương Thị Thảo

- Họ và tên: Dương Thị Thảo
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 30/04/1984
- Nơi sinh: Chu Văn An, Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Chí Linh, Hải Phòng
- Số CCCD: 030184011432 do Bộ Công an cấp ngày 28/08/2024
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Green SCL
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 01/2007 – 04/2008	Kế toán	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Anh Trang
Từ 10/2008 – 11/2013	Kế toán	Công ty Cổ phần Công nghiệp – Dịch vụ Cao Cường
Từ 01/2014 – 06/2018	Kế toán	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 01/2019 – 08/2024	Kế toán	Công ty Cổ phần CTA
Từ 09/2024 – 04/2025	Kinh doanh	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
Từ 23/04/2025 đến nay	Trưởng BKS	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
Từ tháng 11/2025 đến nay	Trưởng BKS	Công ty cổ phần Green SCL

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  + Sở hữu cá nhân: 43.263 cổ phần, chiếm 0,111% vốn điều lệ
  + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  + Sở hữu của người có liên quan: 24.144 cổ phần, chiếm 0,062% vốn điều lệ; trong đó:
    - Chồng Nguyễn Văn Tùng sở hữu 24.144 cổ phần, chiếm 0,062% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

  + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát: Không có

  + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

    - Cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động: Đã mua 31.588 cổ phiếu với giá 10.000 đồng/ cổ phiếu
    - Thù lao, tiền lương và thưởng:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng năm 2026	Quý 3 năm 2026
Thù lao, tiền lương và thưởng	56.566.577	217.122.488	250.000.000	75.000.000

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

- Thành viên Ban kiểm soát có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

3.2.2. Thành viên Ban kiểm soát - Bùi Thị Vẻ

- Họ và tên: Bùi Thị Vẻ
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 23/12/1975
- Nơi sinh: Chí Linh, Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Chí Linh, Hải Phòng
- Số CCCD: 030175007385 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 13/4/2020
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tài chính Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng Quỹ tín dụng nhân dân Phả Lại và thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần Green SCL
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ tháng 6/1996 đến nay	Kế toán trưởng	Quỹ tín dụng nhân dân Phả Lại
Từ tháng 4/2019 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
Từ tháng 11/2025 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty cổ phần Green SCL

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  + Sở hữu cá nhân: 5.192 cổ phần, chiếm 0,013% vốn điều lệ
  + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Không

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát: Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

- Cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động: Đã mua 3.000 cổ phiếu với giá 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Thù lao, tiền lương và thưởng:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng năm 2026	Quý 3 năm 2026
Thù lao, tiền lương và thưởng	48.000.000	58.000.000	37.000.000	12.000.000

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Thành viên Ban kiểm soát có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

3.2.3. Thành viên Ban kiểm soát - Nguyễn Thị Thu Hoài

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hoài
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 16/10/1982
- Nơi sinh: Hoàng Hoa Thám, Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Chí Linh, Hải Phòng
- Số CCCD: 033182004804 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 24/04/2021
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán viên tại Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ Cao Cường và thành viên ban kiểm soát công ty cổ phần Green SCL

- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ tháng 01/2011 đến nay	Kế toán	Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ Cao Cường
Từ tháng 4/2018 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
Từ tháng 11/2025 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty cổ phần Green SCL

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  + Sở hữu cá nhân: 20.029 cổ phần, chiếm 0,052% vốn điều lệ
  + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  + Sở hữu của người có liên quan: 205.693 cổ phần, chiếm 0,530% vốn điều lệ; trong đó:
    - Chồng Nguyễn Hữu Tuấn sở hữu 205.693 cổ phần, chiếm 0,530% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Không

  + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát: Không có

  + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:
    - Cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động: Đã mua 8.622 cổ phiếu với giá 10.000 đồng/ cổ phiếu
    - Thù lao, tiền lương và thưởng:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng năm 2026	Quý 3 năm 2026
Thù lao, tiền lương và thưởng	83.000.000	130.000.000	128.000.000	45.000.000

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.

- Thành viên Ban kiểm soát có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

3.3. Danh sách Ban Điều hành

Họ, Tên	Chức vụ	Ghi chú
Vũ Văn Chiến	Tổng Giám đốc	
Phạm Văn Thư	Phó Tổng Giám đốc	
Đào Xuân Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc	

3.3.1. Tổng Giám đốc - Vũ Văn Chiến

- Họ và tên: Vũ Văn Chiến
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 16/9/1986
- Nơi sinh: Chí Linh, Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Chí Linh, Hải Phòng
- Số CCCD: 030086007344 cấp ngày 25/04/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện tự động hóa
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký đại chúng: Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Green SCL
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ tháng 02/2011 đến tháng 5/2018	Cán bộ	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
Tháng 5/2018 đến nay	Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
Từ tháng 11/2025 đến nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Công ty cổ phần Green SCL

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân trong tổ chức đăng ký chào bán:

+ Sở hữu cá nhân: 594.663 cổ phần, chiếm 1,531% vốn điều lệ
+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Sở hữu của người có liên quan: Không có

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với TGĐ: Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng năm 2026	Quý 3 năm 2026
Thù lao, tiền lương và thưởng	1.000.000.000	871.500.000	1.000.000.000	240.000.000

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Tổng giám đốc có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

3.3.2. Phó tổng giám đốc – Phạm Văn Thư

- Họ và tên: Phạm Văn Thư
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 04/07/1984
- Nơi sinh: Chí Linh, Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Chí Linh, Hải Phòng
- Số CCCD: 030084015208 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/04/2021
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kĩ thuật xây dựng, Cử nhân quản trị kinh doanh
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ tháng 01/2019 đến nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  + Sở hữu cá nhân: 118.447 cổ phần, chiếm 0,305% vốn điều lệ
  + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  + Sở hữu của người có liên quan: 17.013 cổ phần, chiếm 0,044% vốn điều lệ; trong đó
    - Anh trai Phạm Trung Chính sở hữu 1.652 cổ phần, chiếm 0,004% vốn điều lệ;
    - Vợ Lương Thị Thúy sở hữu 15.361 cổ phần, chiếm 0,040% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

  + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Phó Tổng Giám đốc: Không có

  + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng năm 2026	Quý 3 năm 2026
Thù lao, tiền lương và thưởng	547.401.442	578.948.077	640.000.000	180.000.000

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Phó Tổng giám đốc có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

3.3.3. Phó Tổng giám đốc – Đào Xuân Quỳnh

- Họ và tên: Đào Xuân Quỳnh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 14/02/1982
- Nơi sinh: Lê Đại Hành, Hải Phòng

- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Chí Linh, Hải Phòng
- Số CCCD: 030082004912 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25/4/2021
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Công ty cổ phần Green SCL.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Tháng 8/2013 đến tháng 6/2017	Trưởng Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
Tháng 6/2017 đến Tháng 11/2017	Thành viên Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
Tháng 11/2017 đến tháng 4/2025	Trưởng Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
Tháng 10/2010 đến 31/12/2024	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ
Tháng 5/2025 đến nay	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
Từ tháng 11/2025 đến nay	Giám đốc	Công ty cổ phần Green SCL

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  + Sở hữu cá nhân: 87.331 cổ phần, chiếm 0,225% vốn điều lệ
  + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  + Sở hữu của người có liên quan: 31.727 cổ phần, chiếm 0,082% vốn điều lệ; trong đó:
    - Em trai Đào Xuân Cường sở hữu 5.837 cổ phiếu, chiếm 0,015% vốn điều lệ;
    - Vợ Phạm Thị Thu Thái sở hữu 25.890 cổ phiếu, chiếm 0,067% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

  + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Phó Tổng Giám đốc: Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng năm 2026	Quý 3 năm 2026
Thù lao, tiền lương và thưởng	236.000.000	471.500.000	640.000.000	180.000.000

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Phó Tổng giám đốc có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có

3.4. Kế toán trưởng - Trần Văn Hoan

- Họ và tên: Trần Văn Hoan
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/10/1984
- Nơi sinh: Trần Hưng Đạo, Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Trần Hưng Đạo, Hải Phòng
- Số CCCD: 030084019564 do Bộ Công an cấp ngày 07/11/2024
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, chứng chỉ Kế toán trưởng
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức đăng ký chào bán: Kế toán trưởng
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Green SCL
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ tháng 12/2010 đến tháng 5/2018	Kế toán viên phòng kế toán	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
Từ tháng 5/2018 đến nay	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
Từ tháng 11/2025 đến nay	Kế toán trưởng	Công ty cổ phần Green SCL

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký chào bán:
  + Sở hữu cá nhân: 59.500 cổ phần, chiếm 0,153% vốn điều lệ
  + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
  + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

  + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Kế toán trưởng: Không có

  + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá),...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng năm 2026	Quý 3 năm 2026
Thù lao, tiền lương và thưởng	470.672.596	440.534.616	450.000.000	120.000.000

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có.
- Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu là: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán 6.000.000 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 60.000.000.000 (*Sáu mươi tỷ*) đồng

5. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán: 12.500 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2025

Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán:

Chỉ tiêu	Khoản mục	Giá trị (đồng)
Vốn chủ sở hữu	(1)	432.910.268.559
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(2)	1.534.730.967
Số cổ phần đã phát hành	(3)	32.407.875
Số cổ phiếu quỹ	(4)	0
Số cổ phần đang lưu hành	(5)	32.407.875

$$\text{Giá trị sổ sách một cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2025} - \text{Lợi ích của cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}}$$

$$= \frac{432.910.268.559 - 1.534.730.967}{32.407.875} = 13.311 \text{ đồng/cổ phần}$$

Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/06/2026

Theo báo cáo tài chính bán niên hợp nhất năm 2026 đã được soát xét:

Chỉ tiêu	Khoản mục	Giá trị (đồng VN)
Vốn chủ sở hữu	(1)	486.401.176.975
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(2)	2.006.094.033
Số cổ phần đã phát hành	(3)	37.916.815
Số cổ phiếu quỹ	(4)	0
Số cổ phần đang lưu hành	(5)	37.916.815

$$\text{Giá trị sổ sách một cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2026} - \text{Lợi ích của cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}}$$

$$= \frac{486.401.176.975 - 2.006.094.033}{37.916.815} = 12.775 \text{ đồng/cổ phần}$$

Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/09/2026

Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2026 chưa được kiểm toán:

Chỉ tiêu	Khoản mục	Giá trị (đồng VN)
Vốn chủ sở hữu	(1)	533.637.891.337
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(2)	2.021.610.292
Số cổ phần đã phát hành	(3)	38.836.815
Số cổ phiếu quỹ	(4)	0
Số cổ phần đang lưu hành	(5)	38.836.815

$$\text{Giá trị sổ sách một cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/9/2026} - \text{Lợi ích của cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}}$$

$$= \frac{533.637.891.337 - 2.021.610.292}{38.836.815} = 13.689 \text{ đồng/cổ phần}$$

Giá trị thị trường (giá bình quân của 20 phiên gần nhất tính đến ngày 09/10/2026): 27.345 đồng/cổ phần

TT	Ngày	Giá trung bình	TT	Ngày	Giá trung bình
1	14/09/2026	26.100	11	28/09/2026	26.900
2	15/09/2026	26.800	12	29/09/2026	27.700
3	16/09/2026	26.200	13	30/09/2026	28.900
4	17/09/2026	26.100	14	01/10/2026	28.900
5	18/09/2026	26.000	15	02/10/2026	28.400
6	21/09/2026	25.500	16	05/10/2026	27.700
7	22/09/2026	26.100	17	06/10/2026	27.600
8	23/09/2026	26.800	18	07/10/2026	29.000
9	24/09/2026	27.400	19	08/10/2026	28.900
10	25/09/2026	26.800	20	09/10/2026	29.100

P bình quân = 27.345 đồng/cổ phần

Căn cứ đề xuất mức giá phát hành:

Đợt phát hành cổ phiếu của SCL được chào bán cho cổ đông hiện hữu. Do tính chất ưu tiên của đối tượng phân phối, đồng thời căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu sử dụng vốn của SCL, giá thị trường và giá trị sổ sách của cổ phiếu SCL được tính toán, cũng như trên cơ sở phân tích mức độ pha loãng giá sau khi phát hành nên giá chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt này là **12.500** đồng/cổ phiếu, bằng **93,91%** giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2025, bằng **97,85%** giá trị sổ sách tại thời điểm 30/06/2026, bằng **91,32%** giá trị sổ sách tại thời điểm 30/09/2026 và bằng **45,71%** giá trị thị trường (Tính theo giá trung bình 20 phiên giao dịch từ 14/09/2026 đến 09/10/2026). Hiện nay giá thị trường của cổ phiếu SCL ở mức cao nhưng mức thanh khoản của cổ phiếu không cao nên việc giao dịch với khối lượng cổ phiếu lớn cũng gặp khó khăn hoặc việc giao dịch cổ phiếu giữa các cổ đông thông thường cũng ảnh hưởng khi có quá nhiều cổ đông cùng bán ra nhưng lượng cổ đông mua vào thấp. Do đó để đảm bảo việc phát hành thành công, Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn giá phát hành gần sát với giá trị sổ sách của Công ty là ở mức 12.500 đồng/ cổ phiếu. Mức giá này được lựa chọn trên tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình cổ phiếu bị pha loãng sau các đợt tăng vốn của Công ty, tính thanh khoản của thị trường.

7. Phương thức phân phối

Phân phối thông qua bảo lãnh phát hành: Không có.

Chào bán cho cổ đông hiện hữu tương ứng với tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ: Theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu, cụ thể như sau:

Phân phối và thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu phát hành thêm ("quyền mua")

- Tỷ lệ phân phối, thực hiện quyền: 100:15,4453 (tại thời điểm chốt danh sách để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phần được hưởng 01 (một) quyền, cổ đông sở hữu 1.000.000 quyền được mua 154.453 cổ phiếu mới).
- Trường hợp đã lưu ký: Công ty sẽ phối hợp với Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC") phân phối và thông báo quyền mua cho cổ đông thông qua các Công ty Chứng khoán ("CTCK") – Thành viên lưu ký của VSDC.
- Trường hợp cổ đông chưa lưu ký: Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.

Phương án làm tròn:

Đối với cổ phần lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông hiện hữu được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Chuyển nhượng quyền mua:

Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình hoặc từ chối quyền mua. Các cổ đông có chuyển nhượng quyền mua của mình cho nhà đầu tư trong nước khác trong thời gian quy định theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển nhượng cho người thứ 3). Cụ thể như sau:

Trong thời hạn chuyển nhượng quyền mua theo Thông báo của Tổ chức phát hành, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có nhu cầu.

Đối với cổ đông đã lưu ký

Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng và thực hiện tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch

Đối với cổ đông chưa lưu ký

Cổ đông thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền mua tại Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường – Phòng Tài chính kế toán – Số 214, Đường Lê Thánh Tông, Phường Chí Linh, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết:

Số cổ phiếu phân phối lại bao gồm phần lẻ cổ phần, số cổ phiếu chênh lệch phát sinh giữa số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán (6.000.000 cổ phiếu) và số lượng cổ phiếu thực tế chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền của các cổ đông và số cổ phiếu không chào bán hết do nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua (nếu có) sẽ được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu), giá cụ thể sẽ do HĐQT quyết định. Việc lựa chọn đối tượng được mua đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty, Hội đồng quản trị chỉ phân phối lại cho nhà đầu tư trong nước.

Các đối tượng có tên sau không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai trong trường hợp việc mua cổ phiếu phân phối lại khiến tỷ lệ sở hữu cổ phiếu SCL đạt các ngưỡng tỷ lệ sở hữu theo quy định tại Điều 35 Luật Chứng khoán 2019. Các đối tượng có tên trong danh sách được quyền mua từ 10% trở lên vốn điều lệ của SCL theo quy định tại Khoản 3, Điều 42, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

STT	Họ và tên	CMND/CCCD/ĐKKD	Mối quan hệ với SCL
1	Kiều Văn Mát	030069008716	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Hồng Quyền	038050004296	Thành viên HĐQT
3	Nguyễn Anh Dũng	030075006847	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Ánh Hồng	038078034811	Thành viên HĐQT
5	Kiều Quang Vọng	030056000171	Thành viên HĐQT
6	Công ty cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ Cao Cường	0800263713	Cổ đông lớn/ Người có liên quan

Việc một đối tượng có tên trong danh sách trên không có nghĩa là đối tượng đó có quyền mua cổ phiếu thuộc diện tiếp tục phân phối lại trong mọi trường hợp. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT căn cứ tình hình thực tế để lựa chọn tiếp tục chào bán cổ phiếu cho một hoặc nhiều đối tượng trong danh sách trên hoặc đối tượng khác ngoài danh sách (nếu phù hợp với tình hình thực tế) và báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp gần nhất. Việc lựa chọn đối tượng được mua đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

Trường hợp kết thúc đợt chào bán, số lượng cổ phiếu còn dư không phân phối hết sẽ được hủy bỏ. Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ theo số cổ phiếu thực tế phát hành.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu, thời hạn, phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: Không có
- Thời hạn đăng ký quyền mua và nộp tiền: Tối thiểu 20 ngày kể từ khi nhận được thông báo nhận quyền mua
- Phương thức đăng ký:
  + ***Đối với cổ đông đã lưu ký***: Cổ đông thực hiện thủ tục đăng ký mua cổ phiếu tại Công ty Chứng khoán nơi mở tài khoản lưu ký.
  + ***Đối với cổ đông chưa lưu ký***: Cổ đông thực hiện thủ tục đăng ký mua cổ phiếu và thanh toán tiền mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường, địa chỉ: Số 214, Đường Lê Thánh Tông, Phường Chí Linh, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Phương thức thanh toán:

  Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được nộp vào tài khoản phong tỏa nêu tại Điểm 11 Mục VII Bản cáo bạch này (Bao gồm tiền mua cổ phiếu của cổ đông đã lưu ký, chưa lưu ký và cổ đông phân phối lại).

Hết thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến thực hiện tối đa trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký phát hành có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá ba mươi ngày.

Thời gian tiến hành dự kiến: Thời gian thực hiện dự kiến trong Quý IV/2026 đến quý I/2027 sau khi có Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Lịch trình phân phối cổ phiếu cho nhà đầu tư **dự kiến** như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực	D
2	Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định	D+1 đến D+7
3	Gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm tới Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC)	D+1 đến D+7
4	Ngày đăng ký cuối cùng	D+17
5	Nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền mua cổ phiếu	D+19 đến D+20
6	Cổ đông nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu ("thông báo")	D+26 đến D+28
7	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu	D+26 đến D+38
8	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phần	D+26 đến D+48
9	VSDC gửi danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu phát hành thêm và chuyển tiền về tài khoản phong tỏa	D+55 đến D+57
10	HĐQT phân phối đối với số cổ phần không bán hết *(dự kiến khoảng 2 tuần)*	D+69 đến D+71
11	Báo cáo kết quả phát hành cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	D+71 đến D+81

TT	Nội dung công việc	Thời gian
12	Nộp hồ sơ đăng ký giao dịch bổ sung và đăng ký lưu ký bổ sung	D+81 đến D+91
13	Cổ phiếu phát hành thêm chính thức giao dịch	D+94 đến D+104

Lịch trình phân phối cổ phiếu chính thức sẽ được công bố chính thức sau khi Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền được tự do chuyển nhượng.
- Phần lẻ cổ phần, Số cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu không chào bán hết do nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua được phân phối tiếp bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
- Số tài khoản phong toả: 4610023146
- Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Dương

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Không áp dụng

13. Hủy bỏ đợt chào bán

Không áp dụng

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Căn cứ theo quy định tại Điểm đ, Khoản 1 Điều 139 Nghị định 155 và Công văn thông báo số 1963/UBCK-PTTT ngày 27/05/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật là 49%. Để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Công ty cam kết việc chào bán cổ phiếu ra công chúng không làm tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Đối với đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty, nếu tất cả cổ đông hiện hữu đều thực hiện quyền mua theo tỷ lệ cổ phiếu sở hữu thì sẽ không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại SCL. Trường hợp

phát sinh số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống và số cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua và/hoặc không nộp tiền mua trong đợt chào bán này, Hội đồng quản trị sẽ chỉ phân phối cho nhà đầu tư trong nước.

15. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến cổ phiếu chào bán)

Thuế áp dụng đối với nhà đầu tư cá nhân

Thu nhập từ cổ tức và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập cá nhân với mức thuế suất như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ cổ tức:
    - Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5% (năm phần trăm); và
    - Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp nhận cổ tức bằng tiền mặt và trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu: 0,1% (không phẩy một phần trăm) tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Thuế áp dụng đối với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất như sau:

- Trường hợp nhà đầu tư tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

  Thuế thu nhập doanh nghiệp = Thu nhập tính thuế x thuế suất

  Trong đó:
    - Thu nhập tính thuế: bằng tổng giá trị cổ phiếu bán ra trong kỳ - tổng giá mua cổ phiếu được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán cổ phiếu; và
    - Thuế suất: bằng 20% (hai mươi phần trăm).
- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật doanh nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính như sau:

  Thuế thu nhập doanh nghiệp = Thu nhập tính thuế x thuế suất

Trong đó:

- Thu nhập tính thuế: bằng tổng doanh thu bán cổ phiếu tại thời điểm chuyển nhượng; và
- Thuế suất: bằng 0,1% (không phẩy một phần trăm)

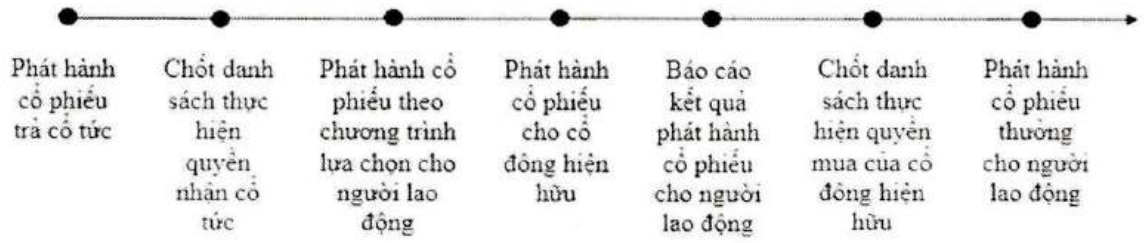
16. Thông tin về các cam kết

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường cam kết: Toàn bộ số cổ phần phát hành thêm sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Cam kết khác liên quan đến đợt chào bán: Không có.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Trong năm 2026, Công ty dự kiến thực hiện 4 đợt phát hành gồm: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức (đã hoàn thành), Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (đã báo cáo kết quả), Phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng (đợt phát hành này), phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Lộ trình triển khai các đợt phát hành trong năm của Công ty như sau:



Lưu ý: Do Công ty hoàn thành phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trước khi thực hiện chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua trong đợt phát hành hiện hữu này nên người lao động đã mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

Việc phát hành cổ phiếu thưởng thực hiện sau khi chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm nên các đối tượng là người lao động được hưởng cổ phiếu thưởng không có quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

Thông tin về các đợt phát hành như sau:

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2025 (Đã hoàn thành):

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 5.509.339 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đã phát hành thành công: **5.508.940** cổ phiếu
- Tỷ lệ phát hành: 17%
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:17 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền và cứ 100 quyền sẽ được nhận thêm 17 cổ phần mới phát hành thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị)
- Nguồn vốn thực hiện: Từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2025 chưa phân phối theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán.
- Mục đích phát hành: Trả cổ tức năm 2025.

Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Đã hoàn thành):

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 920.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 920.000 cổ phiếu
- Giá chào bán: 10.000 đồng/ cổ phần
- Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
- Đối tượng chào bán: Người lao động làm việc tại Công ty đáp ứng tiêu chuẩn tham gia
- Tiêu chuẩn người lao động được tham gia chương trình: Quy định tại Phụ lục 2 tờ trình số 359/TTr-HĐQT ngày 02/04/2026 của Hội đồng quản trị.
- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành ESOP bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 02 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Chưa thực hiện):

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 680.000 cổ phiếu
- Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
- Đối tượng chào bán: Người quản lý Công ty gồm: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng
- Tiêu chuẩn người lao động được tham gia chương trình: Thành viên hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng có tham gia trực tiếp vào hoạt động điều hành Công ty tính đến 31/12/2025 và đang làm việc tại Công ty tại thời điểm phát hành.
- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành ESOP bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 02 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán này sẽ được Công ty sử dụng cho mục đích tái cơ cấu lại nguồn vốn, đảm bảo cân đối tài chính thông qua việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính của Công ty.

2. Phương án khả thi

Không áp dụng

3. Thông tin về tình hình triển khai dự án

Không áp dụng

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán 6.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu là 75.000.000.000 đồng được dùng để thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính của Công ty với Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hải Dương. Cụ thể:

Bảng 32. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

STT	Số Hợp đồng	Số tiền dự kiến sử dụng từ đợt chào bán (đồng)	Thời gian sử dụng vốn dự kiến
1	Hợp đồng tín dụng số 02/2026/1605829/HĐTD ký ngày 29/07/2026	75.000.000.000	Tháng 1-2/2027
	Tổng cộng	**75.000.000.000**	

(Nguồn: SCL)

Thứ tự ưu tiên sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán như sau: Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được ưu tiên thanh toán cho các khoản nợ đến hạn trước.

Trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ thì Công ty sẽ sử dụng các nguồn, quỹ hợp lệ của Công ty hoặc các nguồn vốn huy động khác phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ của Công ty để thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính nhằm đảm bảo khả năng thanh toán đúng hạn các nghĩa vụ nợ, duy trì uy tín và quan hệ tín dụng của Công ty với các tổ chức tín dụng.

Thông tin về khoản nợ với Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hải Dương:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2026/1605829/HĐTD ký ngày 29/07/2026 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường:

- Bên cấp tín dụng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)
- Khách hàng: Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường
- Mối quan hệ với Tổ chức phát hành và Người có liên quan của Tổ chức phát hành: Không có
- Giá trị hạn mức tín dụng: 320.000.000.000 đồng
- Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng.
- Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C. Cụ thể: Thanh toán chi phí mua vật tư, trả tiền nhân công, tiền lương, bảo hiểm, chi phí vận chuyển… phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- Phương thức giải ngân vốn vay: Giải ngân nhiều lần bằng các hợp đồng tín dụng cụ thể.
- Lãi suất: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kì.
- Tài sản đảm bảo/thế chấp: Phương tiện vận tải của Công ty; Hệ thống máy móc thiết bị và các tài sản gắn liền với đất tại dự án Hệ thống kho chứa hàng và xuất hàng tại cảng Vĩnh Tân; Các dây chuyền, máy móc sản xuất thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường tại trụ sở chính công ty và nhà máy gạch tại Phả Lại; Các tài sản gắn liền với đất và Tài sản hình thành trong tương lai của Công ty tại Hải Phòng.
- Dư nợ tín dụng đến thời điểm ngày 27/08/2026: 86.228.758.195 đồng.
- Tổng số tiền giải ngân đến ngày 27/08/2026: 86.228.758.195 đồng.
- Thời hạn dự kiến thanh toán: Theo thời gian ghi trên Hợp đồng tín dụng cụ thể.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Các đối tác liên quan đến đợt chào bán ra công chúng

a. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Trụ sở chính : Tầng 14 Tòa nhà Sudico, Đường Mễ Trì, Phường Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại : 024 3868 9566/024 3868 9588 Fax: 024 3868 6248

Website: *www.kiemtoanava.vn*

b. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Trụ sở chính: Tầng 17, Tòa VCCI Tower, số 9 Đào Duy Anh, phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: (84-24) 3728 0921 Fax: (84-24) 3728 0920

Website: *https://www.tvsi.com.vn/*

2. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán ra công chúng

Với tư cách là tổ chức tư vấn phát hành, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt ("TVSI") đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán ra công chúng được sử dụng để thanh toán Hợp đồng tín dụng số 02/2026/1605829/HĐTD ký ngày 29/07/2026 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hải Dương và Công ty Cổ phần Sông đà Cao Cường. Việc sử dụng vốn thu được từ chào bán để thanh toán nợ vay ngân hàng nhằm mục đích tái cấu trúc lại tình hình tài chính của Công ty, giảm nợ vay nhằm giảm chi phí lãi vay từ đó giúp tăng lợi nhuận và tăng khả năng tự chủ tài chính. Ngoài ra, việc tăng vốn và sử dụng vốn phát hành thêm năm 2026 là phù hợp với định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn hiện tại, xu thế thị trường ngành xây dựng, vật liệu xây dựng và quy định của Nhà nước.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính th am khảo với nhà đầu tư. Nhà đầu tư tự chủ động ra quyết định đầu tư.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN

TP. Hải Phòng, ngày 20 tháng 10 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0200376530 CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

KIỀU VĂN MÁT

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ VĂN CHIẾN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN VĂN HOAN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

S.G.P: 40 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT P. KIM LIÊN - T.P HÀ NỘI

BÙI THỊ THANH HIỀN

PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 22 ngày 10/08/2026
2. Phụ lục II: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 số 486/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026 thông qua phương án phát hành (kèm theo Tờ trình Phương án số 361/TTr-HĐQT ngày 02/04/2026) và Nghị quyết của HĐQT số 1191/NQ-HĐQT ngày 21/09/2026 thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
3. Phụ lục III: Điều lệ công ty
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính năm 2024, 2025 đã được kiểm toán; Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 đã được soát xét; Báo cáo tài chính quý 3/2026 chưa được kiểm toán
5. Phụ lục V. Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất được kiểm toán